

SÁNG TẠO ĐỔI MỚI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

SÁNG TẠO ĐỔI MỚI

An Phát Holdings đã có một năm 2023 tương đối thành công với sự phục hồi và bứt phá mạnh mẽ ở hầu hết các mảng kinh doanh, tiếp tục khẳng định uy tín và vị thế ở cả thị trường trong nước và sân chơi toàn cầu. Các sản phẩm và dịch vụ của An Phát Holdings nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao của người tiêu dùng. Đây chính là nguồn động lực to lớn, tiếp thêm sức mạnh để An Phát Holdings ngày một phát triển vững mạnh, kiến tạo thêm nhiều giá trị bền vững.

Theo dự báo, trong năm 2024 các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Nhưng không vì thế mà chúng tôi cho phép mình được ngơi nghỉ hay chùn bước trước khó khăn. Vượt lên tất cả, Tập đoàn An Phát Holdings, với tập thể vững mạnh gần 5.000 con người, sẽ quyết tâm đồng lòng tiến về phía trước, đón nhận thời cơ và thách thức, không ngừng **"SÁNG TẠO - ĐỔI MỚI"**, kiến tạo những thành công mới.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh
APH	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
BCTC	Báo cáo tài chính
BĐH	Ban Điều hành
BĐS	Bất động sản
BKS	Ban Kiểm soát
BLĐ	Ban lãnh đạo
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CPI	Consumer Price Index – Chỉ số giá tiêu dùng
CTCP	Công ty Cổ phần
CT TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GDP	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
IPO	Initial Public Offering – Chào bán lần đầu ra công chúng
KCN	Khu Công nghiệp
KPI	Key Performance Indicators – Chỉ số đo lường hiệu quả công việc
MCK	Mã chứng khoán
PTBV	Phát triển bền vững
TC-KT	Tài chính – Kế toán
TP	Thành phố
QTRR	Quản trị rủi ro
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



01 **CHƯƠNG 1** **GIỚI THIỆU TỔNG QUAN**

Tầm nhìn, sứ mệnh, định vị thương hiệu	11
Dấu ấn năm 2023	12
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	14
Thông điệp của Tổng Giám đốc	16
Thông tin khái quát	18
Lịch sử hình thành và phát triển	20
Hệ sinh thái Tập đoàn An Phát Holdings	22
Địa bàn kinh doanh	24
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	26
Cơ cấu quản trị Tập đoàn	28
Các công ty con	30
Giới thiệu HĐQT, BDH và BKS	34

02 **CHƯƠNG 2** **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

Định hướng chiến lược kinh doanh các lĩnh vực	44
Định hướng chiến lược hoạt động quản trị	46
Định hướng chiến lược hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	47
Định hướng chiến lược hoạt động nghiên cứu và phát triển	47

03 **CHƯƠNG 3** **BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024**

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2023 và triển vọng kinh tế năm 2024	50
Ngành nhựa Việt Nam 2023 và triển vọng 2024	52
Kết quả hoạt động năm 2023	53
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	62
Kế hoạch hoạt động năm 2024	66

04 **CHƯƠNG 4** **QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

Mô hình quản trị Tập đoàn An Phát Holdings	70
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	71
Báo cáo của Ban Kiểm soát	75
Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông	79
Quản trị rủi ro	88

05 **CHƯƠNG 5** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH** 92 |



01

TỔNG QUAN VỀ AN PHÁT HOLDINGS

Tầm nhìn, sứ mệnh, định vị thương hiệu	11
Dấu ấn năm 2023	12
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	14
Thông điệp của Tổng Giám đốc	16
Thông tin khái quát	18
Lịch sử hình thành và phát triển	20
Hệ sinh thái Tập đoàn An Phát Holdings	22
Địa bàn kinh doanh	24
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	26
Cơ cấu quản trị Tập đoàn	28
Các công ty con	30
Giới thiệu HĐQT, BDH và BKS	34



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU

Tầm nhìn

Trở thành Tập đoàn nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á

Sứ mệnh

Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam cùng phát triển, nâng tầm vị thế thương hiệu nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường Việt Nam.

Giá trị cốt lõi

SÁNG TẠO - ĐỔI MỚI



ĐOÀN KẾT - KỈ LUẬT



NHÂN VĂN - CHIA SẺ



HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG



DẤU ẤN 2023



KHU CÔNG NGHIỆP AN PHÁT 1 ĐÃ THU HÚT 18 DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chỉ sau hơn một năm, Khu công nghiệp (KCN) An Phát 1 đã trở thành điểm sáng đầu tư tại Hải Dương, thu hút 18 dự án với tổng vốn đầu tư hơn 500 triệu USD, tiêu biểu như: Công ty TNHH sản xuất công nghệ Biel Crystal (vốn đầu tư 260 triệu USD), Công ty TNHH sản xuất ATR (Việt Nam) (21 triệu USD), Công ty TNHH Credible (Việt Nam) (20 triệu USD), Công ty TNHH Hengdian Group Dmegc Magnetics (Việt Nam) (15,3 triệu USD), và Công ty TNHH điện tử Sumida Việt Nam (15 triệu USD). An Phát Complex đã và đang liên tục nâng cao uy tín và khẳng định vị thế trên thị trường bất động sản công nghiệp, nhờ đó trở thành đối tác đáng tin cậy và mở ra các cơ hội đầu tư mới cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước

NHỰA HÀ NỘI ĐẠT GIẢI NHÀ CUNG ỨNG TOÀN DIỆN (BEST PERFORMANCE) CỦA TOYOTA BOSHOKU

Tháng 7/2023, tại Hội nghị nhà cung ứng thường niên 2023 của Toyota Boshoku, Nhựa Hà Nội đã vinh dự là nhà cung ứng duy nhất được trao giải Toàn diện (Best performance) do Toyota Boshoku Việt Nam và Toyota Boshoku Châu Á trao tặng. Theo đánh giá của Toyota Boshoku, năm 2022 Nhựa Hà Nội đã đạt đủ 4 tiêu chí 'S, Q, C, D' - An toàn, Chất lượng, Giá cả, Giao hàng để xuất sắc giành được giải Best Performance 2022. Nhựa Hà Nội bắt đầu triển khai dự án khuôn và cung cấp linh kiện cho Toyota Boshoku từ năm 2019. Năm 2020 - 2021, Nhựa Hà Nội đã đạt được giải thưởng dành cho nhà cung ứng trong hạng mục S (An toàn) và Q (Chất lượng). Đây là năm đầu tiên Nhựa Hà Nội nhận được giải cho cả 4 tiêu chí. Toyota Boshoku thành lập năm 1918, là nhà sản xuất linh kiện ô tô của Nhật Bản - một thành viên của Tập đoàn Toyota.



NHỰA HÀ NỘI VINH DỰ ĐẠT TOP 10 SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC CỦA HÀ NỘI NĂM 2023

Tháng 12/2023, Sở Công Thương Hà Nội đã tổ chức Lễ tôn vinh và trao danh hiệu cho TOP 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực TP Hà Nội năm 2023. Nhựa Hà Nội vinh dự lọt top các doanh nghiệp đạt giải. Các doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận đã có chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh, cải tiến mô hình tổ chức sản xuất công nghiệp để tối ưu hóa các nguồn lực đầu vào và nâng cao hiệu quả, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, nhằm mở rộng thị trường trong nước, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và hội nhập kinh tế.



THE POLARIS - SELLER OF THE YEAR 2023 CỦA AMAZON GLOBAL SELLING VIETNAM GỌI TÊN ANECO

Tháng 12/2023, AnEco vinh dự là thương hiệu chiến thắng hạng mục "The Polaris - Seller of the year" 2023 do Amazon Global Selling Vietnam trao tặng. Đây là giải thưởng cao quý nhất được trao trong đêm "Amazon Vip Night" nhằm tôn vinh Nhà bán hàng Việt Nam tiêu biểu có hoạt động nổi bật nhất trên sàn TMĐT Amazon trong năm 2023. Ban lãnh đạo khẳng định giải thưởng này là sự ghi nhận nỗ lực của AnEco trong 2023 đồng thời là sự khích lệ để AnEco tiếp tục phát triển trong các năm sắp tới. Dự kiến trong năm 2024, AnEco sẽ cho ra mắt thêm các dòng sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn mới, tiếp tục đẩy mạnh hành trình thương mại điện tử xuyên biên giới của mình.

NHỰA AN PHÁT XANH XUẤT SẮC ĐẠT 2 GIẢI TẠI CUỘC BÌNH CHỌN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT 2023

Tháng 12/2023, Nhựa An Phát Xanh (HoSE: AAA) đã xuất sắc lọt Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành phi tài chính và Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa vừa và tại "Lễ trao giải Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2023". Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết là sự mở rộng từ Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên, do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức với sự tài trợ thường niên và duy nhất của Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital và cùng với sự hỗ trợ kỹ thuật hiệu quả của các đối tác chuyên nghiệp như IFC, ACCA, các công ty kiểm toán hàng đầu Deloitte, EY, KPMG, PwC.



AN PHÁT HOLDINGS LỌT TOP 1 "NHÀ TUYỂN DỤNG ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT KHỐI ĐA NGÀNH NĂM 2023"

Tháng 1/2024, Tập đoàn An Phát Holdings đã được chương trình "Employer of choice 2023" do CareerViet tổ chức vinh danh ở 2 hạng mục giải thưởng: Top 1 Nhà tuyển dụng được yêu thích Khối đa ngành, và Top 100 Nhà tuyển dụng được yêu thích Khối Doanh nghiệp lớn. "Employer of choice 2023" là khảo sát phi lợi nhuận của CareerViet được khởi động từ cuối tháng 11/2023 và kết thúc bình chọn trực tuyến vào 9/1/2024. Đã có hơn 62.000 lượt quan tâm, trong đó hơn 39.000 người thuộc các độ tuổi, ngành nghề khác nhau trên toàn quốc tham gia khảo sát.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng và đối tác,

Lời đầu tiên, tôi muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc tới sự hỗ trợ to lớn và quý báu của Quý vị dành cho An Phát Holdings trong hành trình hơn 20 năm qua.

Sau hơn hai năm đại dịch, kinh tế thế giới và Việt Nam đã trải qua một năm 2023 với nhiều thách thức và biến động khó lường. Vòng xoáy lạm phát và suy thoái kinh tế bủa vây, GDP giảm tốc, căng thẳng địa chính trị leo thang đã kéo lùi sự tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế. Môi trường đầu tư kinh doanh vì thế cũng ít nhiều bị tác động.

Nhưng trong bức tranh toàn cảnh u ám đó, vẫn le lói những vết sáng cơ hội và Tập đoàn An Phát Holdings đã kịp thời nắm bắt để tăng tốc đổi mới sáng tạo, nâng cao hơn nữa giá trị cốt lõi nhằm tối đa hóa các giá trị mà chúng tôi mang đến cho khách hàng và đối tác.

Đón thời cơ, tăng tốc bứt phá

Có thể nói, An Phát Holdings đã có một năm 2023 tương đối thành công với sự phục hồi và bứt phá mạnh mẽ ở hầu hết các mảng kinh doanh, tiếp tục khẳng định uy tín và vị thế ở cả thị trường trong nước và sân chơi toàn cầu. Các sản phẩm và dịch vụ của An Phát Holdings nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao của người tiêu dùng. Đây chính là nguồn động lực to lớn, tiếp thêm sức mạnh để An Phát Holdings ngày một phát triển vững mạnh, kiến tạo thêm nhiều giá trị bền vững.

Năm vừa qua, Tập đoàn ghi nhận doanh thu 14.522 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 219 tỷ đồng, tăng trưởng 282% so với thực hiện năm 2022. Mảng kinh doanh cốt lõi là bao bì và hạt nhựa phụ gia tiếp tục mang về nguồn doanh thu và lợi nhuận lớn cho Tập đoàn, giúp chúng tôi khẳng định vị trí nhà xuất khẩu bao bì lớn nhất Việt Nam và Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nhựa lớn nhất Việt Nam.

Ở mảng công nghiệp hỗ trợ, nhờ đón đầu " làn sóng " chuyển dịch đầu tư mới, chúng tôi đang ngày càng tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, giữ vững vị trí là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Còn đối với mảng bất động sản, chúng tôi tiếp tục đón nhận thêm tin vui khi Khu công nghiệp An Phát 1 chính thức đi vào hoạt động và trở thành điểm sáng trong thu hút FDI ở tỉnh Hải Dương, với tổng số vốn đăng ký đầu tư hiện đã lên tới hơn 500 triệu USD.

Nhờ nền tảng kinh nghiệm và lợi thế sẵn có, cùng sự nhạy bén, linh hoạt trong nắm bắt nhu cầu của thị trường, trong năm vừa qua, An Phát Holdings đã tăng tốc triển khai thêm nhiều dự án mới, với kỳ vọng đem lại nguồn doanh thu nghìn tỷ cho Tập đoàn. Trong đó

nổi bật là dự án sản xuất nhiên liệu xanh An Phát, dự án mở rộng nhà máy sản xuất sản nhựa An Cường và dự án mở rộng nhà máy sản xuất bao bì công nghiệp An Vinh. Cả ba dự án này dự kiến sẽ chính thức đi vào vận hành trong năm 2024 hoặc 2025.

Song song với đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, chúng tôi cũng dồn nhiều tâm huyết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, tiên phong ứng dụng các công nghệ mới, đồng thời tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy văn hóa doanh nghiệp mang bộ Gen người An Phát, quản trị doanh nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Với chiến lược kinh doanh bền vững xuyên suốt hơn 20 năm qua, An Phát Holdings tự tin khẳng định mình là một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng, luôn cố gắng mang đến giá trị tốt đẹp cho xã hội.

Đổi mới – sáng tạo, vươn tầm cao mới

Bước sang chặng đường mới, chúng tôi biết chắc rằng sẽ có nhiều chông gai ở phía trước, nhưng vượt lên tất cả, với tinh thần quyết tâm lớn lao của gần 5.000 cán bộ công nhân viên, cùng sự ủng hộ quý báu của khách hàng, cổ đông và đối tác, tôi tin tưởng An Phát Holdings sẽ có đủ sức mạnh để tiếp tục vươn xa hơn, chinh phục những tầm cao mới.

Trên tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ lớn, làm lớn, năm 2024, chúng tôi đã vạch ra một kế hoạch kinh doanh nhiều tham vọng, với mục tiêu doanh thu 14.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 314 tỷ đồng (tăng 43% so với thực hiện năm 2023).

Để hiện thực hóa mục tiêu này, chúng tôi sẽ tập trung đẩy mạnh mở rộng sản xuất và kinh doanh tại lĩnh vực cốt lõi là nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa xây dựng, nguyên vật liệu ngành nhựa. Đồng thời cam kết nâng cao hiệu suất sản xuất, tối ưu chi phí và quy trình vận hành để đảm bảo năng lực cạnh tranh bền vững trên thị trường.

Đồng thời, Tập đoàn cũng sẽ tập trung vào việc hiện thực hóa doanh thu và lợi nhuận trong lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp với việc đảm bảo tiến độ bàn giao cho khách hàng trong năm 2024, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, đánh giá các cơ hội đầu tư mới để mở rộng quỹ đất bất động sản khu công nghiệp.

Trân trọng

Chủ tịch HĐQT

PHẠM ÁNH DƯƠNG



Hy vọng, trong hành trình 10, 20 năm tiếp theo, An Phát Holdings vẫn sẽ nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và đồng hành của Quý vị. Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ của Quý vị trong suốt thời gian qua. Thay mặt Tập đoàn An Phát Holdings, tôi xin kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe và thành công.



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông, khách hàng và đối tác,

Năm 2023 là một năm đầy biến động nhưng cũng chứa đựng nhiều cơ hội để bứt phá vươn tầm. Chúng tôi rất vui mừng thông báo về sự phục hồi mạnh mẽ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn. Trong năm vừa qua, chúng tôi đã linh hoạt ứng phó với các biến động của thị trường, tiếp tục duy trì và khẳng định vị thế là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường tại khu vực Đông Nam Á.

Phục hồi và phát triển

Thương mại suy yếu, lạm phát leo thang, đầu tư FDI sụt giảm, thị trường xuất khẩu ảm đạm. Tất cả những điều này đã tạo nên bức tranh năm 2023 không mấy sáng sủa. Nhưng với tinh thần "sẵn sàng vượt sóng, đón cơ hội", ngay từ đầu năm, chúng tôi đã triển khai hàng loạt kế hoạch, hành động cụ thể, quyết liệt để thích ứng linh hoạt với tình hình thực tế, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, hiệu quả.

Mảng kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn là sản xuất bao bì, hạt nhựa phụ gia, nhựa xây dựng tiếp tục được mở rộng với sản lượng bán tăng. Các sản phẩm của An Phát Holdings ngày càng vươn xa tới nhiều thị trường lớn và khó tính như châu Âu, Nhật Bản và Mỹ. Trong khi đó, mảng thương mại bắt đầu báo lãi trở lại nhờ tối ưu chính sách tồn kho, bán hàng và giá hạt nhựa diễn biến ổn định hơn trong năm 2023. Ngoài ra, mảng bất động sản khu công nghiệp cũng bước đầu ghi nhận doanh thu, lợi nhuận từ việc khai thác Khu công nghiệp An Phát 1.

Không dừng lại ở các dự án sẵn có, đội ngũ của chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng thị trường, nắm bắt các nhu cầu, xu hướng mới, để từ đó bắt tay vào triển khai hàng loạt các dự án sản xuất mới tại các công ty con, kì vọng đem lại tăng trưởng kết quả kinh doanh cho Tập đoàn trong giai đoạn tiếp theo.

Trong năm vừa qua, An Phát Holdings ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 14.522 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 219 tỷ đồng, tăng gần gấp 3 lần so với cùng kì 2022. Thành quả này sẽ là bộ phận để chúng tôi bước vào năm 2024 với sự lạc quan và quyết tâm cao hơn.

Sáng tạo Đổi mới – Kiến tạo giá trị bền vững

Theo dự báo, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Nhưng không vì thế mà chúng tôi cho phép mình được ngơi nghỉ hay chùn bước trước khó khăn.

Vượt lên tất cả, Tập đoàn An Phát Holdings, với tập thể vững mạnh gần 5.000 con người, sẽ quyết tâm đồng lòng tiến về phía trước, đón nhận thời cơ và thách thức, kiến tạo những thành công mới.

Năm 2024, An Phát Holdings đặt kế hoạch doanh thu 14.000 tỷ đồng (giảm nhẹ 4% so với thực hiện 2023), lợi nhuận sau thuế đạt 314 tỷ đồng (tăng 43% so với thực hiện 2023). Động lực tăng trưởng lợi nhuận đến từ (1) tăng trưởng hoạt động kinh doanh cốt lõi là sản xuất các sản phẩm nhựa: nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa xây dựng (2) đẩy mạnh bàn giao và ghi nhận doanh thu, lợi nhuận Khu công nghiệp An Phát 1 (3) tăng cường hiệu quả hoạt động thương mại (4) tối ưu chi phí vận hành.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh xu thế tăng trưởng xanh ngày càng diễn ra mạnh mẽ, là một doanh nghiệp có trách nhiệm, An Phát Holdings đã và sẽ không thể đứng ngoài cuộc. Trong năm 2024 và nhiều năm tiếp theo, chúng tôi sẽ tiếp tục coi phát triển bền vững là kim chỉ nam trong mọi chiến lược kinh doanh, sẵn sàng chung tay cùng chính phủ hiện thực hóa cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) vào năm 2050.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến tất cả Quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên đã đồng hành cùng An Phát Holdings trong suốt thời gian qua. Chúng tôi rất mong nhận được sự ủng hộ lớn lao và quý báu của Quý vị trong những hành trình tiếp theo của chúng ta, để cùng nhau, chúng ta sẽ kiến tạo một tương lai xanh và bền vững.

Trân trọng

Tổng Giám đốc Tập đoàn

PHẠM ĐỖ HUY CƯỜNG

“

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến tất cả Quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên đã đồng hành cùng An Phát Holdings trong suốt thời gian qua. Chúng tôi rất mong nhận được sự ủng hộ lớn lao và quý báu của Quý vị trong những hành trình tiếp theo của chúng ta, để cùng nhau, chúng ta sẽ kiến tạo một tương lai xanh và bền vững.

”



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Thông tin chung

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
Tên tiếng Anh	: An Phat Holdings Joint Stock Company
Tên viết tắt	: An Phat Holdings., JSC
Mã cổ phiếu	: APH
Vốn điều lệ	: 2.438.842.680.000 đồng (tại ngày 31/12/2023)
Trụ sở chính	: Lô CN 11+ CN 12, Cụm CN An Đồng, TT.Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Liên hệ

Điện thoại	: (84-24) 3 206 1199
Website	: http://www.anphatholdings.vn

CTCP Tập đoàn An Phát Holdings (gọi tắt là "An Phát Holdings" hoặc "Tập đoàn") là doanh nghiệp tiên phong phát triển các sản phẩm nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á.

Khởi đầu bằng lĩnh vực sản xuất bao bì màng mỏng, An Phát Holdings đã không ngừng phát triển và mở rộng các lĩnh vực kinh doanh. Với tinh thần không ngừng sáng tạo, vững bước tiến lên, Tập đoàn hiện đang hoạt động trong **06 lĩnh vực chính**:

- | | | |
|--|--|--|
| <p>1</p>  <p>Sản phẩm và nguyên vật liệu sinh học</p> | <p>2</p>  <p>Bao bì</p> | <p>3</p>  <p>Nhựa kỹ thuật và nhựa xây dựng</p> |
| <p>4</p>  <p>Nguyên vật liệu ngành nhựa</p> | <p>5</p>  <p>Khuôn mẫu và cơ khí chính xác</p> | <p>6</p>  <p>Bất động sản khu công nghiệp</p> |



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



- 2002** • Công ty TNHH Anh Hai Duy – tiền thân của Tập đoàn An Phát Holdings được thành lập
- 2005** • Nhà máy sản xuất bao bì đầu tiên của Tập đoàn đi vào hoạt động tại KCN Nam Sách, Hải Dương.
- 2009** • Thành lập CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries (HII) – thành viên Tập đoàn với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất hạt nhựa phụ gia.
- 2010** • Niêm yết CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh – đơn vị thành viên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa.
- 2013** • Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ, mở ra các thị trường xuất khẩu lớn.
- 2017** • Thành lập CTCP An Phát Holdings (APH), công bố định hướng phát triển theo mô hình Tập đoàn. Tháng 12/2017, vốn điều lệ CTCP An Phát Holdings đạt 1.100 tỷ đồng.
 - CTCP An Phát Holdings nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty con – CTCP Nhựa An Phát Xanh (AAA) lên 31,9%. Cũng trong năm 2017, nhà máy sản xuất bao bì số 6 và số 7 của AAA đi vào hoạt động, đưa AAA trở thành nhà sản xuất bao bì màng mỏng lớn nhất Đông Nam Á.
- 2019** • Công ty con – CTCP Nhựa Hà Nội (MCK: NHH) được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
 - APH nâng tỷ lệ sở hữu tại NHH lên 55,17% và tại AAA lên 48,08%.
 - Thông qua công ty con, APH mua lại 51% Công ty TLC Korea Ltd – đơn vị tiên phong sản xuất nguyên vật liệu sinh học tại Hàn Quốc. TLC Korea Ltd được đổi tên thành ANKOR Bioplastics JSC.
 - Thương hiệu ANECO các sản phẩm sinh học tự hủy của Tập đoàn chiếm lĩnh thị trường trong nước.
- 2020** • Tập đoàn IPO và niêm yết cổ phiếu tại HOSE với mã chứng khoán APH. Vốn hóa thị trường tại ngày 31/12/2020 đạt 10.424 tỷ đồng, trở thành Tập đoàn niêm yết có vốn hóa lớn nhất ngành nhựa Việt Nam.
- 2021** • Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Tập đoàn nỗ lực hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, hoàn thành mục tiêu kép: duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn cho CBCNV.
 - Tập đoàn tăng vốn điều lệ lên 2.024 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 100:40
 - Tập đoàn lọt vào Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2021, Top 100 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2021 và top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố.
 - Thương hiệu ANECO các sản phẩm sinh học tự hủy được bảo hộ nhãn hiệu tại Hoa Kỳ và ra mắt gian hàng trên Amazon, đánh dấu bước tiến quan trọng tại thị trường nhiều tiềm năng này.
- 2022** • Tập đoàn tăng vốn điều lệ lên 2.512 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 100:25
 - 5 công ty thành viên của An Phát Holdings được vinh danh Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.
 - Sản phẩm túi nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco của Tập đoàn An Phát Holdings được vinh danh là sản phẩm Thương hiệu Quốc gia Việt Nam
- 2023** • Tập đoàn giảm vốn điều lệ xuống 2.439 tỷ đồng thông qua việc mua lại cổ phiếu ưu đãi cổ tức có hoàn lại
 - Khu công nghiệp An Phát 1 đã thu hút 18 dự án với tổng vốn đầu tư hơn 500 triệu USD
 - Nhựa Hà Nội đạt Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực TP Hà Nội năm 2023
 - AnEco vinh dự là thương hiệu chiến thắng hạng mục “The Polaris – Seller of the year” 2023 do Amazon Global Selling Vietnam trao tặng.

HỆ SINH THÁI TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS



Nguyên liệu và sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn

- Sản xuất và thương mại các sản phẩm phân hủy sinh học hoàn toàn dưới thương hiệu ANECO bao gồm: bao bì, dao, thìa, đĩa, ống hút, găng tay, cốc,.....
- Sản xuất hạt nhựa phân hủy sinh học



Bao bì

- Sản xuất và thương mại các sản phẩm phân hủy sinh học hoàn toàn dưới thương hiệu ANECO bao gồm: bao bì, dao, thìa, đĩa, ống hút, găng tay, cốc,.....
- Sản xuất hạt nhựa phân hủy sinh học



Nhựa kỹ thuật và nhựa nội thất

- Sản xuất linh kiện nhựa ô tô, xe máy, thiết bị gia dụng, điện tử, điện thoại...
- Sản xuất các sản phẩm nhựa phụ trợ: pallet, thùng nhựa...
- Sản xuất tấm ốp trần, sàn nhựa, phào chỉ trang trí nội thất

Nguyên vật liệu ngành nhựa

- Sản xuất phụ gia ngành nhựa: hạt PP, PE compound, hạt màu, filler, masterbatch...
- Thương mại hạt nhựa PE, PP



Khuôn mẫu và cơ khí chính xác

- Sản xuất khuôn đúc chính xác



Bất động sản khu công nghiệp

- Bán, cho thuê đất, nhà xưởng khu công nghiệp
- Khai thác dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tập đoàn An Phát Holdings sở hữu hệ thống gồm 17 nhà máy sản xuất các sản phẩm, nguyên vật liệu ngành nhựa. Trụ sở, văn phòng đại diện và chi nhánh của các đơn vị thành viên đặt tại Việt Nam, Singapore, Hàn Quốc, Pháp, Mỹ. Mạng lưới khách hàng của Tập đoàn trải rộng hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.

17: Nhà máy sản xuất

Tỉnh Hải Dương (Việt Nam)

- 07: CTCP Nhựa An Phát Xanh (AAA)
- 01: CT TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (VMC)
- 01: CTCP Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường (ACP)
- 01: CT TNHH An Trung Industries (ATI)
- 01: CTCP Nhựa và Bao bì An Vinh (AVP)

Tỉnh Hưng Yên (Việt Nam)

- 01: CT TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim (Viexim)

Tỉnh Yên Bái (Việt Nam)

- 02: CTCP An Tiến Industries (HII)

Tỉnh Hải Phòng (Việt Nam)

- 01: Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (PBAT)

Hà Nội (Việt Nam)

- 01: CTCP Nhựa Hà Nội (NHH)

Wonju (Hàn Quốc)

- 01: CT TNHH ANKOR Bioplastics (ANKOR)

70+: Thị trường xuất khẩu

70+

Thị trường xuất khẩu



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

12.372 TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN
(tại ngày 31/12/2023)

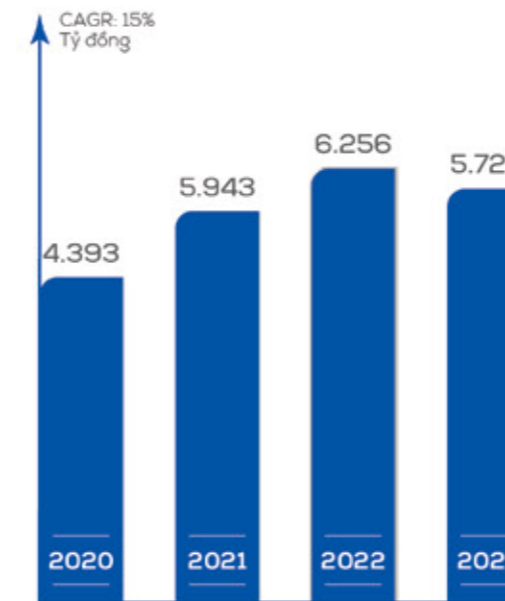
14.522 TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN
(NĂM 2023)

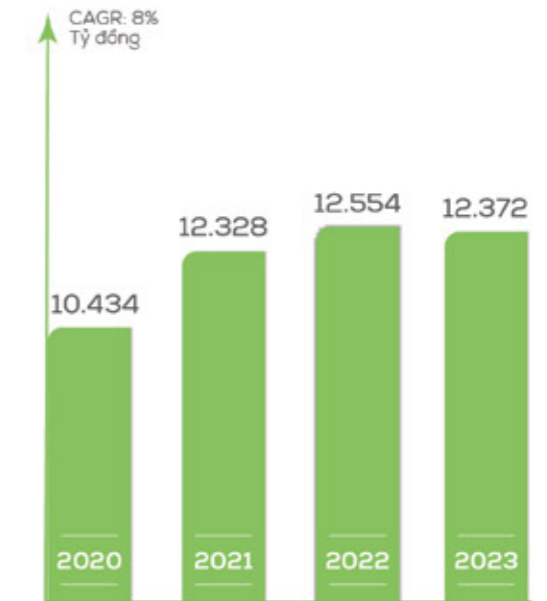
219 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(NĂM 2023)

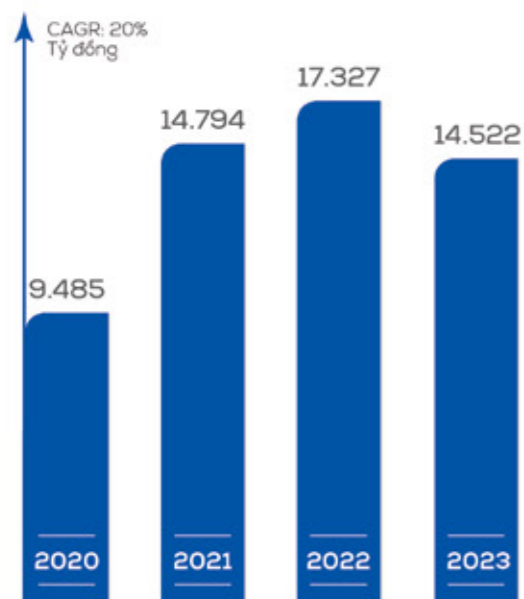
VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)



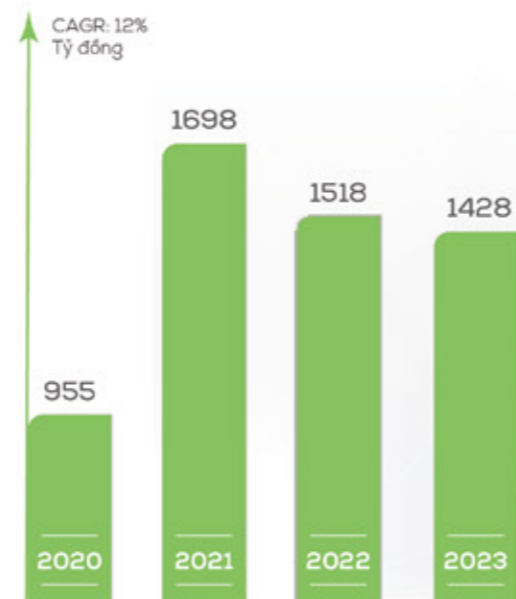
TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



DOANH THU HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)

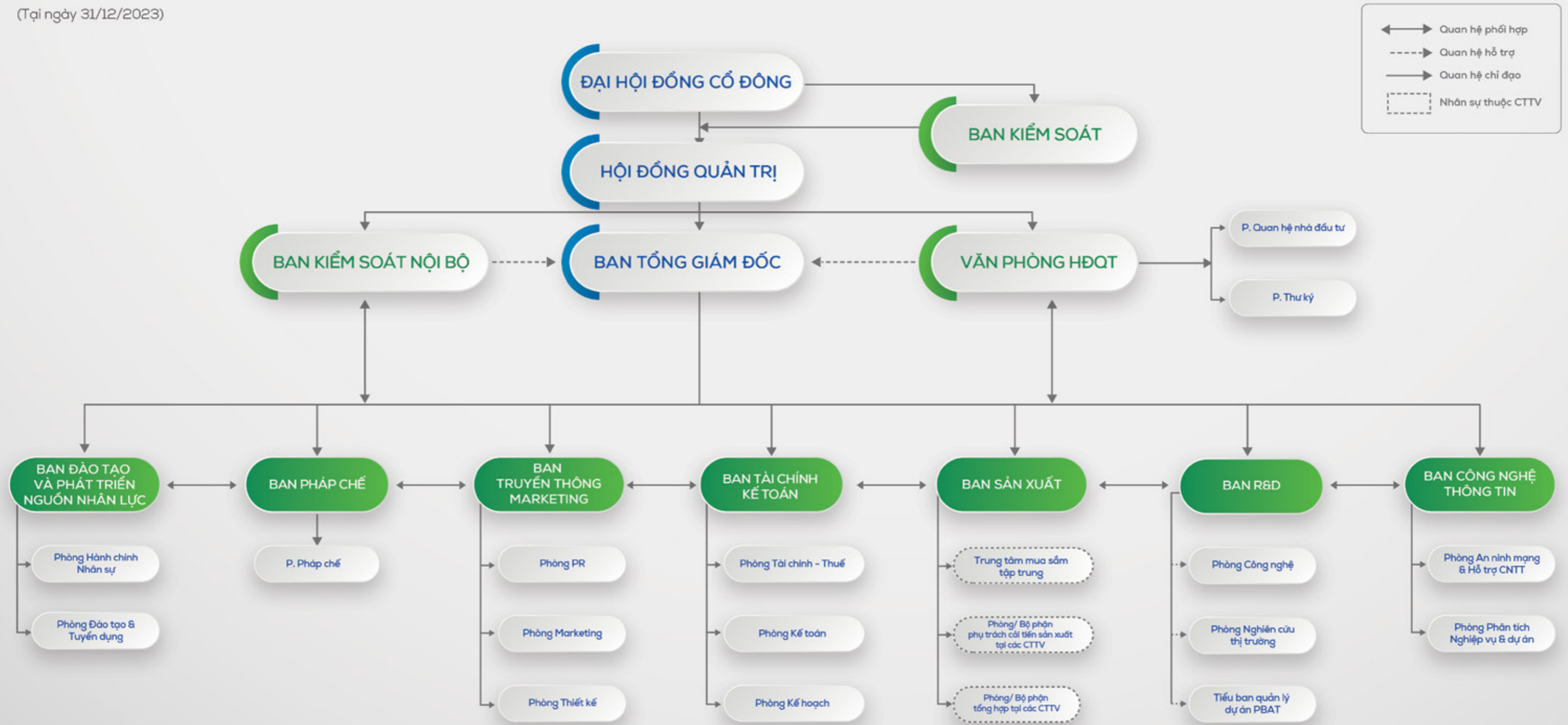


LỢI NHUẬN GỘP HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)



CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

(Tại ngày 31/12/2023)



CÁC CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, CTCP Tập đoàn An Phát Holdings có 17 công ty con như sau:

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Địa chỉ: Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, TT. Nam Sách, H. Nam Sách, Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 50.17
Tỷ lệ biểu quyết (%): 50.17
Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries (*)

Địa chỉ: KCN phía Nam, xã Văn Tiến, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Tỷ lệ lợi ích (%): 27.52
Tỷ lệ biểu quyết (%): 54.85
Hoạt động chính: Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá.

Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát (*)

Địa chỉ: KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, QL.5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 46.68
Tỷ lệ biểu quyết (%): 93.04
Hoạt động chính: Phát triển hạ tầng KCN

Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát 1 (*)

Địa chỉ: KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, QL.5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 47.51
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99.997
Hoạt động chính: Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp

An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (*)

Địa chỉ: Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore
Tỷ lệ lợi ích (%): 25.52
Tỷ lệ biểu quyết (%): 100
Hoạt động chính: Kinh doanh hạt nhựa

Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (*)

Địa chỉ: KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, QL.5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 38.46
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99.69
Hoạt động chính: Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (*)

Địa chỉ: Số 64.22 đường Phạm Hùng, P. Tứ Minh, TP. Hải Dương, Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 27.25
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99
Hoạt động chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và viễn dương

Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh (*)

Địa chỉ: KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, QL.5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 50.15
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99.95
Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa

Công ty An Phát International, INC (*)

Địa chỉ: 10701 Corporate Drive, Suite 268, Stafford, Texas 77477, USA
Tỷ lệ lợi ích (%): 50.17
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99.99
Hoạt động chính: Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác

Công ty AFC EcoPlastics, LLC (*)

Địa chỉ: PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ
Tỷ lệ lợi ích (%): 37.63
Tỷ lệ biểu quyết (%): 75
Hoạt động chính: Kinh doanh hạt nhựa

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (*)

Địa chỉ: Tổ 12, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, Hà Nội
Tỷ lệ lợi ích (%): 44.6
Tỷ lệ biểu quyết (%): 68.24
Hoạt động chính: Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu



Công ty TNHH An Trung Industries (*)

Địa chỉ: KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, QL5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 44.6
Tỷ lệ biểu quyết (%): 100
Hoạt động chính: Sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm nhựa

Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường (*)

Địa chỉ: KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, QL5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 42.33
Tỷ lệ biểu quyết (%): 94.88
Hoạt động chính: Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất

Công ty TNHH Phát triển XNK & Đầu tư – VIEXIM (*)

Địa chỉ: Thôn Hào, X. Liêu Xá, H. Yên Mỹ, Hưng Yên
Tỷ lệ lợi ích (%): 44.6
Tỷ lệ biểu quyết (%): 100
Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa

Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (*)

Địa chỉ: Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và KCN Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng
Tỷ lệ lợi ích (%): 37.33
Tỷ lệ biểu quyết (%): 94.02
Hoạt động chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác & Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (*)

Địa chỉ: KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, QL5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 44.6
Tỷ lệ biểu quyết (%): 100
Hoạt động chính: Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại

Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics (*)

Địa chỉ: 216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc
Tỷ lệ lợi ích (%): 19.04
Tỷ lệ biểu quyết (%): 51
Hoạt động chính: Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, nhựa phân hủy

(*) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp qua công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết

GIỚI THIỆU HĐQT, BĐH VÀ BKS

(Tại ngày 15/05/2023)

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PHẠM ÁNH DƯƠNG

Chủ tịch HĐQT
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Sinh năm 1976

1998 - 2000: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC;
2000 - 2002: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo;
2002 - 2007: Giám đốc Công ty TNHH Anh Hai Duy;
2007 - 2009: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
2009 - 2015: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries;
2010 - 06/2011: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
07/2011 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh;
09/2018 - 04/2019: Thành viên HĐQT CTCP An Tiến Industries, nay là CTCP An Tiến Industries;
01/2021 - 04/2021: Chủ tịch HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát
03/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.



BÀ NGUYỄN THỊ TIỆP

Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Phó Tổng Giám đốc Thường trực CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
Thạc sĩ Quản lý kinh tế - Luật sư
Sinh năm 1985

07/2007 - 07/2008: Nhân viên hành chính CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
08/2008 - 08/2009: Trưởng phòng Hành chính Nhân sự CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
09/2009 - 09/2010: Chuyên viên Ban Thư ký CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
10/2010 - 12/2017: Trưởng Ban Thư ký CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
01/2018 - 05/2019: Phó chánh văn phòng CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
05/2019 - 01/2023: Phó Tổng giám đốc phụ trách nội chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
01/2023 đến nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
09/2019 - 02/2023: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.
02/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
02/2023 đến nay: Phó Chủ tịch thường trực CTCP Tập đoàn An Phát Holdings



ÔNG NGUYỄN LÊ TRUNG

Phó Chủ tịch HĐQT
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Sinh năm 1976

1998 - 2002: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC;
2002 - 2007: Phó Giám đốc và Kế toán trưởng công ty TNHH Anh Hai Duy;
2007 - 2009: Kế toán trưởng CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
2009 - 2015: Thành viên HĐQT của CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries;
Từ 8/2009 - 6/2011: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
Từ 7/2011 - 6/2022: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
Từ 7/2011 - nay: Tổng Giám đốc CTCP Nhựa An Phát Xanh
Từ 6/2017 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP An Phát Holdings



ÔNG PHẠM ĐỖ HUY CƯỜNG

Thành viên HĐQT
Tổng giám đốc
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Sinh năm 1983

2005 - 2009: Nhân viên tài chính Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
2009 - 2013: Trưởng nhóm Kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young;
2013 - 2015: Trưởng Ban Tài chính kế toán CTCP Tập đoàn Đại Dương;
2015 - 2017: Giám đốc Tài chính - Ban Tài chính CTCP Tập đoàn T&T;
2018 đến 01/2023: Thành viên HĐQT, Phó TGD thường trực kiêm Giám đốc Tài chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
12/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
09/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1
09/2018 - 04/2021: Thành viên HĐQT CTCP An Tiến Industries
05/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt
05/2021 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vinh
01/2021 đến 25/03/2021: Thành viên HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát
09/08/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Liên vận An Tín
06/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội
01/2023 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

GIỚI THIỆU HĐQT, BĐH VÀ BKS (Tiếp theo)



ÔNG NGUYỄN LÊ THĂNG LONG

Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc
Tiến sỹ Khoa học vật liệu
Sinh năm 1984

2013 – 2016: Chuyên viên phát triển sản xuất Công ty Mobidiag France
2017 – 2018: Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và phát triển CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
2018 – 2019: Phó Giám đốc Ban Nghiên cứu và phát triển CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
2019 – 2021: Giám đốc Ban Nghiên cứu và phát triển CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
11/2018 – 03/2020: Thành viên HĐQT tại CTCP Nhựa Hà Nội
11/2019 – 01/2023: Thành viên HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd
01/2023 – nay: Chủ tịch HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd
01/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Anbio
02/2022 – nay: Tổng giám đốc CTCP AnBio
01/2021 – 01/2023: Thành viên HĐQT kiêm TGD CTCP Sản xuất PBAT An Phát
01/2023 – 02/2024: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sản xuất PBAT An Phát
02/2024 – đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát
07/2021 đến nay: Phó TGD CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
06/2021 đến 06/2022: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
06/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
06/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh



ÔNG NIRAV SUDHIR PATEL

Thành viên HĐQT, Cử nhân Triết học
và Khoa học Chính trị & Thạc sĩ
An ninh Quốc tế
Sinh năm 1982

2004 - 2004: Chuyên viên phân tích tại CSIS;
2007 - 2009: Giám đốc khối Châu Á – Thái Bình Dương Trung tâm An ninh Hoa Kỳ;
2009 - 2013: Cố vấn cao cấp cho trợ lý Ngoại trưởng & Phó Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách vụ Đông Á và Châu Á – Thái Bình Dương, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ;
2013 đến nay: Sáng lập viên & Tổng Giám đốc The Asia Group, LLC;
03/2020 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Tập đoàn An Phát Holdings



ÔNG LIM HEONYOUNG

Thành viên độc lập HĐQT
Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Sinh năm 1969

2002 – 2004: Tổng giám đốc Công ty En-Zone Co., Ltd.
2004 – 2005: Giám đốc Công ty Hallatech Co., Ltd.
2005 – 2012 Giám đốc Công ty GreenChemical Co., Ltd.
2015 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Ankor Bioplastics Co., Ltd.
03/2020 – 04/2021: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội
06/2021 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

THAY ĐỔI NHÂN SỰ HĐQT TỪ 1/1/2023 ĐẾN NAY:

- 01/2023: Miễn nhiệm ông Đinh Xuân Cường thôi giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT
- 08/05/2023: Miễn nhiệm ông Đinh Xuân Cường thôi giữ vị trí Thành viên HĐQT
- 06/02/2023: Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Tiệp giữ vị trí Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

(Tại ngày 15/05/2023)



ÔNG PHẠM ĐỖ HUY CƯỜNG

Thành viên HĐQT
Tổng giám đốc
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Sinh năm 1983

2005 - 2009: Nhân viên tài chính Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
2009 - 2013: Trưởng nhóm Kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young;
2013 - 2015: Trưởng Ban Tài chính kế toán CTCP Tập đoàn Đại Dương;
2015 - 2017: Giám đốc Tài chính - Ban Tài chính CTCP Tập đoàn T&T;
2018 đến 01/2023: Thành viên HĐQT, Phó TGD thường trực kiêm Giám đốc Tài chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
12/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
09/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1
09/2018 - 04/2021: Thành viên HĐQT CTCP An Tiến Industries
05/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt
05/2021 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vinh
01/2021 đến 25/03/2021: Thành viên HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát
09/08/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Liên vận An Tín
06/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội
01/2023 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn An Phát Holdings



BÀ HÒA THỊ THU HÀ

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Cử nhân Kinh tế
Sinh năm 1978

2000 - 2002: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Khang Vinh;
2003 - 2005: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Hưng Việt;
2005 - 03/2007: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Anh Hai Duy;
03/2007 - 2009: Trưởng phòng kế toán CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
2010 - 03/2018: Kế toán trưởng CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
2010 - 06/2022: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh;
03/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán CTCP Nhựa An Phát Xanh;
06/2020 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội
01/2023 - nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
05/2023 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh



BÀ NGUYỄN THỊ TIỆP

Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Thạc sĩ Quản lý kinh tế
Luật sư
Sinh năm 1985

07/2007 - 07/2008: Nhân viên hành chính CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
08/2008 - 08/2009: Trưởng phòng Hành chính Nhân sự CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
09/2009 - 09/2010: Chuyên viên Ban Thư ký CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
10/2010 - 12/2017: Trưởng Ban Thư ký CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
01/2018 - 05/2019: Phó chánh văn phòng CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
05/2019 - 01/2023: Phó Tổng giám đốc phụ trách nội chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
01/2023 đến nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
09/2019 - 02/2023: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.
02/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
02/2023 đến nay: Phó Chủ tịch thường trực CTCP Tập đoàn An Phát Holdings



BÀ TRẦN THỊ THOẢN

Phó Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất
Thạc sĩ Quản lý Kinh tế
Sinh năm 1985

Từ 6/2007 - 9/2009: Phụ trách đối ngoại Công ty TNHH XO Việt Nam
Từ 10/2009 - 12/2015: Giám đốc Trung tâm kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (Nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
Từ 12/2015 - 2/2017: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (Nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
Từ 3/2017 - 3/2018: Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (Nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
Từ 3/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (Nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
Từ 2/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
Từ 6/2023 - nay: Phó TGD Phụ trách Sản xuất Tập đoàn An Phát Holdings

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

**ÔNG NGUYỄN LÊ THĂNG LONG**

Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc
Tiến sĩ Khoa học vật liệu
Sinh năm 1984

2013 – 2016: Chuyên viên phát triển sản xuất Công ty Mobidiag France
2017 – 2018: Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và phát triển CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
2018 – 2019: Phó Giám đốc Ban Nghiên cứu và phát triển CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
2019 – 2021: Giám đốc Ban Nghiên cứu và phát triển CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
11/2018 – 03/2020: Thành viên HĐQT tại CTCP Nhựa Hà Nội
11/2019 – 01/2023: Thành viên HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd
01/2023 – nay: Chủ tịch HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd
01/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP AnBio
02/2022 – nay: Tổng giám đốc CTCP AnBio
01/2021 – 01/2023: Thành viên HĐQT kiêm TGD CTCP Sản xuất PBAT An Phát
01/2023 – 02/2024: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sản xuất PBAT An Phát
02/2024 – đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát
07/2021 đến nay: Phó TGD CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
06/2021 đến nay: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
06/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
06/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh

**ÔNG PHẠM VĂN TUẤN**

Phó Tổng giám đốc
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Sinh năm 1979

9/2003 đến 12/2011: Phó phòng Kinh Doanh phụ trách miền Bắc & miền Trung tại Công ty Honda Việt Nam
1/2012 đến 7/2016: Tổng Giám Đốc tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại XNK Ngôi Sao Xanh
8/2016 đến 2/2018: Phó Tổng Giám Đốc Tập Đoàn Cengroup
12/2018 đến nay: Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
9/2019 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1
07/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc tại Tập đoàn An Phát Holdings

**BÀ HỒ THỊ HÒE**

Kế toán trưởng
Cử nhân Tài chính kế toán
Sinh năm 1984

06/2007 - 09/2007: Kế toán viên CTCP Phú Thành;
10/2007 - 02/2008: Kế toán Tổng hợp CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
03/2018 - 02/2019: Phó Phòng kế toán CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
03/2019 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.
03/2022 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất PBAT An Phát

Thay đổi nhân sự Ban Điều hành từ 1/1/2023 đến nay:

01/2023: Miễn nhiệm ông Đinh Xuân Cường thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc
01/2023: Bổ nhiệm ông Phạm Đỗ Huy Cường giữ chức vụ Tổng giám đốc
01/2023: Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Tiệp giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Thường trực
01/2023: Bổ nhiệm bà Hòa Thị Thu Hà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính
06/2023: Bổ nhiệm bà Trần Thị Hoàn giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

**BÀ PHẠM THỊ HOA**

Trưởng BKS
Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
Sinh năm: 1992

07/2014 - 03/2018: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế - IFC (nay là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế - iCPA);
04/2018 - 10/2018: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Tập đoàn Quốc tế Trưởng Phúc;
11/2018 - 10/2019: Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
11/2019 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.

**BÀ NGUYỄN THỊ THÚY NGA**

Thành viên BKS
Cử nhân Tài chính Kế toán
Sinh năm: 1993

12/2017 - 10/2019: Kế toán viên tại CTCP Liên vận An Tín;
10/2019 đến nay: Kế toán viên CTCP An Thành Bicsol;
11/2019 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.

**ÔNG NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH**

Thành viên BKS
Cử nhân Tài chính Kế toán
Sinh năm: 1996

10/2018 - 06/2019: Kế toán viên tại CTCP Nhựa An Phát Xanh;
07/2019 đến nay: Kế toán viên CTCP An Thành Bicsol;
11/2019 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.

Thay đổi nhân sự Ban kiểm soát từ 1/1/2023 đến nay: Không

02

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CÁC LĨNH VỰC

**Bao bì**

Giữ vững vị thế nhà sản xuất bao bì hàng đầu khu vực Đông Nam Á;

Tiếp tục mở rộng thị trường bao bì, bao gồm bao bì màng mỏng truyền thống và bao bì công nghiệp; đẩy mạnh xuất khẩu tới các thị trường chiến lược, chạy tối đa công suất 120.000 tấn bao bì/năm;

Tối ưu hóa danh mục sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm có biên lợi nhuận cao;

Vận hành và quản trị hệ thống sản xuất tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng, môi trường và an toàn thực phẩm ISO 14001, ISO 22000, ISO 9001;

Công nghiệp hỗ trợ và nhựa xây dựng

Giữ vững vị thế đầu tàu về công nghiệp hỗ trợ tại miền Bắc Việt Nam;

Đa dạng hóa khách hàng và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; tận dụng, nắm bắt làn sóng chuyển dịch sản xuất của các doanh nghiệp FDI sang Việt Nam và sự bùng nổ của khu vực chế biến – chế tạo trong nước;

Tăng cường hợp tác với các khách hàng hiện hữu là các nhà sản xuất ô tô, xe máy, điện thoại hàng đầu thế giới, tận dụng cơ hội từ chính sách tăng tỷ lệ nội địa hóa và ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ của chính phủ;

Mở rộng đầu tư mangle khuôn đúc cơ khí chính xác có hàm lượng công nghệ cao, tận dụng thế mạnh với hệ thống máy móc được đầu tư bài bản, đội ngũ nhân sự kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và quan hệ hợp tác sẵn có với các nhà sản xuất lớn;

Nâng cao năng lực sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm nhựa xây dựng

**Nguyên vật liệu ngành nhựa**

Giữ vững vị thế Top 5 nhà sản xuất hạt nhựa phụ gia và Top 3 nhà cung cấp hạt nhựa PE, PP tại Việt Nam;

Tối ưu hóa chính sách bán hàng, quản lý công nợ, cơ cấu khách hàng đối với hoạt động thương mại hạt nhựa, tập trung tăng cường hiệu quả hoạt động;

Mở rộng thị trường các sản phẩm phụ gia hạt nhựa, hạt nhựa phụ gia PE, PP, tập trung khai thác các thị trường chiến lược, nhiều tiềm năng tăng trưởng và có lợi thế cạnh tranh;

Tối ưu hóa danh mục sản phẩm, tập trung phát triển các mã sản phẩm có biên lợi nhuận cao, nhiều tiềm năng tăng trưởng;

Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới, tối ưu hóa công thức nguyên vật liệu, quy trình sản xuất để giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng, tăng năng suất sản xuất.

Bất động sản khu công nghiệp

Vận hành 100% Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 giai đoạn 1 với diện tích 180ha, ưu tiên các khách hàng thuộc ngành công nghiệp sản xuất, chế biến, chế tạo, không gây ô nhiễm môi trường;

Hoàn thiện mô hình khu công nghiệp một cửa, phát triển các dịch vụ hỗ trợ tối đa cho khách hàng;

Xây dựng và phát triển quỹ đất khu công nghiệp.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản trị đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành, áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến của quốc tế. Đồng thời cải tiến và tối ưu hóa cơ chế hoạt động, phối hợp của công ty mẹ và các công ty thành viên, giữa các khối kinh doanh, nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động, duy trì tính linh hoạt, sẵn sàng phục vụ cho sự phát triển mở rộng của Tập đoàn.

Hệ thống kiểm soát, quản trị rủi ro được tăng cường, đảm bảo tính tuân thủ được thực thi trên toàn hệ thống Tập đoàn.

Văn hóa doanh nghiệp được xác định là nhân tố cốt lõi để tạo nên khối đoàn kết Tập đoàn. Kế thừa và phát huy những giá trị cốt lõi, Tập đoàn xây dựng kế hoạch chú trọng hơn nữa để bồi đắp, quảng bá văn hóa doanh nghiệp, giúp văn hóa được thấm nhuần, thực thi. Tập đoàn tin rằng với định hướng chiến lược đúng đắn, sự cống hiến, nhiệt huyết và tinh thần học hỏi, không ngại khó của tập thể mang bộ gen người An Phát sẽ đưa Tập đoàn vững bước trên hành trình hiện thực hóa mục tiêu kinh doanh, khẳng định vị thế Tập đoàn nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu khu vực.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Con người là tài sản giá trị nhất của doanh nghiệp. Với phương châm đó, Tập đoàn chú trọng đến công tác xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng, nhiệt huyết. Sự lớn mạnh của Tập đoàn đòi hỏi lực lượng nhân sự phải luôn ổn định, không ngừng tăng cường chất lượng, nâng cấp trình độ để đáp ứng yêu cầu cao hơn của hệ thống. Bởi lẽ đó, Tập đoàn thiết kế các chương trình đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo nguồn, các chương trình đào tạo về chuyên môn, kỹ năng làm việc cho khối văn phòng với sự tham gia đào tạo là các chuyên gia trong ngành, các đơn vị đào tạo uy tín và đội ngũ giảng viên nội bộ. Khối sản xuất tham gia các chương trình đào tạo về quy trình sản xuất, đào tạo sửa lỗi... để hoàn thiện, nâng cao năng lực tay nghề và trình độ chuyên môn.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Với định hướng trở thành Tập đoàn nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường, công nghệ được xác định là nhân tố cốt lõi tạo nên lợi thế cạnh tranh cho Tập đoàn trên trường quốc tế. Tập đoàn đầu tư tập trung vào nghiên cứu và phát triển công nghệ lõi, tiên tiến, phục vụ các mục tiêu dài hạn về đầu tư, phát triển, nâng cấp công nghệ và cải tiến sản xuất. Tập đoàn xây dựng, quản lý, kiểm soát hoạt động của các phòng công nghệ, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu thuộc các đơn vị thành viên và Tập đoàn. Hệ thống quản lý các nghiên cứu, đăng ký thương hiệu, bản quyền, mua bán các sở hữu trí tuệ, chứng chỉ, cấp phép và hồ sơ chuyển giao công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển công nghệ dài hạn được xây dựng và hoàn thiện theo hướng chuyên nghiệp, tối ưu. Bên cạnh đó, các hoạt động đào tạo về khoa học, kỹ thuật, công nghệ và sản phẩm được triển khai một cách bài bản, đầy đủ, kịp thời phục vụ nhu cầu của các đơn vị thành viên.

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024



Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2023 và triển vọng kinh tế năm 2024.....	50
Ngành nhựa Việt Nam 2023 và triển vọng 2024.....	52
Kết quả hoạt động năm 2023	53
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	62
Kế hoạch hoạt động năm 2024	66

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2023 VÀ TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2024

KINH TẾ THẾ GIỚI

Năm 2023 kinh tế thế giới có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Xung đột quân sự Nga – Ukraina vẫn tiếp diễn cùng với bất ổn gia tăng tại Trung Đông. Nhiều quốc gia đã hồi phục từ tác động của đại dịch COVID-19, tuy nhiên, tốc độ hồi phục không đồng đều, với một số quốc gia vẫn đối mặt với những thách thức kéo dài từ dịch bệnh. Một số nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc và EU đã ghi nhận sự tăng trưởng khá mạnh, nhưng cũng có một số quốc gia tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt để ổn định nền kinh tế và kiểm soát lạm phát. Lạm phát toàn cầu từ đầu năm đến nay có xu hướng giảm dần sau thời gian các nước đồng loạt tăng lãi suất để

kiểm chế lạm phát cùng với giá năng lượng giảm. Nhưng so với mục tiêu dài hạn, mức lạm phát hiện tại vẫn ở mức cao đối với nhiều quốc gia. Các cuộc chiến thương mại giữa các quốc gia tiếp tục gây ra bất ổn trong thị trường toàn cầu. Các biện pháp bảo vệ thương mại cũng có thể ảnh hưởng đến dòng vốn và hoạt động kinh doanh quốc tế. Giá cả hàng hóa, đặc biệt là giá dầu và nguyên liệu, tiếp tục biến động do yếu tố cung và cầu. Thị trường tài chính cũng chịu ảnh hưởng từ biến động này, đặc biệt là thị trường chứng khoán và thị trường tiền điện tử. Các quốc gia đang tiếp tục đầu tư vào các ngành công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, blockchain, và năng lượng sạch. Điều này đang dẫn đến sự chuyển đổi cấu trúc kinh tế và tạo ra cơ hội mới cho sự phát triển và đổi mới.

Xét riêng khu vực Đông Nam Á, mặc dù một số quốc gia như Việt Nam, Thái Lan và Philippines ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể, nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn chậm lại so với trước đại dịch. Các quốc gia vẫn phải đối mặt với những thách thức như lạm phát, thâm hụt ngân sách, và thiếu hụt nguồn cung lao động chất lượng cao. Các chính phủ trong khu vực tiếp tục thực hiện các biện pháp kích thích kinh tế như tăng chi tiêu công và hỗ trợ doanh nghiệp, cũng như tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế. Sự chuyển đổi cấu trúc kinh tế đang diễn ra, với sự tăng cường đầu tư vào các ngành công nghệ cao và các lĩnh vực sản xuất có giá trị gia tăng cao.

Một số xu hướng chính trong Dịch chuyển sản xuất khu vực Đông Nam Á phải kể đến như:

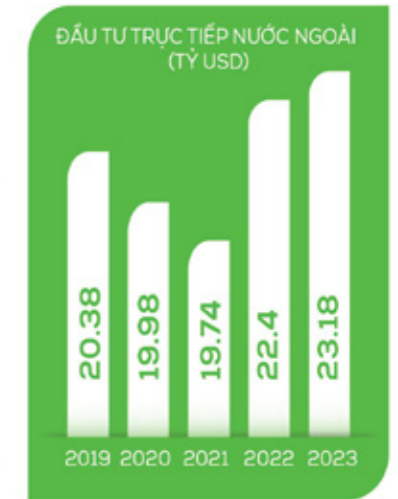
- Dịch chuyển dây chuyền cung ứng: Do tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung và đại dịch COVID-19, nhiều công ty đang xem xét dịch chuyển dây chuyền cung ứng khỏi Trung Quốc và tìm kiếm các địa điểm sản xuất phụ khác, trong đó khu vực Đông Nam Á là một lựa chọn hấp dẫn.
- Tăng cường hợp tác kinh tế khu vực: Các quốc gia trong khu vực đang cố gắng thu hút đầu tư nước ngoài bằng cách cải thiện hạ tầng, giảm giới hạn thương mại và tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi hơn.
- Tăng trưởng công nghiệp công nghệ cao: Các quốc gia như Việt Nam và Indonesia đang thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao và sản xuất thiết bị điện tử, điện tử tiêu dùng.
- Tăng cường đào tạo lao động: Để thu hút đầu tư và tăng cường sản xuất, nhiều quốc gia trong khu vực đang tập trung vào việc đào tạo lao động có kỹ năng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ.
- Thách thức về quản lý môi trường và lao động: Việc dịch chuyển sản xuất cũng đặt ra các thách thức về quản lý môi trường và lao động, đòi hỏi sự chú trọng vào bảo vệ môi trường và quản lý lao động công bằng và hiệu quả.

Tóm lại, trong năm 2023, khu vực Đông Nam Á đã trải qua sự hồi phục kinh tế và là một trong những điểm đến quan trọng trong dịch chuyển sản xuất toàn cầu. Tuy nhiên, cần có sự đầu tư và nỗ lực hợp tác từ các quốc gia trong khu vực để tối ưu hóa cơ hội và đối mặt với các thách thức đến từ quá trình này.

KINH TẾ VIỆT NAM

Năm 2023, kinh tế Việt Nam vẫn là một năm khó khăn khi phải đối mặt với một số thách thức từ môi trường kinh doanh toàn cầu.

GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 là 2 năm bị ảnh hưởng bởi đại dịch trong giai đoạn 10 năm trở lại đây. Sự phát triển của các ngành dịch vụ thị trường như bán buôn, bán lẻ, vận tải và dịch vụ lưu trú, ăn uống đóng góp nhiều vào tốc độ tăng trưởng tổng thể. Cơ cấu kinh tế có sự thay đổi, với khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp theo là khu vực công nghiệp và xây dựng.



Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP thực tế trong quý 1/2024 là 5,66% so với cùng kỳ, kéo dài mức tăng 6,72% so với cùng kỳ trong quý 4/2023 và vượt xa mức tăng 3,41% của quý 1/2023, và trở thành quý có kết quả khởi sắc nhất giai đoạn 2020 - 2023. Kết quả khả quan này mang đến tín hiệu tích cực sau một năm 2023 đầy thử thách.

Sự phục hồi trong ngành bán dẫn, tăng trưởng ổn định tại Trung Quốc và khu vực cũng như khả năng nới lỏng chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn trong những tháng sắp tới kỳ vọng sẽ hỗ trợ cho triển vọng kinh tế cả năm.

Chỉ số CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với bình quân năm 2022. Đây là mức tăng cao hơn của bình quân các năm 2015, 2016, 2019 đến 2022 nhưng thấp hơn khá nhiều so với mức tăng CPI bình quân của các năm còn lại trong giai đoạn 2008-2023. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 tăng 4,16% so với bình quân năm 2022. Đây là năm thứ 10 liên tiếp lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu của Quốc hội. Kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát... giúp Việt Nam tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Việc điều hành thành công lạm phát năm 2023 sẽ góp phần quan trọng tạo đà cho năm 2024. Các chuyên gia kinh tế dự báo, năm 2024 dù còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng áp lực lạm phát sẽ không lớn bởi nhiều yếu tố thuận lợi cho việc điều hành giá cả thị trường. Chính phủ có kinh nghiệm trong điều hành giá hàng hóa và dịch vụ chiến lược, cùng với tổng cấu tiêu dùng chưa có dấu hiệu khởi sắc, **mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2024 từ 4% - 4,5% đã được Quốc hội thông qua hoàn toàn khả thi.**

Những nhân tố ảnh hưởng tới lạm phát của Việt Nam năm 2024 gồm cả nhân tố khách quan do tác động từ nền kinh tế thế giới và cả các nhân tố từ nội tại nền kinh tế. Tuy nhiên, về cơ bản là thuận lợi, khi lạm phát toàn cầu đã có xu hướng giảm thấp. Bên cạnh đó, dự báo giá của nhiều mặt hàng nguyên nhiên, vật liệu đầu vào cho sản xuất có thể giảm xuống khi nền kinh tế tiếp tục hồi phục chậm chạp và nhu cầu toàn cầu chưa cao. Trong đó, giá mặt hàng là đầu vào của nền kinh tế là giá dầu có thể ổn định hoặc giảm nhẹ.

Giải ngân vốn FDI năm 2023 đạt 23.18 triệu USD tăng 3,5% so với năm 2022. Đây là mức giải ngân kỷ lục từ trước tới nay. Trong tổng vốn FDI đăng ký đầu tư vào Việt Nam hơn

36,6 tỷ USD, vốn đăng ký mới đạt gần 20,19 tỷ USD, tăng 62,2% so với cùng kỳ. Số dự án đăng ký mới cũng đạt 3.188 dự án, tăng 56,6%. Những dữ liệu FDI này cho thấy: (i) Các doanh nghiệp tiếp tục coi Việt Nam là điểm đến đầu tư quan trọng trong trung và dài hạn, trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang diễn ra quá trình tái cấu trúc; (ii) sự gia tăng cả dòng vốn FDI thực hiện và đăng ký sẽ thúc đẩy hơn nữa các hoạt động trong nước trong những quý tới, bao gồm cả tăng trưởng việc làm và xây dựng; và (iii) sự khẳng định niềm tin và cam kết của các doanh nghiệp nước ngoài đối với đất nước trong làn sóng phi toàn cầu hóa, giảm rủi ro và chuyển dịch chuỗi cung ứng hiện nay.

Theo Cục Đầu tư nước ngoài, năm 2024, vốn đầu tư thực hiện có thể đạt khoảng 23,5 tỷ USD, tăng 1,3% so với năm 2023. Nếu kịch bản này xảy ra, kỷ lục mới sẽ được thiết lập. Trong khi đó, với vốn đăng ký, con số được Cục Đầu tư nước ngoài dự ước khoảng 36-37 tỷ USD, tương đương năm 2023. Dù không có sự tăng tốc, song đây là một con số rất có ý nghĩa trong bối cảnh dòng đầu tư toàn cầu được dự báo tiếp tục chậm lại trong năm 2024, đến ngay cả Trung Quốc thu hút đầu tư nước ngoài cũng đã bị sụt giảm khá mạnh.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2023 của Việt Nam đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 95,55 tỷ USD, giảm 0,3%, chiếm 26,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 259,95 tỷ USD, giảm 5,8%, chiếm 73,1%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, tổng cầu thế giới sụt giảm, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam mặc dù chưa đạt được mức tăng trở lại so với năm trước, nhưng mức suy giảm đã được thu hẹp đáng kể.

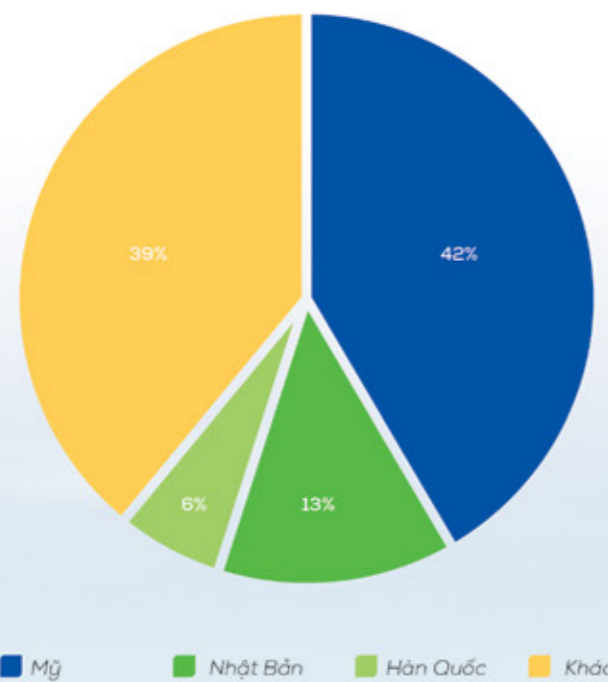
Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam được dự báo hồi phục và tăng 10,84% so với năm 2023. Động lực thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2024 bao gồm:

- Thuận lợi về hoạt động thương mại khi tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các FTA thế hệ mới.
- Việc Trung Quốc mở cửa trở lại sẽ tác động tích cực lên 1 số mặt hàng chủ lực xuất sang Trung Quốc
- Dự báo FDI Việt Nam tiếp tục tăng trưởng lên mức kỷ lục mới năm 2024.

NGÀNH NHỰA VIỆT NAM 2023 VÀ TRIỂN VỌNG 2024

Năm 2023, xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam giảm nhẹ so với năm 2022. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa Việt Nam trong năm 2023 giảm 5,7% so với năm 2022, đạt 5,18 tỷ USD. Xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam trong năm 2023 tuy còn gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng ngành nhựa Việt Nam đang có dấu hiệu chậm lại từ cuối năm 2022 do những ảnh hưởng từ tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu nói chung và tác động dai dẳng của đại dịch COVID-19 nói riêng. Tuy nhiên điểm sáng là ngành nhựa bắt đầu có xu hướng hồi phục kể từ tháng 10/2023.

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU SẢN PHẨM NHỰA NĂM 2023 (THEO GIÁ TRỊ)



Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa tới Mỹ trong năm 2023 đạt 2,2 tỷ USD, tương đương năm trước, chiếm 42% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam.

Về xu hướng ngành, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam cần điều chỉnh sản xuất sản phẩm nhựa theo nhu cầu mới. Các sản phẩm "sạch" và "xanh" đang được ưa chuộng khi ngày càng nhiều người quan tâm tới môi trường. Từ các sản phẩm đóng gói bằng bao bì có thể tái sử dụng, tự hủy đến chai nhựa tái chế để đựng nước khoáng. Ngành nhựa Việt Nam cần khuyến khích đầu tư các khu công nghiệp tái chế chuyên ngành nhựa;

hỗ trợ, tư vấn cho các doanh nghiệp đầu tư tái chế nhựa theo hình thức liên doanh, liên kết có quy mô thích hợp, tái chế nhựa trên cơ sở đảm bảo an toàn môi trường theo chứng chỉ quốc tế, qua đó góp phần tạo ra giá trị gia tăng cao hơn, bảo vệ môi trường tốt hơn.

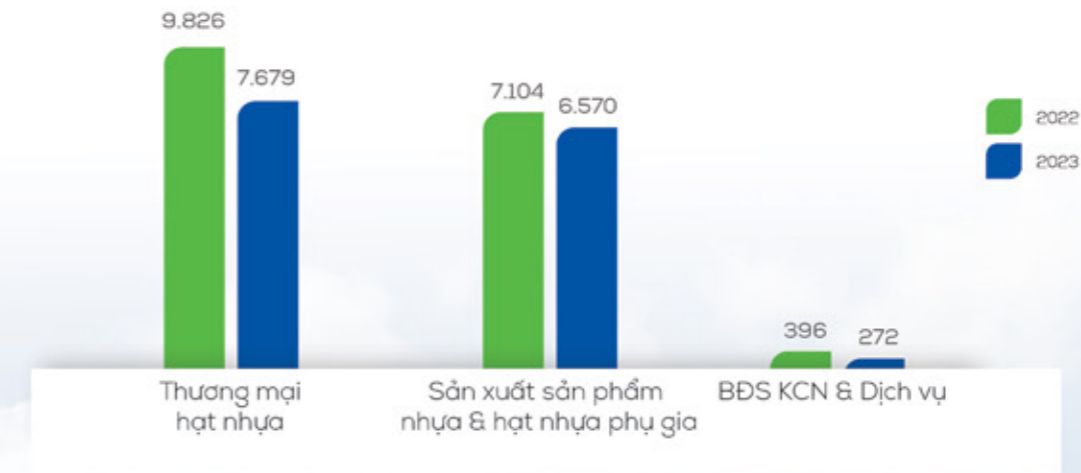
Tổng quy mô thị trường nhựa Việt Nam ước tính đạt 10,92 triệu tấn vào năm 2024 và dự kiến chạm mốc 16,36 triệu tấn vào năm 2029, với mức tăng trưởng CAGR là 8,44% trong giai đoạn 2024-2029 (Mordor Intelligence, 2023). Năm 2024, xuất khẩu nhựa dự báo tăng trưởng ở mức 4,4%.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

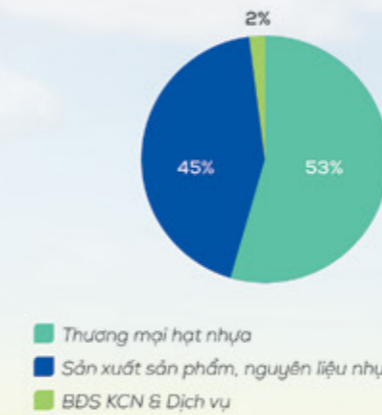
TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ đạt kế hoạch	So với cùng kỳ 2023/2022
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	14.900	14.522	97%	-16%
LNST (tỷ đồng)	420	219	52%	+280%

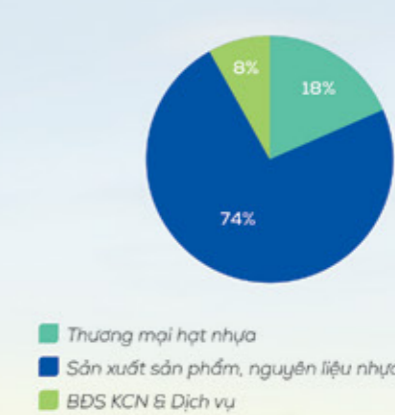
DOANH THU THUẦN THEO LĨNH VỰC (TỶ ĐỒNG)



CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP THEO LĨNH VỰC



CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP THEO LĨNH VỰC



Năm 2023 APH ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 14.522 tỷ đồng, giảm 16% so với 2022 do giá hạt nhựa trong năm ở một mức giá thấp hơn năm ngoái. Mặc dù doanh thu giảm 16%, lợi nhuận gộp vẫn đạt 1.426 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 8,8% năm 2022 lên 9,8% năm 2023, chủ yếu do giá hạt nhựa đã ổn định hơn nên biên lợi nhuận thương mại tốt hơn năm ngoái. Chi phí bán hàng giảm 29% so với năm 2022, chủ yếu do giá cước vận tải giảm nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 305 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 219 tỷ đồng, tăng lần lượt 92% và 282% so với năm ngoái. Tại ngày 31/12/2023, vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt 5.727 tỷ đồng, tỷ lệ vốn vay/vốn chủ sở hữu giảm nhẹ còn 0,67 lần so với 0,72 lần tại đầu năm 2023. Chỉ tiêu lợi nhuận không đạt kế hoạch ĐHCĐ do mảng KCN ghi nhận doanh thu và lợi nhuận hàng năm thay vì ghi nhận một lần như kế hoạch đầu năm. Tại ngày 31/12/2023, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn đạt 1.614 tỷ đồng.

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

Sản xuất bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa xây dựng, khuôn mẫu và hạt nhựa phụ gia

Đóng góp 45% doanh thu và 73% lợi nhuận gộp trong kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023, Mảng sản xuất bao bì và hạt nhựa phụ gia được thực hiện bởi công ty con CTCP Nhựa An Phát Xanh, CTCP Nhựa và Bao bì An Vinh và CTCP An Tiến Industries. AAA giữ vững vị trí nhà xuất khẩu bao bì nhựa lớn nhất Việt Nam và Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nhựa lớn nhất Việt Nam (theo số liệu Tổng cục Hải Quan). Năm 2023, sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco của Tập đoàn An Phát Holdings chiến thắng hạng mục “The Polaris – Seller of the year” 2023 do Amazon Global Selling Vietnam trao tặng. Đây là giải thưởng cao quý nhất được trao trong đêm “Amazon Vip Night” nhằm tôn vinh Nhà bán hàng Việt Nam tiêu biểu có hoạt động nổi bật nhất trên sàn TMĐT Amazon trong năm 2023.

Mảng nhựa kỹ thuật, khuôn mẫu và nhựa xây dựng của Tập đoàn bao gồm các sản phẩm nhựa kỹ thuật, khuôn đúc, và tấm ốp nhựa trần, sản được triển khai bởi CTCP Nhựa Hà Nội (HSX: NHH) và các công ty con của NHH. Năm 2023, doanh thu thuần hợp nhất NHH đạt 2.039 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 96 tỷ đồng, cùng giảm 14% so với năm 2022. Kết quả kinh doanh giảm nhẹ do tình hình kinh tế thế giới suy thoái, hoạt động kinh doanh của các khách hàng lớn mảng nhựa kỹ thuật của NHH bị ảnh hưởng. Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2023 đạt 303 tỷ đồng, giảm 27% so với năm 2022, tương ứng biên lợi nhuận gộp giảm từ 17,4% xuống 14,8%. Mặc dù vậy, lợi nhuận từ hoạt động SXKD vẫn đạt 117 tỷ đồng, chỉ giảm 20% so với năm 2022 do NHH đã tiết kiệm gần 100 tỷ đồng chi phí bán hàng so với năm trước. Kết quả lợi nhuận ròng của nhóm NHH đạt 96 tỷ đồng, giảm 14% so với năm 2022.



Thương mại nguyên vật liệu ngành nhựa

Hoạt động trong lĩnh vực thương mại nguyên vật liệu ngành nhựa thực hiện thông qua CTCP An Thành Bicsol (ATT) và Công ty TNHH An Thành Bicsol Singapore (ATS) là 2 công ty con của HII. Doanh thu mảng thương mại hạt nhựa năm 2023 đạt 7.679 tỷ đồng, giảm 22% so với năm 2022, tuy nhiên, lợi nhuận gộp lên tới 258 tỷ đồng do giá hạt nhựa ổn định hơn trong năm và tối ưu chính sách tồn kho, bán hàng và công nợ.



Lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp và dịch vụ

Năm 2023 doanh thu bất động sản khu công nghiệp và dịch vụ đạt 272 tỷ đồng, giảm 31% so với cùng kì 2022 do giá vận tải giảm và không ghi nhận doanh thu một lần từ bán nhà xưởng từ KCN An Phát Complex như năm 2022. Trong năm, Khu công nghiệp An Phát 1 đã bắt đầu bàn giao cho khách hàng. Doanh thu KCN AP1 được ghi nhận hàng năm. Tại ngày 31/12/2023, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn mảng khu công nghiệp đạt 1.614 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

DỰ ÁN SẢN XUẤT PBAT VÀ DỰ ÁN SẢN XUẤT NHIÊN LIỆU XANH

Do tình hình thị trường chưa thuận lợi, APH đang tiến hành đàm phán hợp tác liên doanh với đối tác về việc cùng triển khai và điều chỉnh tiến độ dự án sản xuất PBAT. Đồng thời tại Hải Phòng, thông qua công ty con, Tập đoàn triển khai Dự án xây dựng nhà máy sản xuất nhiên liệu xanh để phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường. Với công nghệ nhiệt phân khép kín hoàn toàn và liên tục, đây là dự án mới nhất của Tập đoàn tiếp tục hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi xanh, phù hợp với nền kinh tế tuần hoàn là xu thế tất yếu.

DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN NHỰA MỞ RỘNG

Từ cuối năm 2023, thông qua công ty con, Tập đoàn triển khai dự án mở rộng nhà máy sản xuất tấm ốp sản nhựa. Sản phẩm của nhà máy mở rộng là tấm ốp sản nhựa SPC và LVT với công suất thiết kế 6 triệu m² sản/năm, gấp đôi so với quy mô hiện tại, kỳ vọng sẽ đem lại thêm 1.200 tỷ doanh thu hàng năm. Thị trường mục tiêu của sản phẩm là xuất khẩu, chủ yếu tại thị trường Hoa Kỳ là thị trường chủ lực của nhà máy sản SPC hiện tại. Nhà máy dự kiến đi vào hoạt động từ cuối năm 2024.

TĂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ CÔNG NGHIỆP

Cũng vào cuối năm 2023, Tập đoàn thông qua công ty con An Vinh, triển khai dự án mở rộng Nhà máy sản xuất bao bì công nghiệp. Sản phẩm bao gồm bao jumbo, manh jumbo và vải địa với công suất thiết kế 3.200 tấn/năm, kỳ vọng sẽ đem lại 150 tỷ doanh thu hàng năm. Thị trường mục tiêu là xuất khẩu. Dự kiến dự án sẽ đi vào hoạt động từ giữa năm 2024 và đạt công suất tối đa từ năm 2025.



BẮT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP

Năm 2023, KCN An Phát 1 đã chính thức đi vào hoạt động và bàn giao cho khách hàng, bắt đầu ghi nhận doanh thu và lợi nhuận. Tỷ lệ lấp đầy tới nay đạt 85%. Tại ngày 31/12/2023, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn từ cho thuê bất động sản và nhà xưởng nhận trước của KCN An Phát Complex và dự án KCN An Phát 1 đạt 1.614 tỷ đồng.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Bảng cân đối tài sản

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (tỷ đồng)	31/12/2022 (tỷ đồng)	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	6.461	7.137	-9%
Tài sản dài hạn	5.911	5.417	+9%
Tổng tài sản	12.372	12.554	-1%
Nợ phải trả	6.645	6.298	+6%
Trong đó: Nợ ngắn hạn	4.662	4.235	+10%
Nợ dài hạn	1.983	2.063	-4%
Vốn chủ sở hữu	5.727	6.256	-8%

Tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 đạt 6.461 tỷ đồng, giảm 9% so với tại ngày 31/12/2022. Trong đó: tiền, các khoản tương đương tiền tăng từ 2.004 tỷ đồng năm 2022 lên 2.505 tỷ đồng năm 2023. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng từ 804 tỷ đồng lên 1.280 tỷ đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm từ 1.898 tỷ đồng xuống 1.443 tỷ đồng, chủ yếu do giảm phải thu khách hàng. Hàng tồn kho giảm từ 2.155 tỷ đồng xuống 1.013 tỷ đồng, chủ yếu do giảm tồn kho thương mại hạt nhựa.

Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2023 đạt 5.911 tỷ đồng, tăng 9% so với thời điểm cuối năm 2022. Trong đó tài sản cố định giảm 4%, từ 2.923 tỷ đồng xuống còn 2.814 tỷ đồng. Bất động sản đầu tư tăng 163%, từ 496 tỷ đồng lên 1.307 tỷ đồng nhờ việc bắt đầu xây dựng hoàn thành cơ sở hạ tầng khu công nghiệp An Phát 1. Tài sản dài hạn khác tăng 46% từ 849 tỷ đồng lên 1.239 tỷ đồng do tăng chi phí trả trước cho quyền sử dụng đất khu công nghiệp.

Nợ phải trả

Cuối năm 2023, tổng nợ phải trả của Tập đoàn ở mức 6.645 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ. Trong đó nợ ngắn hạn tăng từ 4.235 tỷ đồng năm 2022 lên 4.662 tỷ đồng năm 2023 và nợ dài hạn giảm từ 2.063 tỷ đồng xuống còn 1.983 tỷ đồng năm 2023.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu giảm từ 6.256 tỷ tại ngày 31/12/2022 lên 5.727 tỷ đồng tại ngày 31/12/2023, chủ yếu do Tập đoàn mua lại cổ phần ưu đãi cổ tức được quyền mua lại, và do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối âm trong kỳ.

Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	Thay đổi %
Doanh thu thuần	14.522	17.327	-16%
Lợi nhuận gộp	1.426	1.518	-6%
Chi phí tài chính	333	379	-12%
Chi phí bán hàng	600	850	-29%
Chi phí quản lý	476	427	+11%
Lợi nhuận sau thuế	219	57	+282%

Doanh thu thuần

Doanh thu thuần năm 2023 đạt 14.522 tỷ đồng, giảm 16% so với năm 2022. Doanh thu giảm chủ yếu do mặt bằng giá nhựa năm 2023 thấp hơn nhiều so với năm trước, gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh khối sản xuất và đặc biệt là khối thương mại.

Lợi nhuận gộp

Năm 2023 lợi nhuận gộp hợp nhất đạt 1.426 tỷ đồng, chỉ giảm 6% so với năm 2022, thấp hơn mức giảm doanh thu, nguyên nhân là biên lợi nhuận mảng thương mại tốt hơn năm ngoái do giá hạt nhựa ít biến động hơn.

Lợi nhuận sau thuế

Năm 2023 lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 219 tỷ đồng, tăng 282% với năm 2022 nhờ việc tiết giảm chi phí tài chính và chi phí bán hàng, trong đó, chi phí bán hàng đã giảm từ 850 tỷ năm 2022 xuống còn 600 tỷ năm 2023.

Chi phí tài chính

Năm 2023 chi phí tài chính phát sinh là 333 tỷ đồng, giảm 12% so với năm 2022. Trong đó, chi phí lãi vay tăng từ 279 tỷ đồng năm 2022 lên 288 tỷ đồng năm 2023.

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá đến hoạt động kinh doanh

Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Cụ thể, năm 2023 báo cáo tài chính hợp nhất ghi nhận 51 tỷ đồng lãi từ chênh lệch tỷ giá, so với mức lãi 59 tỷ đồng năm 2022.

Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay đến hoạt động kinh doanh

Năm 2023 Tập đoàn ghi nhận lãi tiền gửi, tiền cho vay đạt 191 tỷ đồng, tăng 40% so với 2022. Đồng thời Tập đoàn phát sinh chi phí lãi vay tăng 3%, từ 279 tỷ đồng năm 2022 lên 287 tỷ đồng năm 2023. Như vậy chênh lệch lãi vay trong năm 2023 dẫn đến khoản lỗ 96 tỷ đồng, cải thiện 32% so với khoản lỗ năm 2022.

Ảnh hưởng của nợ phải trả/ phải thu xấu/ tài sản xấu/ giảm giá hàng tồn kho

Năm 2023 công ty mẹ và các công ty thành viên thanh toán đúng hạn đối với các nghĩa vụ phát sinh với nhà cung cấp, khách hàng và bên liên quan. Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 30 tỷ đồng. Tập đoàn trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 4 tỷ đồng.

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu/Indicators	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	2023	2022	2023	2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Liquidity ratio				
Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Current ratio:	1.39	1.69	0.14	0.43
Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:	1.17	1.18	0.13	0.40
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio				
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0.31	0.36	0.18	0.18
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	0.67	0.72	0.22	0.22
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/Operation Efficiency Ratio				
Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover	9.17	9.09	13.37	24.07
Vòng quay tổng tài sản/Total asset turnover	1.17	1.39	0.01	0.06
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/Net revenue)	1.51%	0.33%	-160.05%	33.35%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ owners'equity)	3.66%	0.94%	-2.73%	2.37%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/Total assets)	1.76%	1.90%	-2.21%	1.88%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Profit from operating activities/Net revenue)	2.10%	0.92%	-153.86%	39.68%

Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh khoản của doanh nghiệp, là chỉ tiêu để Tập đoàn có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn. Các chỉ số thanh toán ngắn hạn theo báo cáo tài chính hợp nhất lớn hơn 1, cho thấy Tập đoàn có thể hoàn thành tốt các nghĩa vụ nợ ngắn hạn phát sinh. Mặc dù chỉ số này giảm nhẹ vào cuối năm, song đó là do Tập đoàn đã thực hiện giải phóng hàng tồn kho, chủ yếu là hạt nhựa bán thương mại do giá cả thuận lợi.

Cơ cấu vốn

Hệ số nợ vay/tổng tài sản theo báo cáo riêng và hợp nhất đều giảm trong năm 2023. Tại ngày 31/12/2023, hệ số nợ vay/tổng tài sản hợp nhất và Công ty mẹ lần lượt là 0,31 và 0,18. Hệ số nợ vay/Vốn chủ sở hữu Hợp nhất và Công ty mẹ lần lượt là 0,67 và 0,22 là mức hợp lý trong điều kiện Công ty vẫn đang trong giai đoạn triển khai các dự án đầu tư mới và vẫn tiếp tục tìm kiếm huy động nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài.

Hiệu quả hoạt động

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho hợp nhất của Tập đoàn vẫn giữ ở mức ổn định, tăng nhẹ từ 9,09 vòng năm 2022 lên 9,17 vòng năm 2023. Chỉ số vòng quay tài sản theo báo cáo hợp nhất của Tập đoàn giảm từ 1,39 lần năm 2022 xuống 1,17 lần năm 2023 do doanh thu giảm, nguyên nhân đã trình bày ở trên.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời công ty mẹ sụt giảm, lỗ trong năm do Công ty không ghi nhận cổ tức và lãi từ chuyển nhượng cổ phần như năm ngoái. Mặc dù vậy, các chỉ số này theo báo cáo hợp nhất của Tập đoàn lại cải thiện rất nhiều so với năm 2022 chủ yếu nhờ tăng hiệu quả hoạt động thương mại và tiết giảm chi phí bán hàng.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế

Trong quá trình xây dựng và phát triển, các công ty thành viên thuộc lĩnh vực sản xuất tuân thủ các quy định Luật Bảo vệ môi trường, đồng thời duy trì áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo các chuẩn mực quốc tế. Hệ thống quản lý môi trường tại các nhà máy sản xuất bao bì của Tập đoàn tuân thủ tiêu chuẩn ISO 14001:2015, giúp Tập đoàn quản lý và kiểm soát các rủi ro môi trường, qua đó hạn chế ảnh hưởng của doanh nghiệp đến môi trường trong quá trình hoạt động.



Định kỳ quan trắc môi trường

Tại các nhà máy sản xuất nguyên vật liệu và sản phẩm nhựa, Tập đoàn định kỳ thực hiện đánh giá tác động môi trường bao gồm quan trắc không khí và kiểm định nước thải theo quy định của pháp luật. Các kết quả quan trắc chất lượng môi trường đều nằm trong ngưỡng an toàn theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm Tập đoàn không có vi phạm về các quy định về pháp luật về môi trường:

- Số lần bị phạt: 0 lần
- Số tiền bị phạt: 0 đồng



Lan tỏa thông điệp tiêu dùng xanh, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

Năm 2023 An Phát Holdings đã tiếp tục đồng hành cùng người dân Việt Nam trong việc nâng cao ý thức phòng chống rác thải nhựa và thúc đẩy thói quen tiêu dùng xanh của xã hội. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trao đổi thông tin với đối tác, khách hàng và các bên liên quan khác, các chiến dịch truyền thông của Tập đoàn đã lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường, phòng chống rác thải nhựa tới hàng triệu người tiêu dùng Việt Nam.

Tiếp tục Hành trình xanh, thay thế hàng triệu sản phẩm nhựa thông thường bằng sản phẩm nhựa tự hủy, thân thiện với môi trường

Cùng với quá trình chuyển đổi xanh, Tập đoàn đã giúp thay thế hàng triệu sản phẩm nhựa thông thường khó phân hủy bằng các sản phẩm nhựa phân hủy sinh học hoàn toàn, thân thiện với môi trường. Các sản phẩm bao bì, dao, thìa, đĩa, găng tay, ống hút... được thay thế có thể phân hủy hoàn toàn thành các chất tự nhiên trong điều kiện chôn lấp trong vòng 1-2 năm, tháo gỡ vấn đề rác thải nhựa đang gây nhức nhối toàn xã hội. Thông qua các chương trình, chiến dịch truyền thông, Tập đoàn đã giúp nâng cao nhận thức về vấn đề rác thải nhựa, góp phần hình thành thói quen tiêu dùng xanh của người tiêu dùng.



TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Tạo ra công ăn việc làm, an sinh xã hội

- Với đội ngũ nhân sự gần 5.000 CBCNV, hệ thống 17 nhà máy, Tập đoàn đã tạo ra công ăn việc làm ổn định cho người dân tại các địa bàn hoạt động và khu vực lân cận. Với chính sách lao động trọn đời và những nỗ lực xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, thân thiện, Tập đoàn đóng góp cho công tác an sinh xã hội tại địa phương.

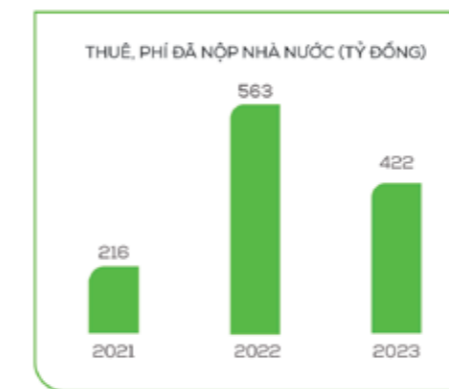


Chung tay xây dựng cộng đồng văn minh, phát triển

Tập đoàn tài trợ các chương trình an sinh xã hội tại địa phương như quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học, quỹ hội phụ nữ... Bên cạnh đó đội ngũ nhân sự được chú trọng đào tạo nâng cao về trình độ, năng lực, văn hóa, mang bộ gen người An Phát, trở thành những nhân tố tạo ra tác động tích cực tới cộng đồng xã hội.

Đóng góp cho ngân sách nhà nước

Với tăng trưởng kết quả kinh doanh, Tập đoàn hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, phí cho nhà nước, đóng góp cho nguồn thu ngân sách nhà nước.



Đẩy mạnh thu hút đầu tư tại địa phương thông qua tăng khai thác BĐS KCN

Năm 2023, Khu công nghiệp An Phát 1 chính thức đi vào hoạt động. Theo quy hoạch, KCN dự kiến thu hút từ 12.000 đến 15.000 lao động, định hướng thu hút các lĩnh vực công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh Hải Dương. Các khu công nghiệp của Tập đoàn được quy hoạch như một tổ hợp khu công nghiệp kỹ thuật cao, phát triển đầy đủ các dịch vụ đi kèm, hứa hẹn là điểm đến của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, thu hút đầu tư đến địa phương.

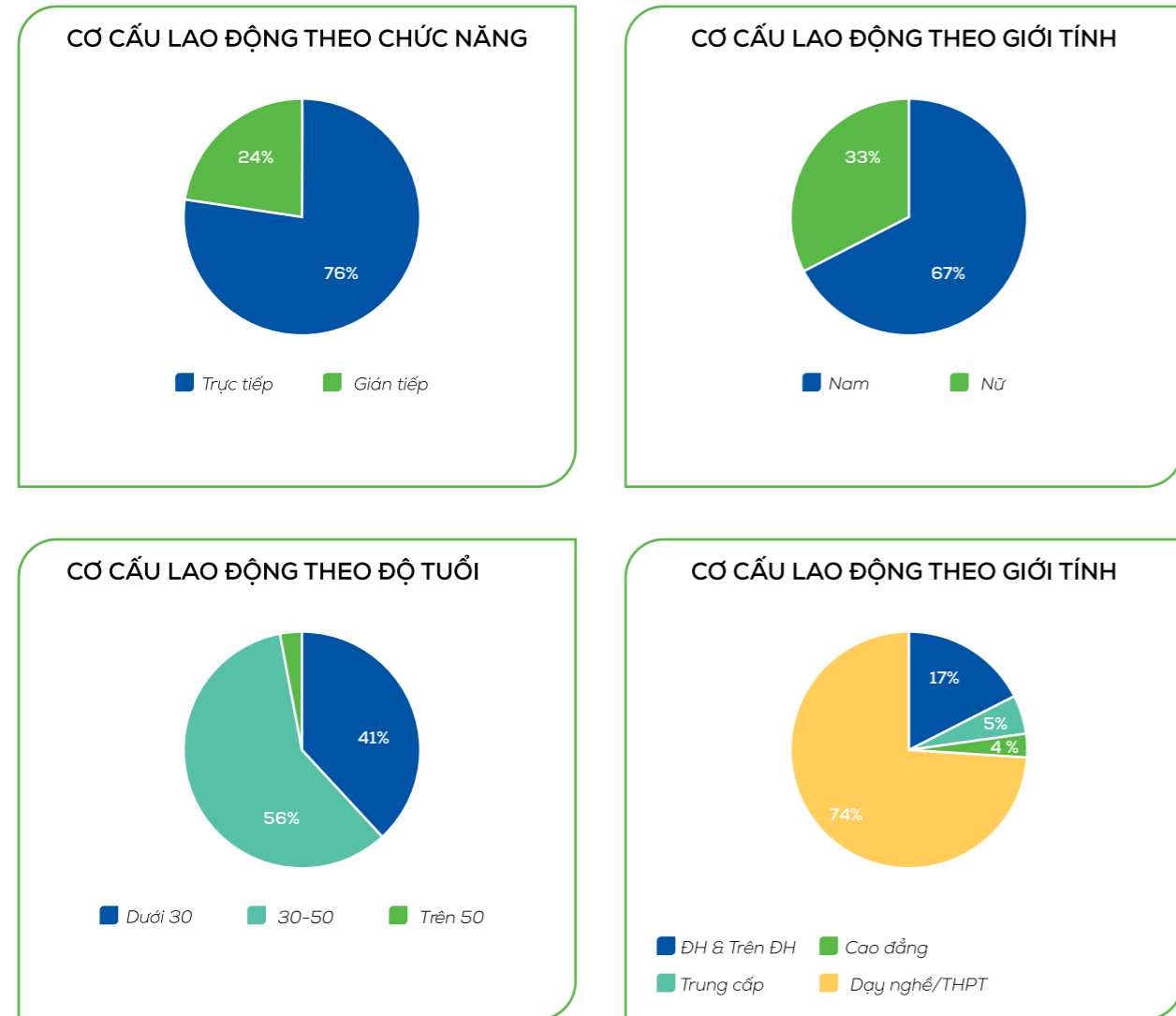
Phối hợp trong các công tác ngoại giao, tăng cường quảng bá địa phương

Năm 2023, An Phát Holdings phối hợp tổ chức đón tiếp các đoàn Ngoại giao, tăng cường xúc tiến đầu tư. Thông qua kết nối các tập đoàn sản xuất lớn trên thế giới và các nhà cung ứng tại địa phương, An Phát Holdings góp phần thúc đẩy lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ của tỉnh. Bên cạnh đó, An Phát Holdings tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong các công tác ngoại giao tiếp đón các phái đoàn ngoại giao...

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình lực lượng lao động tại Tập đoàn

Số lượng nhân sự tại CTCP Tập đoàn An Phát Holdings tại ngày 31/12/2023 là 80 người. Tổng số lượng nhân sự Tập đoàn, bao gồm công ty mẹ và các công ty con là 4.892 người.



Chế độ làm việc

Đối với CBCNV khối văn phòng: theo giờ làm việc hành chính 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, sáng từ 08 giờ đến 12 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Đối với CBCNV khối sản xuất được chia ca làm việc để đảm bảo quy trình sản xuất của nhà máy vận hành 24/24. CBCNV được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo quy định của Luật lao động.

Chế độ bảo hiểm

Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) được trích nộp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Chính sách lương thưởng và phụ cấp

Năm 2023, Tập đoàn thực hiện trả đầy đủ và đúng hạn lương và các chế độ thưởng, hỗ trợ cho người lao động, tuân thủ các chính sách bảo hiểm, phúc lợi theo quy định của pháp luật. Không có trường hợp nợ lương của người lao động.

Nhằm đảm bảo sự linh hoạt, cạnh tranh và công bằng trong cách thức trả lương công ty áp dụng chính sách tính và trả lương theo KPI với tất cả CBCNV, ngoài trừ các vị trí công nhân, bốc vác, tạp vụ, lái xe, an ninh an toàn, các vị trí nhân viên kinh doanh đã áp dụng chính sách lương kinh doanh riêng và các vị trí tính lương khoán. Cơ chế trả lương như vậy sẽ giúp công ty giữ chân và thu hút nhân sự có chất lượng gắn bó với công ty, đồng thời tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Tiền lương vị trí công việc của người lao động được đảm bảo ở mức cạnh tranh so với thị trường, góp phần ổn định công việc và nghề nghiệp, đảm bảo các lợi ích dài hạn cho CBCNV như lương hưu, bảo hiểm. Ngoài lương cố định, CBCNV còn được hưởng các loại phụ cấp. Chế độ phụ cấp được chia thành 2 loại: phụ cấp công việc và phụ cấp trách nhiệm. Phụ cấp công việc áp dụng cho các vị trí làm việc có tính chất đặc biệt theo quy định của Công ty với mức phụ cấp tính bằng 10% - 30% lương của người đảm nhiệm.



Hoạt động đào tạo

Năm 2023 công tác đào tạo tiếp tục được triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: hoàn thiện chính sách cho Giảng viên nội bộ, xây dựng các khóa đào tạo thường xuyên theo chuẩn chức danh, khung năng lực của Tập đoàn. Tập đoàn cũng hoàn thành số hóa thêm các khóa đào tạo khóa đào, tăng khả năng tiếp cận tới CBCNV. Các hình thức đào tạo tiếp tục được triển khai linh hoạt. Tập đoàn đã tổ chức 35 khóa đào tạo trực tiếp với gần 450 lượt đào tạo với các nội dung đào tạo Quản lý nguồn, Lãnh đạo cấp cao và kỹ năng/Chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV toàn Tập đoàn. Ngoài ra còn tổ chức 138 khóa đào tạo trực tuyến với hơn 4.500 lượt đào tạo về các nội dung: đào tạo kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, tư duy tích cực, kiến thức sản phẩm, đào tạo văn hóa 5S, đào tạo bảo mật thông tin, phổ biến quy trình mua sắm ...

Các hoạt động nội bộ chăm lo đời sống CBCNV

- Tổ chức thường niên chương trình gặp gỡ gia đình CBCNV giúp gia đình CBCNV được trực tiếp trải nghiệm, thăm quan môi trường làm việc của CBCNV, từ đó tạo điều kiện để CBCNV an tâm công tác
- Tổ chức các chương trình chúc mừng ngày lễ tết, sinh nhật tập thể cho CBCNV
- Tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ gia đình CBCNV khi bị ốm đau, hiếu hỉ
- Tổ chức quyên góp hỗ trợ gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Năm 2024, Tập đoàn tiếp tục mở rộng và tăng trưởng tại lĩnh vực cốt lõi là sản xuất các sản phẩm nhựa bao gồm nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa xây dựng, đảm bảo tiến độ tại các dự án sản xuất và BĐS KCN tại các công ty con. Đồng thời Tập đoàn tối ưu chi phí hoạt động của các đơn vị thành viên, tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh: Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời ưu tiên các nguồn lực triển khai các dự án sản xuất, KCN. Tập đoàn tiếp tục đa dạng hóa, tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm, dịch vụ, khách hàng, thị trường tại các lĩnh vực nhựa bao bì, công nghiệp hỗ trợ, nhựa xây dựng, nguyên liệu ngành nhựa, nắm bắt xu thế chuyển dịch chuỗi cung ứng sang Việt Nam và xu hướng tiêu dùng xanh. Đồng thời, đảm bảo tiến độ khai thác KCN An Phát 1 và tìm kiếm, xây dựng quỹ đất KCN mới.

Nguồn vốn và đầu tư: triển khai các hình thức huy động vốn hiệu quả, kiểm soát và tối ưu hóa sử dụng nguồn vốn tài trợ dự án mới để phục vụ chiến lược kinh doanh ngắn, trung và dài hạn của Tập đoàn.

Quản trị doanh nghiệp và văn hóa doanh nghiệp: Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo hướng hiệu quả, tinh gọn. Tiếp tục bồi đắp và phát huy văn hóa doanh nghiệp mang bộ Gen người An Phát, chú trọng hoạt động đào tạo - phát triển nguồn nhân lực, chuẩn bị nhân sự kế thừa, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, thân thiện.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

Bao bì

Màng bao bì vẫn là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn An Phát Holdings trong năm 2024. Các thị trường chính sẽ tiếp tục là châu Âu, Nhật Bản và Mỹ. Năm 2024, màng bao bì sẽ tập trung vào tối ưu danh mục sản phẩm và thị trường, tăng hiệu quả nhờ quy mô kinh tế và dịch chuyển cơ cấu sản phẩm sang bao bì tự hủy sinh học, bao bì công nghiệp có biên lợi nhuận cao. Cụ thể, dự án mở rộng nhà máy An Vinh với sản phẩm chính là bao jumbo và vải địa dự kiến đi vào vận hành trong quý 3/2024.



Công nghiệp hỗ trợ và nhựa xây dựng

Trong năm 2024, mảng công nghiệp hỗ trợ kỳ vọng vào sự phục hồi của các khách hàng lớn sau dịch bệnh, đồng thời các chính sách đổi mới về nhân sự, vận hành phát huy được hiệu quả. Chiến lược đa dạng hóa khách hàng, thị trường sẽ tiếp tục được triển khai thông qua tìm kiếm khách hàng FDI mới trong nước và hướng tới xuất khẩu. Mảng nhựa xây dựng, đặc biệt với sản phẩm tấm ốp sàn SPC, sẽ tiếp tục chiếm lĩnh thị trường Mỹ và tận dụng xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng sang Việt Nam. Năm 2024 tập trung triển khai dự án mở rộng nhà máy An Cường để đưa vào chạy thử trong quý 4/2024 với sản phẩm là tấm ốp sàn SPC và LVT.



Nguyên vật liệu ngành nhựa

Năm 2024, hoạt động thương mại dự kiến sẽ được tăng trưởng theo đà phục hồi của hoạt động sản xuất kinh doanh toàn cầu và ngành nhựa trong nước. APH tiếp tục củng cố vị thế là Top 5 nhà xuất khẩu hạt nhựa phụ gia và Top 3 nhà cung cấp thương mại hạt nhựa tại Việt Nam, tăng sản lượng bán hạt nhựa phụ gia và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động thông qua tối ưu chính sách bán hàng và kiểm soát hàng tồn kho.



BDS Khu công nghiệp

Năm 2024 sẽ ghi nhận thêm doanh thu lợi nhuận khai thác mới KCN An Phát 1, đồng thời vẫn ghi nhận doanh thu từ cho thuê BĐS KCN của KCN An Phát Complex. Tập đoàn cũng nghiên cứu, đánh giá thêm các dự án BĐS KCN tiềm năng, mở rộng quỹ đất KCN.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Năm 2024 APH đặt kế hoạch doanh thu 14.000 tỷ đồng (giảm nhẹ 4% so với thực hiện 2023), LNST đạt 314 tỷ đồng (tăng 43% so với thực hiện 2023). Động lực tăng trưởng lợi nhuận đến từ (1) tăng trưởng hoạt động kinh doanh cốt lõi là sản xuất các sản phẩm nhựa: nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa xây dựng (2) đẩy mạnh bàn giao và ghi nhận doanh thu, lợi nhuận KCN An Phát 1 (3) tăng cường hiệu quả hoạt động thương mại (4) tối ưu chi phí vận hành.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2024 CỦA TẬP ĐOÀN:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	14.000
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	314

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



Mô hình quản trị Tập đoàn An Phát Holdings.....	70
Báo cáo của Hội đồng Quản trị.....	71
Báo cáo của Ban Kiểm soát.....	75
Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông.....	79
Quản trị rủi ro.....	88

Tập đoàn An Phát Holdings luôn nỗ lực để cải thiện hệ thống quản trị nhằm hoàn thành những mục tiêu kinh doanh, tạo nền móng cho sự phát triển bền vững, phát huy tối đa các giá trị cốt lõi.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tập đoàn. ĐHĐCĐ quyết định tổ chức và giải thể Tập đoàn, quyết định các định hướng phát triển của Tập đoàn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra và là cơ quan quản trị cao nhất của Tập đoàn, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan tới mục tiêu và lợi ích của Tập đoàn, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Tập đoàn hiện có 7 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập.

HĐQT hiện nay chưa thành lập các tiểu ban giúp việc vì cơ cấu tổ chức của Tập đoàn đang được tổ chức theo hướng tích hợp các chức năng kiểm soát, quản trị rủi ro vào chính các phòng ban chức năng của Tập đoàn để có thể linh hoạt giám sát hoặc tham gia trực tiếp ngay vào các hoạt động vận hành của các công ty con hay dự án.

Ngoài các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, các giao dịch của giá trị nhỏ hơn hoặc các nhiệm vụ nằm ngoài thẩm quyền của HĐQT được giao cho Ban Điều hành quyết định.

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Điều hành.

Mối quan hệ giữa Công ty mẹ và các công ty thành viên

Các công ty con là các đơn vị trực tiếp tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện thực hóa các chủ trương, quyết định, chiến lược của Tập đoàn và các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh của mình. Các công ty con thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, cơ chế quản lý nội bộ của Tập đoàn. Đồng thời các Công ty con có trách nhiệm trình Tập đoàn xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Tập đoàn với tư cách cổ đông, chủ sở hữu.

Mối quan hệ giữa Tập đoàn và các công ty con, công ty liên kết tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định nội bộ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan. Các nhiệm vụ, quy trình, dự án cần sự phối hợp của nhiều phòng ban chức năng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên sẽ được phân định trách nhiệm thực hiện, quyết định, báo cáo để nâng cao tinh thần hợp tác, minh bạch và trách nhiệm.

Cơ chế phối hợp hoạt động giữa các đơn vị thành viên và Tập đoàn

Các công ty thành viên phối hợp với nhau nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động dựa trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận giữa các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân, vì lợi ích của đơn vị và lợi ích chung của Tập đoàn.

Tập đoàn quy định chính sách, định hướng phối hợp các lĩnh vực hoạt động trong phạm vi toàn Tập đoàn nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thế mạnh của các đơn vị thành viên.

Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Ban Điều hành tổ chức thực hiện các kế hoạch, chiến lược mà HĐQT đã đề ra cho Tập đoàn. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn.

Các bộ phận chức năng tại Tập đoàn có chức năng tham mưu, hỗ trợ HĐQT và Ban Điều hành để đề xuất các chiến lược, định hướng kinh doanh cho Tập đoàn, cũng như giám sát, hỗ trợ các công ty thành viên tăng cường hoạt động hiệu quả.

Các bộ phận chức năng thực hiện các hoạt động tập trung như: quản trị, nghiên cứu phát triển, chính sách nhân sự và đào tạo, tư vấn pháp luật, quản lý hệ thống công nghệ thông tin, phát triển thương hiệu, marketing, quan hệ công chúng, quan hệ cổ đông, quản lý vốn, thực hiện các giao dịch huy động vốn và mua bán, sáp nhập, đảm bảo huy động với chi phí tối ưu và sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả, tối đa hóa giá trị Tập đoàn và lợi ích của cổ đông. Đồng thời các phòng, ban sẽ thực hiện công tác quản trị và tương tác với các công ty con để đảm bảo hoạt động của các công ty con diễn ra hiệu quả nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ GIỚI THIỆU HĐQT

HĐQT của Tập đoàn gồm 7 thành viên, trong đó có 1 Chủ tịch HĐQT, 2 Phó Chủ tịch HĐQT và 2 thành viên độc lập.

Thông tin chi tiết về các thành viên xem tại Chương 1

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	TV HĐQT	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác
1	Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	Không
2	Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Điều hành	01 Công ty, cụ thể: 02/2023 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
3	Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	Không
4	Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT	Điều hành	05 Công ty, cụ thể: 12/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 09/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 09/08/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Liên vận An Tín 09/06/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội 2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH AnKor Bioplastics 04 Công ty, cụ thể: 11/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd 01/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Anbio 01/2022 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD CTCP Sản xuất PBAT An Phát 06/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
6	Lim Heonyoung	Thành viên HĐQT	Độc lập	Không
7	Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	Độc lập	01 Công ty, cụ thể: 2013 đến nay: Phó Chủ tịch, The Asia Group Capital Advisory Partners

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

Hoạt động giám sát

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy định, quy chế nội bộ và pháp luật hiện hành, HĐQT đã có những hoạt động giám sát như sau:

- Tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh;
- Chuẩn bị nguồn vốn, chỉ đạo triển khai, giám sát các dự án của Tập đoàn;
- Chỉ đạo, chủ trì và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ chế độ Báo cáo tài chính và công bố thông tin trên thị trường;
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành;
- Giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Tập đoàn, các quy chế nội bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp.

Kết quả giám sát - Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành

Năm 2023, HĐQT đánh giá Tập đoàn và Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực để thích ứng với tình hình kinh doanh nhiều biến động, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì. Các công tác quản trị nội bộ được thực hiện tốt.

Năm 2023, Tập đoàn ghi nhận kết quả hoạt động với 14.522 tỷ đồng doanh thu và 219 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tương ứng hoàn thành 97% kế hoạch doanh thu và 52% kế hoạch lợi nhuận. Những nền tảng được xây dựng trong năm 2023 sẽ là đòn bẩy để Tập đoàn tiếp tục phát huy những thế mạnh, hoàn thành những mục tiêu chiến lược trong năm 2024 và các năm tiếp theo. Cụ thể:

- Ban Điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.
- Ban Điều hành đã thực hiện tốt công tác giám sát, hỗ trợ các công ty thành viên trong triển khai chiến lược kinh doanh, chỉ đạo kịp thời các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn sản xuất cho CBCNV.
- Ban Điều hành đã báo cáo thường xuyên cho HĐQT về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời như vậy, HĐQT luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và đưa ra những định hướng, chỉ đạo phù hợp với môi trường kinh doanh nhiều biến động.

Hoạt động họp và ban hành các Nghị quyết quan trọng

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 15 cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp 100% của tất cả các thành viên của HĐQT, ban hành 22 nghị quyết và quyết định, thông qua nhiều chủ trương, định hướng phát triển của Tập đoàn An Phát Holdings, trong đó có các nội dung như dưới đây.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Phạm Ánh Dương	15/15	100%	
2	Nguyễn Lê Trung	15/15	100%	
3	Phạm Đỗ Huy Cường	15/15	100%	
4	Đình Xuân Cường (miễn nhiệm tháng 1/2023)	9/9	100%	
5	Nguyễn Thị Tiệp	15/15	100%	
6	Nguyễn Lê Thăng Long	15/15	100%	
7	Nirav Sudhir Patel	15/15	100%	
8	Lim Heonyoung	15/15	100%	

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2023

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	1311/2023/NQ - HĐQT	13/11/2023	Thông qua các điều khoản và điều kiện trong, và việc tham gia ký kết, chuyển giao và thực hiện các tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông Actis Aiken (HK) Limited ("Actis") tại Công ty cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("API")
2	101102/2023/NQ - HĐQT	10/11/2023	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (mã CK: NHH)
3	080902/2023/NQ - HĐQT	08/09/2023	Thông qua việc cầm cố tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ đối với trái phiếu phát hành mã APHH2325001
4	080903/2023/NQ - HĐQT	08/09/2023	Thông qua tất toán trước hạn các Hợp đồng vay của CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
5	080901/2023/NQ - HĐQT	08/09/2023	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ mã APHH12325001
6	300601/2023/NQ - HĐQT	30/06/2023	Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023
7	010601/2023/NQ - HĐQT	01/06/2023	Bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất Công ty
8	080502/2023/NQ - HĐQT	08/05/2023	Tái bổ nhiệm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty
9	050501/2023/NQ - HĐQT	05/05/2023	Điều chỉnh, bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
10	140402/2023/NQ - HĐQT	14/04/2023	Thông qua thời gian, địa điểm, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
11	230301/2023/NQ - HĐQT	23/03/2023	Thông qua phương án mua lại một phần trái phiếu APH-H2124-001 trước hạn
12	160301/2023/NQ - HĐQT	16/03/2023	Thông qua kết quả mua lại cổ phiếu ưu đãi và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
13	140302/2023/NQ - HĐQT	14/03/2023	Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
14	99/06/02/2023/NQ - HĐQT	06/02/2023	Bổ nhiệm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị Công ty
15	010201/2023/NQ - HĐQT	01/02/2023	Thông qua giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm 2023
16	300101/2023/NQ - HĐQT	30/01/2023	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần sản xuất PBAT An Phát
17	270101/2023/NQ - HĐQT	27/01/2023	Miễn nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty
18	270102/2023/NQ - HĐQT	27/01/2023	Bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty
19	270103/2023/NQ - HĐQT	27/01/2023	Bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty
20	270104/2023/NQ - HĐQT	27/01/2023	Bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty
21	270105/2023/NQ - HĐQT	27/01/2023	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty
22	270106/2023/NQ - HĐQT	27/01/2023	Tiếp nhận đơn xin từ nhiệm TVHĐQT và miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT của ông Đình Xuân Cường

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị công ty. Ngoài ra, HĐQT còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tổ chức nhằm nâng các tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành.

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản trị doanh nghiệp, phát huy các nguyên tắc quản trị tiên tiến bao gồm: Công bằng, Trách nhiệm, Trách nhiệm giải trình, Minh bạch, Tập đoàn An Phát Holdings hướng đến phát triển và bồi đắp văn hóa doanh nghiệp với phương châm "Con người là tài sản lớn nhất của doanh nghiệp. Mọi sự thành bại, mọi hoạt động đều quy tụ lại ở yếu tố con người." Toàn bộ đội ngũ nhân sự của Tập đoàn được xây dựng để mang bộ Gen Người An Phát. Cán bộ lãnh đạo được bồi đắp để tuân thủ theo bộ nguyên tắc ứng xử 9G: coi các nhân viên dưới quyền như thành viên trong Gia đình, luôn Giữ tín với cấp dưới, cấp trên và đối tác, khách hàng, phải gương mẫu trong lối sống, công việc; biết Gánh vác các công việc, trách nhiệm chung; luôn Gần gũi với nhân viên; biết Gợi mở để khơi nguồn sáng tạo của nhân viên, Giúp đỡ kịp thời, san sẻ khó khăn, bao dung với nhân viên, thường xuyên Giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ của nhân viên; đồng thời cũng phải Giám sát công việc của cấp dưới qua đánh giá hiệu quả công việc một cách công bằng và có hệ thống. Ngoài ra Tập đoàn chú trọng việc xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế cận để sẵn sàng đảm đương các nhiệm vụ quan trọng trong tương lai. Nhiều chương trình đào tạo cán bộ nguồn được triển khai để nâng cao năng lực và bồi đắp gắn bó lâu dài với Tập đoàn.

Trong năm 2024, dưới các yêu cầu cao hơn của pháp luật, thị trường, HĐQT tập trung vào các định hướng quản trị sau:

- Tập đoàn xác định mô hình hoạt động, quản trị là mô hình Tập đoàn, trong đó sẽ phát triển mở rộng lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là sản xuất các nguyên liệu, sản phẩm nhựa bao gồm nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa xây dựng và hạt nhựa phụ gia. Nhựa sinh học thân thiện với môi trường vẫn là mũi nhọn trong định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Tập đoàn.
- Để cao tính hiệu quả trong quản trị, tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản trị dựa trên bốn cột trụ: công bằng, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình, minh bạch.
- Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ nguồn, ưu tiên đào tạo và thăng tiến nội bộ.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Tập đoàn gồm 03 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Điều hành. Hiện tất cả các thành viên Ban Kiểm soát đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm chức danh điều hành nào tại Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiến nghị trong lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao năng lực quản trị, tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán tại Tập đoàn. Các thành viên BKS đều là những người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS
1	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban	28/11/2019
2	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên	28/11/2019
3	Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên	28/11/2019

Chi tiết sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Kiểm soát vui lòng xem tại Chương 1.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Năm 2023 Ban Kiểm soát tăng cường vai trò trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát, phối hợp với HĐQT và Ban Điều hành bám sát quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được quy định, Ban Kiểm soát cũng tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn cũng như ở các đơn vị thành viên, đảm bảo các hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh, tuân thủ theo các quy định của pháp luật và quy chế quản trị của Tập đoàn, góp phần hạn chế rủi ro trong các lĩnh vực hoạt động.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã triển khai các nhiệm vụ chính sau:

- Giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2023;
- Giám sát và đưa ra ý kiến đánh giá về việc thực hiện các mục tiêu về sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Tập đoàn;
- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm để đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam;
- Soát xét, thẩm định các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn và các đơn vị thành viên với các bên liên quan.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tập đoàn và các công ty thành viên đã niêm yết theo quy định của pháp luật;

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp để triển khai các nhiệm vụ.

NỘI DUNG CHÍNH VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS TRONG NĂM

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính	Kết quả
16/04/2023	3/3	Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022; Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;	Các số liệu kế toán đảm bảo đầy đủ, khách quan, trung thực và chính xác với thực tế; Thống nhất nội dung Báo cáo hoạt động BKS năm 2022;
18/06/2023	3/3	Đánh giá, xem xét tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT trong quý 2; Kiểm tra các quy trình thực hiện và tuân thủ các quy định liên quan tới công bố thông tin.	Các phòng, ban chức năng và các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc và triển khai các nghị quyết của HĐQT ban hành.
16/09/2023	3/3	Đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết HĐQT; Đánh giá hoạt động giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán thống kê, lập báo cáo tài chính.	Các phòng, ban chức năng và các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc và triển khai các nghị quyết của HĐQT ban hành; Công tác kế toán được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật và chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo tính khách quan, trung thực, đúng với thực tế hoạt động kinh doanh của công ty.
24/12/2023	3/3	Rà soát các nghị quyết HĐQT ban hành trong nửa cuối năm 2023 và đánh giá kết quả thực hiện ; Đánh giá việc thực thi các quy định của pháp luật về thuế, chính sách tiền lương, tiền thưởng, BHYT, BHXH, cổ tức,...	Các bộ phận liên quan đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, không để xảy ra sai sót; Việc thực thi các quy định của pháp luật về thuế, chính sách tiền lương, tiền thưởng, BHYT, BHXH cho người lao động và chi trả cổ tức cho cổ đông đều được thực thi đầy đủ, kịp thời, và nghiêm chỉnh.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ NĂM 2023

- Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh: năm 2023, Tập đoàn hoàn thành 97% chỉ tiêu về doanh thu và 52% chỉ tiêu lợi nhuận;
- Phối hợp với HĐQT chọn EY là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính của Tập đoàn và các công ty con;
- Nhận thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên;
- Triển khai phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi cổ tức, hoàn lại và có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HĐQT VÀ BĐH

- HĐQT đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của BĐH trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Năm 2023, HĐQT đã tiến hành 15 phiên họp, đã thông qua và ban hành 22 nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Các phiên họp của HĐQT có số thành viên tham dự đảm bảo theo đúng quy định. Số phiên họp của HĐQT đảm bảo theo đúng quy định tại điều lệ Công ty.
- Ban hành kịp thời các Nghị quyết sau khi có kết quả kiểm phiếu dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản các thành viên thông qua tờ trình. Các nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng chức năng, quyền hạn của HĐQT và phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật. Trong công tác phối hợp với BKS: HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ. Các Tờ trình, Nghị quyết, biên bản kiểm phiếu biểu quyết của HĐQT đều được gửi tới BKS để tạo thuận lợi cho công tác của BKS.
- Các vấn đề quan trọng đều được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản; việc bầu thành viên trong HĐQT đều được HĐQT xin ý kiến của ĐHĐCĐ theo đúng quy định.
- Dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, trong năm 2023 BĐH đã chủ động trong việc hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo thường xuyên để đưa ra các giải pháp kinh doanh, kế hoạch ứng biến kịp thời với diễn biến của môi trường kinh doanh, khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. BĐH đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT.

KIỂM SOÁT VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT:

Công tác Công bố thông tin của Tập đoàn thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, không có sai phạm nào báo cáo.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính:

Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất quý, năm và bán niên năm 2023 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Kết quả kinh doanh:

Ban Kiểm soát thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong báo cáo riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

Ưu điểm:

- Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc trên tinh thần độc lập, khách quan, và tuân thủ các quy định pháp luật trong công tác giám sát các hoạt động của Tập đoàn.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT và BDH, các phòng ban chức năng để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của Ban, thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động của công ty, phát hiện các rủi ro tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục, đảm bảo hoạt động của Tập đoàn an toàn, hiệu quả và tuân thủ pháp luật.

Tồn tại:

Do quy mô Tập đoàn lớn, số lượng thành viên Ban Kiểm soát còn ít nên phạm vi soát xét, giám sát còn hạn chế, cần được tăng cường, đẩy mạnh hơn nữa.

ĐỀ XUẤT CỦA BKS CHO NĂM 2024

Nhằm phát huy hơn nữa vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động của Tập đoàn, BKS sẽ đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động kiểm tra giám sát nội bộ, cụ thể:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ các quy định, quy trình, quy chế trong quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
- Định kỳ kiểm tra việc hạch toán, lập báo cáo tài chính quý, năm của Tập đoàn;
- Tiếp tục nghiên cứu, tư vấn và đề xuất với HĐQT, BDH các giải pháp để hoàn thiện hệ thống quản trị và quản trị rủi ro của Tập đoàn theo các thông lệ quốc tế, nhằm tăng cường minh bạch, hạn chế rủi ro trong vận hành.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tại ngày 31/12/2023, các thông tin về cổ phiếu APH của Tập đoàn An Phát Holdings như sau:

Mã chứng khoán: **APH**

Sàn giao dịch: **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**

Ngày giao dịch đầu tiên: **28/7/2020**

Mệnh giá: **10.000 đồng**

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **243.884.268 cổ phiếu**, trong đó:

Số lượng cổ phiếu phổ thông niêm yết: 243.884.268 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phổ thông chưa niêm yết: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: **0 cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: **243.884.268 cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: **0 cổ phiếu**

Giá trị vốn hóa thị trường (tại ngày 29/12/2023): **1.873 (tỷ đồng)**



THỐNG KÊ GIAO DỊCH NĂM 2023:

Tổng số phiên giao dịch

225 phiên

Tổng khối lượng khớp lệnh

315.838.700 cổ phiếu

Tổng giá trị khớp (triệu đồng)

2.692.463

Thống kê theo giá cổ phiếu (*)	Ngày	Giá (VND/CP)	Thống kê theo khối lượng cổ phiếu	Ngày	Khối lượng (CP)
Đóng cửa	29/12/2023	7.680	Đóng cửa	31/12/2023	933.400
Cao nhất	09/08/2023	10.300	Cao nhất	10/08/2023	6.962.900
Thấp nhất	13/02/2023	6.860	Thấp nhất	25/10/2023	159.000
			Giao dịch trung bình mỗi ngày	1.283.897	

(*) Giá điều chỉnh



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Quá trình tăng vốn điều lệ của Tập đoàn từ khi thành lập như sau:

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Vốn điều lệ (thực góp) sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận phát hành tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn
Tháng 03/2017	15.000.000	15.000.000	Các cổ đông sáng lập góp vốn bằng tiền thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Góp vốn thành lập Công ty
Tháng 06/2017	535.000.000	550.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Các cổ đông góp vốn bằng tiền. (*)	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Mua cổ phiếu AAA, VBC và cho AAA vay
Tháng 08/2017	550.000.000	1.100.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Mua chứng quyền AAA, mua cổ phiếu AAA, CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành, CTCP Liên Vận An Tín, mua cổ phần CTCP Nhựa Bao Bi Vinh (VBC) và đầu tư tài chính ngắn hạn.
Tháng 02/2018	141.148.800	1.241.148.800	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Đầu tư vào các công ty con như AAA, CTCP Nhựa Bao Bi An Vinh
Tháng 10/2018	41.794.680	1.282.943.480	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Đầu tư vào công ty con AAA
Tháng 01/2019	84.675.510	1.367.618.990	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư cần trả công nợ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Hoàn đổi khoản vay. Những khoản vay trước đó được sử dụng vào việc đầu tư cổ phiếu AAA và bổ sung vốn lưu động.
Tháng 07/2019	24.154.400	1.391.773.390	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Bổ sung vốn kinh doanh.
Tháng 09/2019	32.000.000	1.423.773.390	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Bổ sung vốn kinh doanh; tái cấu trúc các khoản nợ.
Tháng 07/2020	43.000.000	1.466.773.390	Chào bán ra công chúng, bán đấu giá công khai qua Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	Toàn bộ số vốn thu được, bao gồm cả phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu sinh học tự hủy (Dự án PBAT); bổ sung vốn lưu động và mua cổ phiếu AAA tăng tỷ lệ sở hữu
Tháng 4/2021	557.449.830	2.024.223.220	Chào bán cho cổ đông hiện hữu. Các cổ đông góp vốn bằng tiền	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	Mua cổ phiếu AAA (bao gồm mua trên sàn hoặc/và mua cổ phiếu phát hành thêm) để tăng tỷ lệ sở hữu
Tháng 2/2022	487.768.260	2.511.991.480	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	Do phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu nên không phát sinh vốn góp tăng thêm.
Tháng 3/2023	(73.148.800)	2.438.842.680	Mua lại cổ phiếu ưu đãi	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	Mua lại cổ phiếu để hoàn lại phần vốn góp của cổ phần ưu đãi cổ tức, hoàn lại và có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo yêu cầu của Người sở hữu cổ phần ưu đãi

Trong năm 2023 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ. Hiện tại, số lượng cổ phiếu quỹ Công ty: 0 cổ phiếu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2023 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ. Hiện tại, số lượng cổ phiếu quỹ Công ty: 0 cổ phiếu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/04/2023)

Danh mục	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	175,511,330	71.97%
· Cổ đông tổ chức	42,553,305	17.45%
· Cổ đông cá nhân	132,958,025	54.52%
II. Cổ đông nước ngoài	68,372,938	28.03%
1. Cổ đông tổ chức	67,399,850	27.64%
2. Cổ đông cá nhân	973,088	0.40%
III. Cổ phiếu quỹ	-	-
Tổng cộng	243,884,268	100%

CƠ CẤU SỞ HỮU THEO LOẠI CỔ ĐÔNG

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Sở hữu từ 5% trở lên	-	-	67,102,750	27.51%	67,102,750	27.51%
Sở hữu dưới 5%	175,511,330	71.97%	1,270,188	0.52%	176,781,518	72.49%
Tổng	175,511,330	71.97%	68,372,938	28.03%	243,884,268	100%

Cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Nội bộ	20,688,875	8.48%	174,000	0.07%	20,862,875	8.55%
Khác	154,822,455	63.48%	68,198,938	27.96%	223,021,393	91.45%
Tổng	175,511,330	71.97%	68,372,938	28.03%	243,884,268	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100%

SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	11,875,000	4.87%
2	Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	5,562,500	2.28%
3	Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	875,000	0.36%
4	Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,875,000	0.77%
5	Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	750	0.00%
6	Patel Nirav Sudhir	Thành viên HĐQT độc lập	174,000	0.07%
7	Lim Heon Young	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
8	Đình Xuân Cường	Thành viên HĐQT	-	-
9	Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
10	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
11	Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
12	Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính	500,625	0.21%
13	Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	-	-
14	Hồ Thị Hòe	Kế toán trưởng	-	-
15	Phạm Thị Nguyệt	Người ủy quyền CBTT	-	-
TỔNG CỘNG			20,862,875	8.55%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc	1.125.000	0,46%	1.875.000	0,77%	Mua thêm cổ phiếu trên sàn theo phương thức thỏa thuận
2	Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	125.000	0,05%	875.000	0,36%	Mua thêm cổ phiếu trên sàn theo phương thức thỏa thuận
3	Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán	0	0	500.625	0,21%	Mua thêm cổ phiếu trên sàn theo phương thức thỏa thuận
4	Đình Xuân Cường	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (hiện đã miễn nhiệm)	2.500.000	1%	0	0	Bán cổ phiếu trên sàn theo phương thức thỏa thuận/ khớp lệnh
5	Trần Thị Hoàn	Phó Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất	0	0	500.000	0,21%	Mua thêm cổ phiếu trên sàn theo phương thức thỏa thuận

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Xem tại mục báo cáo tài chính)

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BDH

Nguyên tắc chi trả thù lao của HĐQT, BKS và BDH

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT, BKS, BDH tuân thủ theo định mức quy định tại Điều lệ Công ty về chế độ thù lao, tiền thưởng và các chi phí hoạt động, đồng thời được ĐHCĐ thông qua tại mỗi kỳ ĐHCĐ thường niên và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích chi trả cho HĐQT, BKS và BDH năm 2023

Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT và thành viên BKS được ĐHCĐ thường niên năm 2023 của Tập đoàn phê duyệt như sau:

Mức thù lao	Mức ĐHCĐ phê duyệt năm 2023 (đồng /người/ /tháng)
Hội đồng quản trị	
Chủ tịch	15.000.000
Thành viên	10.000.000
Ban kiểm soát	
Trưởng BKS	5.000.000
Thành viên	3.000.000

Trong năm Tập đoàn đã thực hiện chi trả thù lao theo mức được ĐHCĐ thường niên 2023 phê duyệt.

Năm 2023 thu nhập (bao gồm lương, thưởng, thù lao) của các thành viên HĐQT, BDH như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Đình Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023)	-	787.604.321
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023)	2.752.629.666	731.250.321
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực	2.753.283.000	801.278.523
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	-	189.732.489
TỔNG CỘNG		3.169.865.654	2.759.383.340

CÁC CHẾ ĐỘ ĐÃ NGỘ KHÁC ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS VÀ BDH:

Ngoài các khoản tiền lương và thù lao, các thành viên HĐQT; BKS, BDH còn được hưởng các chế độ đãi ngộ khác như:

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Thành viên HĐQT, BKS; BDH và người thân được kiểm tra sức khỏe định kỳ mỗi năm hai lần theo gói khám sức khỏe đặc biệt tại phòng khám đa khoa VIP 12. Chi phí khám sức khỏe do Công ty thanh toán theo chi phí phát sinh thực tế.
- Bảo hiểm sức khỏe: Ngoài các chế độ bảo hiểm được hưởng theo đúng quy định của pháp luật, các thành viên HĐQT, BKS và BDH được hưởng gói Bảo hiểm sức khỏe cho bản thân và người thân do Tập đoàn chi trả.
- Phụ cấp điện thoại di động: mỗi thành viên HĐQT; BKS; BDH được Tập đoàn thanh toán cước điện thoại di động theo chi phí phát sinh thực tế do có thể sử dụng điện thoại cá nhân để phục vụ cho công việc.
- Chế độ đi công tác: thành viên HĐQT; BKS và BDH đi công tác đường hàng không được sử dụng hãng hàng không Vietnam Airlines. Thành viên HĐQT; BKS và BDH được thanh toán công tác phí theo chi phí phát sinh thực tế phù hợp với công việc.

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

CHÍNH SÁCH QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông là một trong mục tiêu cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp. Với phương châm đó, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cổ đông là ưu tiên hàng đầu trong công tác Quan hệ nhà đầu tư (IR) của Tập đoàn. Dù mới chính thức được niêm yết từ cuối tháng 7/2020, Tập đoàn đã nỗ lực hoàn thiện các hoạt động quan hệ cổ đông, hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông theo các quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị của Tập đoàn, đảm bảo tính minh bạch và bình đẳng trong đối xử với cổ đông. Bên cạnh đó, hoạt động IR của Tập đoàn hướng đến mục tiêu cung cấp thông tin giúp thị trường có cái nhìn công bằng, chính xác về tình hình tài chính hiện tại và triển vọng kinh doanh của Tập đoàn, từ đó phản ánh đúng giá trị doanh nghiệp.

MỤC TIÊU CÁC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Đảm bảo độ tin cậy của số liệu tài chính cung cấp

Tập đoàn duy trì thực hiện soát xét các báo cáo tài chính bán niên và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm. Năm 2023, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Tập đoàn và các công ty thành viên được soát xét và kiểm toán bởi CT TNHH EY Việt Nam. Các báo cáo tài chính tuân thủ theo tiêu chuẩn kế toán Việt Nam (VAS), không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Chủ động, minh bạch và bình đẳng trong công bố thông tin

APH đảm bảo tính trung thực, minh bạch và thống nhất trong việc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan, bảo đảm tất cả các cổ đông được đối xử bình đẳng, bất kể là cổ đông cá nhân hay tổ chức, trong nước hay nước ngoài. Chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số được thể hiện bằng việc các cổ đông được cung cấp thông tin như nhau, bao gồm các thông tin về các đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty được cập nhật kịp thời và chính xác thông qua website www.anphatholdings.vn, mục Quan hệ Nhà đầu tư. Trong năm 2023, APH tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định, không có sai phạm nào bị báo cáo. Ngoài ra, Tập đoàn chủ động cập nhật các thông tin được đánh giá là trọng yếu đối với lợi ích của nhà đầu tư như chiến lược, dự án mới, sản phẩm mới, các bước tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp tác, nghiên cứu phát triển. Ngoài nội dung về các hoạt động của Tập đoàn, các kênh thông tin còn hướng đến nâng cao nhận thức của nhà đầu tư, khách hàng, đối tác về vấn đề môi trường, xây dựng thói quen tiêu dùng xanh, lối sống xanh.

Đa dạng hóa các kênh thông tin và tương tác với nhà đầu tư

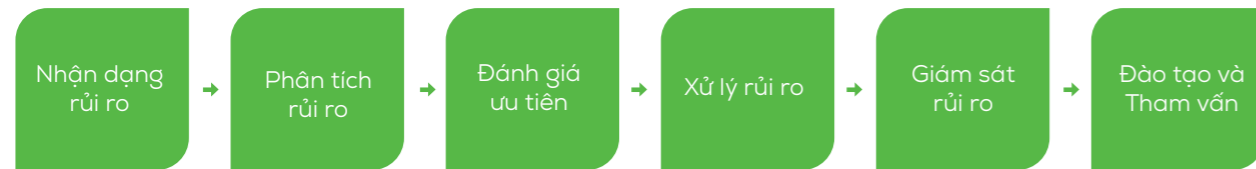
Thông tin là nền tảng của mọi quyết định, vì vậy việc cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin trọng yếu sẽ giúp các nhà đầu tư và cổ đông đưa ra những quyết định đúng đắn. Năm 2023, Tập đoàn thực hiện công bố thông tin trên nhiều kênh thông tin và hình thức như website, báo chí, cổng thông tin của HOSE, UBCKNN, Bản tin Nhà đầu tư hàng quý, báo cáo thường niên, họp ĐHĐCĐ và các buổi họp trực tuyến với nhà đầu tư.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro là công cụ quan trọng để đảm bảo quản trị hiệu quả và sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Tại An Phát, đạo đức nghề nghiệp và văn hóa tuân thủ được xác định là nền tảng cốt lõi của quản trị rủi ro.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



Nhận diện rủi ro

Xác định các rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn, nguồn phát sinh và khả năng ảnh hưởng của các rủi ro. Tập đoàn rà soát rủi ro trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, lập và cập nhật danh mục và nhóm rủi ro, nhận diện các yếu tố rủi ro.

Phân tích rủi ro

Đánh giá nguồn phát sinh của rủi ro, mức độ có thể tác động và khả năng xảy ra rủi ro.

Đánh giá rủi ro

Xếp hạng và đánh giá thứ tự của rủi ro dựa trên các phương diện, cả định lượng và định tính.

Xử lý rủi ro

Xây dựng phương án xử lý, đánh giá, lựa chọn, và triển khai giải pháp phù hợp để ứng phó. Tập đoàn quan điểm sẽ chấp nhận những rủi ro hợp lý, được tính toán kỹ lưỡng để nắm bắt cơ hội, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực mà rủi ro gây ra.

Giám sát rủi ro

Tập đoàn duy trì liên tục soát xét và đánh giá lại, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống QTRR.

Đào tạo và tham vấn

Tập đoàn duy trì các hoạt động đào tạo, truyền thông để nâng cao nhận thức, hiểu biết của CBCNV về các rủi ro tiềm tàng, công cụ xử lý. Đồng thời Tập đoàn tham vấn ý kiến của các bên liên quan, đảm bảo các bên liên quan nhận thức đầy đủ về vai trò và trách nhiệm của QTRR.

QUẢN TRỊ CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH NĂM 2023

Trong năm 2023, Tập đoàn đã phân tích, đánh giá và thực hiện quản lý các nhóm rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Các rủi ro của nền kinh tế như suy giảm tốc độ tăng trưởng, lạm phát, chính sách tài khóa, chỉ số giá tiêu dùng, tỷ lệ thất nghiệp... đều có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để kiểm soát những rủi ro này, các bộ phận phòng ban chuyên môn của Tập đoàn theo dõi sát sao các biến động của nền kinh tế và kịp thời dự báo, đánh giá những tác động đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, từ đó đề xuất các kịch bản ứng phó, nhằm hạn chế tối đa tác động của những rủi ro có thể xảy ra.

Rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm rủi ro về thanh toán, lãi suất và tỷ giá. Để kiểm soát các rủi ro này, định kỳ Ban Tài chính Kế toán sẽ đánh giá thị trường vốn và ngoại tệ, chủ động điều chỉnh nguồn thu xuất khẩu, tín dụng thương mại, lập, theo dõi và nếu cần thiết chủ động điều chỉnh kế hoạch vay nợ và chi trả, tận dụng các khoản vay dài hạn với lãi suất ưu đãi, kiểm soát dòng tiền hiệu quả.

Rủi ro về thị trường

Lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là ngành nhựa của Tập đoàn có mức độ cạnh tranh cao. Đồng thời những biến động trong ngành có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Đặc biệt, ngành nhựa hiện phải đối mặt với rủi ro lớn trong bối cảnh thay đổi thói quen tiêu dùng của khách hàng do xu hướng tiêu dùng xanh đang lan tỏa mạnh mẽ. Tập đoàn nhìn nhận đây vừa là rủi ro, vừa là cơ hội để mở ra một thị trường mới. Bằng việc chuyển đổi xanh, tiên phong phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, nhựa sinh học tự hủy, Tập đoàn có thể chiếm lĩnh trong lĩnh vực mới. Bởi lẽ đó, từ năm 2015 Tập đoàn đã phát triển thương mại các sản phẩm bao bì sinh học phân hủy hoàn toàn, xuất khẩu đến các thị trường lớn như châu Âu, Mỹ. Đồng thời tiếp tục phát triển thêm các dải sản phẩm xanh như dao, thìa, đĩa, ống hút nhựa sinh học tự hủy, chiếm lĩnh thị trường nhựa thân thiện với môi trường. Bên cạnh việc theo dõi các diễn biến thị trường của các sản phẩm hiện hữu, Ban Nghiên cứu và Phát triển Tập đoàn có chức năng tìm kiếm, đánh giá và đề xuất các sản phẩm mới là xu hướng, có tiềm năng phát triển.

Rủi ro về nhân sự

Với đội ngũ gồm gần 5000 CBCNV toàn Tập đoàn phục vụ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, việc duy trì và đảm bảo số lượng và chất lượng cho đội ngũ lao động đặt ra những thách thức không nhỏ, đồng thời cần nâng cao năng lực CBCNV để đáp ứng nhu cầu phát triển của Tập đoàn. Bởi lẽ đó, Tập đoàn chú trọng công tác quản trị nhân sự để đảm bảo duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao với độ linh hoạt trong tổ chức, tối ưu hóa chi phí vận hành. Với từng giai đoạn phát triển, Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực sẽ lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng cụ thể và xây dựng đội ngũ dự bị. Các hoạt động đào tạo được triển khai cho CBCNV trước khi đưa vào sản xuất kinh doanh và trong quá trình công tác để không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự. APH hướng đến phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, thân thiện với CBCNV, xây dựng cơ chế lương thưởng, phúc lợi tốt để đảm bảo sự gắn bó lâu dài của CBCNV.

Rủi ro về môi trường

Với đặc thù sản xuất và kinh doanh của ngành nhựa, biến động giá nguyên vật liệu có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm, đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu chất lượng với giá cả cạnh tranh cũng đặt ra những bài toán cần tính toán. Để hạn chế những rủi ro từ giá nguyên vật liệu, Tập đoàn theo dõi thường xuyên thị trường nguyên vật liệu, đồng thời phòng Nghiên cứu thị trường sẽ tiến hành phân tích và dự báo trước những biến động lớn của thị trường, từ đó Trung tâm mua sắm xây dựng kế hoạch mua hàng phù hợp. Đồng thời, Tập đoàn áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt, quản lý hiệu quả tồn kho nguyên vật liệu, có thể điều chỉnh giá bán thành phẩm theo biến động giá nguyên vật liệu. Ban Phát triển chuỗi cung ứng có chức năng tìm kiếm, phát triển mạng lưới nhà cung cấp để đảm bảo nguồn cung, chất lượng và giá cả cạnh tranh của nguyên vật liệu đầu vào.

Rủi ro về môi trường

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh do nước thải, chất thải từ quá trình vận hành sản xuất và sinh hoạt. Để hạn chế rủi ro này, Tập đoàn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường, đồng thời xây dựng và áp dụng quy trình, hệ thống tiên tiến để quản lý các rủi ro về môi trường. Trước khi triển khai dự án đầu tư mới, các đánh giá về tác động môi trường được thực hiện bởi các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, một trong những mục tiêu của hoạt động cải tiến sản xuất tại Tập đoàn đó là giảm tiêu hao nguyên vật liệu và năng lượng, giúp Tập đoàn không chỉ tăng cường hiệu quả của các hoạt động sản xuất kinh doanh, mà còn hạn chế tối đa tác động đến môi trường.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa và xuất bản phần mềm.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch thường trực Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023 Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 5 tháng 2 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2023
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên	
Ông Lim Heon Young	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiểm Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và đến ngày 26 tháng 1 năm 2023 là Ông Đinh Xuân Cường và từ ngày 27 tháng 1 năm 2023 đến ngày lập báo cáo là ông Phạm Đỗ Huy Cường.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.



Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc:

Phạm Đỗ Huy Cường

Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 82, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Trịnh Hoàng Anh

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Văn Huy

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5592-2020-004-1

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.461.141.451.648	7.137.167.042.026
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.504.566.161.779	2.004.003.607.480
111	1. Tiền	5	1.350.732.799.127	1.300.004.244.820
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.153.833.362.652	703.999.362.660
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.279.801.986.000	804.161.928.767
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	1.279.801.986.000	804.161.928.767
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.442.902.494.496	1.898.404.576.514
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	919.940.356.502	1.266.593.344.112
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	367.833.850.021	298.000.126.982
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	21.876.744.806	140.895.600.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	163.429.207.443	212.101.746.786
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(30.177.664.276)	(19.186.241.366)
140	IV. Hàng tồn kho	11	1.012.787.360.648	2.154.955.980.562
141	1. Hàng tồn kho		1.017.162.035.056	2.230.567.765.262
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.374.674.408)	(75.611.784.700)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		221.083.448.725	275.640.948.703
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	19	30.386.997.686	35.603.843.686
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		187.745.409.384	229.905.860.410
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		2.951.041.655	10.131.244.607

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.911.334.520.981	5.416.993.126.033
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.584.816.813	73.626.840.647
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7.1	-	50.167.619.216
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	3.621.150.000	940.160.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	9	22.563.666.813	22.519.061.431
	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	9	(5.600.000.000)	-
220	II. Tài sản cố định		2.814.399.477.125	2.922.613.214.878
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.588.418.152.112	2.712.428.371.434
222	Nguyên giá		4.863.137.173.835	4.617.621.005.661
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.274.719.021.723)	(1.905.192.634.227)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	68.631.827.666	123.223.969.040
225	Nguyên giá		79.377.928.130	157.990.121.655
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.746.100.464)	(34.766.152.615)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	157.349.497.347	86.960.874.404
228	Nguyên giá		191.813.461.989	114.657.173.805
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.463.964.642)	(27.696.299.401)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	1.306.668.401.953	496.182.060.759
231	1. Nguyên giá		1.456.305.908.609	598.817.548.145
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(149.637.506.656)	(102.635.487.386)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		298.454.303.329	821.996.674.576
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	298.454.303.329	821.996.674.576
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		232.491.376.638	253.423.698.876
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	18.1	232.491.376.638	223.423.698.876
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.2	-	30.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.238.736.145.123	849.150.636.297
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	939.879.803.847	481.006.695.444
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	36.4	17.825.305.749	11.800.686.859
269	3. Lợi thế thương mại	20	281.031.035.527	356.343.253.994
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.372.475.972.629	12.554.160.168.059

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.645.048.176.169	6.297.880.001.215
310	I. Nợ ngắn hạn		4.661.655.654.126	4.235.154.770.359
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	21.1	619.469.518.910	917.589.930.504
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.2	139.405.920.093	198.881.798.719
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	28.835.000.417	30.690.527.651
314	4. Phải trả người lao động		60.919.440.361	79.827.846.087
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	163.650.641.102	36.477.676.719
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	116.182.822.055	97.767.880.924
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	25	160.874.694.307	237.783.473.856
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26	3.356.436.604.945	2.600.336.352.196
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28	15.881.011.936	35.799.283.703
330	II. Nợ dài hạn	6	1.983.392.522.043	2.062.725.230.856
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	488.265.008
333	2. Chi phí phải trả dài hạn		-	7.317.780.823
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	1.498.211.375.163	157.369.765.181
337	4. Phải trả dài hạn khác	25	8.828.368.337	14.269.031.241
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	26	459.715.868.096	1.883.280.388.603
341	6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	36.4	12.438.709.938	-
342	7. Dự phòng phải trả dài hạn	27	4.198.200.509	-
MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.727.427.796.460	6.256.280.166.844
410	I. Vốn chủ sở hữu	29	5.727.427.796.460	6.256.280.166.844
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.438.842.680.000	2.511.991.480.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
411b	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	73.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		28.504.818.180	169.232.179.100
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		80.017.867.883	80.017.867.883
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		11.535.596.776	6.606.764.915
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		15.338.409.392	15.338.409.392
421	6. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(171.045.714.609)	73.420.306.452
421a	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước</i>		63.527.414.919	48.300.691.818
421b	<i>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>		(234.573.129.528)	25.119.614.634
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		3.324.234.138.838	3.399.673.159.102
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.372.475.972.629	12.554.160.168.059

Hồ Thị Hòa
Người lập kế toán trưởng
Hải Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	14.530.290.338.324	17.354.978.265.243
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	30.1	(8.354.251.448)	(28.363.692.619)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	14.521.936.086.876	17.326.614.572.624
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	31	(13.095.883.733.741)	50.167.619.216
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.426.052.353.135	1.517.800.117.797
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30.2	272.030.107.716	292.356.437.883
22	7. Chi phí tài chính	32	(333.061.379.491)	(379.406.076.463)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>		<i>(287.951.772.799)</i>	<i>(278.824.375.891)</i>
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	18.1	16.295.858.757	5.586.752.452
25	9. Chi phí bán hàng	33	(600.039.044.890)	(849.701.030.270)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	(476.006.882.373)	(427.331.983.950)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		305.271.012.854	159.304.217.449
31	12. Thu nhập khác	34	21.488.604.852	12.113.473.390
32	13. Chi phí khác	34	(11.741.682.279)	(14.257.951.971)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác		9.746.922.573	(2.144.478.581)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		315.017.935.427	157.159.738.868
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.1	(101.939.382.276)	(105.112.007.618)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	36.4	6.204.325.224	5.362.388.729
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		219.282.878.375	57.410.119.979
61	19. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ	15	34.653.893.039	(19.476.217.687)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		184.628.985.336	76.886.337.666
70	21. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	38	140	(144)
71	22. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	38	140	(144)

Hồ Thị Hòa
Người lập kế toán trưởng
Hải Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		315.017.935.427	157.159.738.868
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư, hao mòn tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại, và phân bổ chi phí thuê đất trả trước dài hạn		489.582.892.895	477.662.915.343
03	(Hoàn nhập)/các khoản dự phòng		(54.645.687.382)	81.759.551.843
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(13.780.803.726)	(5.786.724.214)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(211.309.291.193)	(154.282.678.705)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	32	299.819.925.236	290.475.921.343
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		824.684.971.257	846.988.724.478
09	Giảm các khoản phải thu		590.174.395.650	314.016.877.441
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		1.034.208.361.145	(878.063.210.698)
11	Tăng các khoản phải trả		785.973.365.298	418.693.053.336
12	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		(32.245.221.625)	46.655.517.800
14	Tiền lãi vay đã trả		(288.747.716.638)	(286.235.075.817)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(98.238.508.575)	(151.605.403.917)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	28	(39.261.037.638)	(57.692.817.032)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.776.548.608.874	252.757.665.591
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(686.118.735.269)	(281.437.263.949)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		11.334.351.248	6.700.600.734
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.555.239.716.444)	(1.659.299.408.767)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		2.225.937.524.405	1.375.813.708.400
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, trừ đi tiền thu về		(754.141.600.000)	(450.381.556.659)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		243.351.083.504	148.939.787.059
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		169.392.615.269	126.392.290.682
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.345.484.477.287)	(733.271.842.500)

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	764.158.784.242
32	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(213.876.160.920)	-
33	Tiền thu từ đi vay		7.465.207.404.505	8.942.216.152.156
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.147.768.644.932)	(9.390.578.101.991)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(36.099.257.738)	(23.924.713.312)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.515.725.259)	(5.958.314.707)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(943.052.384.344)	285.913.806.388
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		488.011.747.243	(194.600.370.521)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.004.003.607.480	2.177.384.953.432
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		12.550.807.056	21.219.024.569
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	2.504.566.161.779	2.004.003.607.480

Hồ Thị Hòa
Người lập kiêm Kế toán trưởng
Hải Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa và xuất bản phần mềm.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp cho đến thời điểm hoàn thành và bàn giao cho khách hàng, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Tập đoàn có thể kéo dài trên 12 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động thông thường khác là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.069 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4.712 người).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 17 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 16 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50,17	50,17	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	27,52	54,85	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46,68	93,04	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	47,51	99,997	Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	27,52	100	Kinh doanh hạt nhựa

6	Công ty Cổ phần An Thành Bicol (“Công ty An Thành”)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	38,46	99,69	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	27,25	99	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và viễn dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	50,15	99,95	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
9	Công ty An Phát International, Inc. (“Công ty APA”)	Tòa nhà văn phòng 10701, Dãy 268, thành phố Stafford, bang Texas 77477, Mỹ	50,17	99,999	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC (“Công ty AFC”)	PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ	37,63	75	Kinh doanh hạt nhựa
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty Nhựa Hà Nội”)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	44,6	68,24	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
12	Công ty TNHH An Trung Industries (“Công ty An Trung”)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	44,6	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (“Công ty VIEXIM”)	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	44,6	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (“Công ty VMC”)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	44,6	100	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	42,33	94,88	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (“Công ty PBAT”)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	37,33	94,02	Sản xuất sản phẩm từ plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
17	Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics (“Công ty Ankor”)	216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc	19,04	51	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, nhựa phân hủy

(*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

2.3 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con và giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản khu công nghiệp được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa bất động sản đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, cụ thể như sau:

- Chi phí đấu giá quyền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, chi phí quản lý xây dựng chung, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp tính theo giá đích danh.

Hàng tồn kho liên quan đến các sản phẩm nhựa

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho khác với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư và tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.8 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	5 - 30 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 49 năm

3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 47 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 năm
Tài sản khác	6 - 25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Đối với các bất động sản đầu tư cho thuê dài hạn có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ mà doanh thu được ghi nhận một lần cho toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước như được trình bày tại Thuyết minh số 3.18, khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư này được ghi nhận toàn bộ một lần cùng thời điểm ghi nhận doanh thu.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Quyền sử dụng đất tương ứng với các lô đất cho thuê hoặc sử dụng;
- Chi phí trả trước về thuê đất và thuê cơ sở hạ tầng;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất của Tập đoàn. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Các hợp đồng thuê đất trả trước của Tập đoàn bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất của Công ty ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào ngày 11 tháng 3 năm 2022 trong thời hạn 45 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty An Thành được cấp bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương và hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Lê Việt vào năm 2018 trong thời hạn 37 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty An Vinh được cấp bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào năm 2019 trong thời hạn 37,5 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty An Phát Complex được cấp bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào năm 2007 trong thời hạn 50 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty An Phát Complex 1 được cấp bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào năm 2022 trong thời hạn 50 năm; và
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty PBAT được cấp bởi Ban Quản lý Khu công nghiệp Nam Đình Vũ và hợp đồng thuê đất ký với Sao Đỏ Investment Group vào năm 2022 trong thời hạn 38 năm.
- Hợp đồng thuê đất giữa Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội vào năm 2010 trong thời hạn 45 năm và với Ban Quản lý Khu Công nghiệp Công nghệ cao An Phát vào năm 2019 trong thời hạn 38 năm.

3.12 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thể thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thể thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Trong trường hợp Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm mua, Tập đoàn xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là giao dịch hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thể thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận. Phần lợi ích cổ đông không kiểm soát cũng được ghi nhận cho

giá trị của các tài sản, nợ phải trả được mua. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Tập đoàn.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn và giao dịch mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn không đánh giá lại khoản đầu tư trước đây mà tiến hành phân bổ giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và giá phí mua vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả tại ngày mua.

Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát

Khi Tập đoàn mua thêm lợi ích trong công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần lợi ích mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi Tập đoàn chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần lợi ích đã chuyển nhượng được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3.13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp Tập đoàn tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết, khi đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư của công ty liên kết được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty dùng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn/Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.17 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

(i) *Doanh thu cho thuê bất động sản trong trường hợp Tập đoàn thuê đất từ Nhà nước theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê*

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ và thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tập đoàn ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Tập đoàn ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản còn lại:

- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(ii) *Doanh thu cho thuê bất động sản trong trường hợp Tập đoàn thuê đất từ Nhà nước theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm*

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ, Nhóm Công ty ghi nhận doanh thu theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(iii) *Doanh thu cho thuê các tài sản khác*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.19 THUẾ

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 LÃI/LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Tập đoàn theo khu vực địa lý của việc bán hàng và dựa trên hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.22 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình một thiết của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 HỢP NHẤT KINH DOANH CÔNG TY ANKOR

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty PBAT, công ty con của Tập đoàn, đã hoàn thành mua 86.982 cổ phiếu của Công ty Ankor, tương ứng với tỷ lệ lợi ích là 47%, với tổng giá phí là 60,9 tỷ VND từ một đối tác doanh nghiệp. Cũng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, đối tác này cũng đã ủy quyền cho Công ty PBAT để thực hiện tất cả các quyền cổ đông của 6.691 cổ phần khác của Công ty Ankor, tương ứng với 4% quyền biểu quyết tại Công ty này. Theo đó, Công ty PBAT nắm tổng tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Ankor là 51% và Công ty Ankor trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Ankor được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn số 141211 - 0063473 được cấp lần đầu vào 17 tháng 12 năm 2012 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất vào ngày 24 tháng 7 năm 2023. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và phát triển các sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn, đồng thời triển khai trung tâm nghiên cứu và phát triển của Công ty An Phát trong lĩnh vực nguyên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường. Công ty này có trụ sở chính tại 216, Munmakgongdangil, Munmak-eup, thành phố Wonju, Gangwon-Do, Hàn Quốc.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của công ty Ankor được xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 ("Ngày mua") như sau:

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý tại Ngày mua

Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.835.815.727
Các khoản phải thu ngắn hạn	22.403.446.064
Hàng tồn kho	20.182.487.004
Các tài sản ngắn hạn khác	101.744.592
Các khoản phải thu dài hạn	1.471.491.365
Tài sản cố định hữu hình	98.389.410.817
Tài sản cố định vô hình	72.798.386.525
Tài sản dài hạn khác	2.156.800.398
	221.339.582.492
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	37.157.838.429
Người mua trả tiền trước hạn	21.676.338.827
Phải trả ngắn hạn khác	4.840.031.643
Vay và nợ ngắn hạn	26.255.179.260
Vay và nợ dài hạn	20.577.617.329
Dự phòng phải trả ngắn hạn	5.204.350.090
Phải trả người bán dài hạn	73.081.211.815
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	12.401.731.962
	201.194.299.355
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	20.145.283.137
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (<i>Thuyết minh số 29</i>)	20.257.035.843
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 20</i>)	20.580.681.020
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	60.983.000.000
Trong đó:	
- Giá phí hợp nhất của cổ đông không kiểm soát	36.585.578.933
- Giá phí hợp nhất của cổ đông Công ty mẹ	24.397.421.067
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	3.835.809.645
Tiền chi để mua công ty con	(60.983.000.000)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(57.147.190.355)

Doanh thu và lỗ trước thuế của Công ty Ankor từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 (ngày mua) tương ứng là 61,4 tỷ VND và 13,1 tỷ VND.

Sau đó, vào ngày 15 tháng 8 năm 2023, Công ty PBAT, đã hoàn thành việc mua thêm 6.691 cổ phiếu của Công ty Ankor, qua đó, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con này lên 51%.

4.2 CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN TRONG CÔNG TY AN PHÁT XANH, CÔNG TY CON HIỆN HỮU

Trong tháng 6 năm 2023, Công ty đã chuyển nhượng 10.000.000 cổ phần Công ty Nhựa An Phát Xanh (thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh), tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 2,62% với tổng giá phí là 116,1 tỷ VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh là 50,2%. Khoản chênh lệch 28,5 tỷ VND giữa giá phí nhận chuyển nhượng và phần sở hữu mất đi trong tài sản thuần của Công ty Nhựa An Phát Xanh và các công ty con, được ghi nhận vào chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối.

4.3 MUA THÊM CỔ PHẦN CÔNG TY AN PHÁT COMPLEX 1, CÔNG TY CON HIỆN HỮU

Trong tháng 11 năm 2023, Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty An Phát Complex đã hoàn thành mua 18.375.000 cổ phiếu của công ty An Phát Complex 1, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 49% trong công ty này, với tổng giá phí là 603,3 tỷ VND từ một đối tác doanh nghiệp. Sau giao dịch này, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty An Phát Complex 1 là 47,51%. Khoản chênh lệch 218,6 tỷ VND giữa giá phí chuyển nhượng và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của Công ty An Phát Complex 1, được ghi nhận vào chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.300.744.832	3.184.540.583
Tiền gửi ngân hàng	1.349.432.054.295	1.295.103.095.883
Tiền đang chuyển	-	1.716.608.354
Các khoản tương đương tiền	1.153.833.362.652	703.999.362.660
TỔNG CỘNG	2.504.566.161.779	2.004.003.607.480

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bằng VND và USD có kỳ hạn từ 7 ngày đến 3 tháng với mức lãi suất từ 0,5%/năm đến 7,1%/năm với tiền gửi bằng VND và 0% với tiền gửi bằng USD (ngày 31 tháng 12 năm 2022: tiền gửi có kỳ hạn từ 4 ngày đến 3 tháng và lãi suất từ 4,3%/năm đến 6,9%/năm với tiền gửi bằng VND và 0% với tiền gửi bằng USD).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi với tổng giá trị là 137,6 tỷ VND đang được thế chấp cho một số khoản vay với một ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

Công ty cũng có một khoản tiền thanh toán bị phong tỏa với tổng giá trị là 1,5 triệu USD (tương đương với số tiền là 36,12 tỷ VND theo tỷ giá quy đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023) đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty APA với một ngân hàng thương mại.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.279.801.986.000	1.279.801.986.000	350.661.928.767	350.661.928.767
Trái phiếu được cam kết mua lại (ii)	-	-	453.500.000.000	453.500.000.000
TỔNG CỘNG	1.279.801.986.000	1.279.801.986.000	804.161.928.767	804.161.928.767

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính có thời hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 9,5%/năm với tiền gửi bằng VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4%/năm đến 9,5%/năm).

(ii) Trong tháng 8 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc bán lại trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS theo các hợp đồng mua bán trái phiếu tương ứng.

Một số tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với giá trị 109 tỷ VND đã được thế chấp cho một số khoản vay ngân hàng của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh hạt nhựa, bao bì, phụ gia và nhựa kỹ thuật	879.364.442.495	1.148.635.133.750
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (*)	-	89.040.000.000
Phải thu từ cho thuê đất, hạ tầng khu công nghiệp và bán nhà xưởng	1.241.804.469	2.195.556.079
Phải thu từ cung cấp dịch vụ và khác	39.334.109.538	26.722.654.283
TỔNG CỘNG	919.940.356.502	1.266.593.344.112
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.494.466.485)	(19.186.241.366)
Trong đó:		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	913.873.926.462	1.206.670.203.489
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	6.066.430.040	59.923.140.623
Dài hạn		
Phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh hạt nhựa, bao bì, phụ gia và nhựa kỹ thuật	-	50.167.619.216
TỔNG CỘNG	-	50.167.619.216
Trong đó:		
<i>Phải thu dài hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	-	50.167.619.216

(*) Số dư đầu năm là khoản phải thu Công ty Actis Aiken liên quan đến giao dịch chuyển nhượng cổ phần một công ty con trước đây. Trong tháng 11 năm 2023, Công ty Actis Aiken đã thanh toán cho Tập đoàn số tiền này.

Một số khoản phải thu của Tập đoàn với được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

7.2 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước chi phí xây dựng, mua nguyên vật liệu, máy móc thiết bị	367.833.850.021	277.184.191.196
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	879.364.442.495	1.148.635.133.750
	-	20.815.935.786
TỔNG CỘNG	367.833.850.021	298.000.126.982
Dự phòng trả trước khó đòi	-	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay các đối tác doanh nghiệp (*)	21.876.744.806	106.482.160.000
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	-	32.113.440.000
Cho vay đối tác cá nhân	-	2.300.000.000
TỔNG CỘNG	21.876.744.806	140.895.600.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Dài hạn		
Cho vay các đối tác doanh nghiệp	3.621.150.000	940.160.000
TỔNG CỘNG	3.621.150.000	940.160.000

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay các đối tác doanh nghiệp và cá nhân không phải là bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Tài sản đảm bảo
Ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Xây Lắp ANI	18.459.200.000		6,5 - 7,5%	Gốc vay đáo hạn từ tháng 1 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024. Lãi vay thu hồi cùng gốc.	Tín chấp
Stafford Logistics Group LLC	3.417.544.806	141.566	10%	Gốc vay đáo hạn vào tháng 1 năm 2024 đến tháng 5 năm 2024. Lãi vay thu hồi cùng gốc.	Phương tiện vận tải gồm có 4 xe Chasis của Stafford
TỔNG CỘNG	21.876.744.806				
Dài hạn					
Longevity Investment LLC	3.621.150.000	150.000	8% - 12%	Gốc vay đáo hạn vào ngày 27 tháng 9 năm 2028. Lãi vay thanh toán hàng năm.	Cổ phần của AFC Ecoplastics, LLC thuộc sở hữu của bên đi vay, tương đương mệnh giá 300.000 USD
TỔNG CỘNG	3.621.150.000				

9. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lãi cho vay, tiền gửi	79.994.184.879	53.009.689.420
Tạm ứng cho nhân viên	51.415.327.546	66.240.880.514
Ký cược, ký quỹ	11.330.532.860	40.106.640.834
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	4.230.412.603	17.329.788.153
Phải thu khác	16.458.749.555	35.414.747.865
TỔNG CỘNG	163.429.207.443	212.101.746.786
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn	(3.683.197.791)	(6.630.412.603)
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác	147.822.372.336	180.671.077.082
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	15.606.835.107	31.430.669.704
Dài hạn		
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	12.699.375.550	-
Ký cược, ký quỹ	7.566.660.596	8.305.168.431
Phải thu khác	2.297.630.667	14.213.893.000
TỔNG CỘNG	22.563.666.813	22.519.061.431
Dự phòng phải thu khác dài hạn	(5.600.000.000)	-

(i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ký trong tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương ("Công ty Hoàng Phương") và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yến, Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành. Trong tháng 1 năm 2021, Công ty và Công ty Hoàng Phương đã ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, theo đó, Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ vốn góp thuộc sở hữu của Công ty theo Hợp đồng Hợp tác nêu trên cho Công ty Hoàng Phương với giá trị chuyển nhượng là 15.600.000.000 VND.

Khoản phải thu nêu trên bao gồm phí chuyển nhượng và lãi phải thu. Theo Biên bản làm việc ký trong tháng 8 năm 2023, Công ty và Công ty Hoàng Phương đã cùng nhau thống nhất tiến độ thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp. Theo đó, Công ty Hoàng Phương sẽ thanh toán hàng tháng cho Công ty một số tiền từ 100.000.000 VND đến 500.000.000 VND bắt đầu từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 4 năm 2027.

10. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương	16.599.375.550	8.499.375.550	16.999.375.550	10.699.375.550
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Phúc Hưng	8.338.103.600	-	8.338.103.600	-
Industrial Oriente de Polimeros Ltd	10.347.132.110	-	-	-
Khác	12.431.481.320	3.439.052.754	4.683.282.613	135.144.847
TỔNG CỘNG	47.716.092.580	11.938.428.304	30.020.761.763	10.834.520.397

11. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tồn kho liên quan đến hoạt động sản xuất sản phẩm nhựa				
Nguyên liệu, vật liệu	420.302.852.340	-	763.791.266.044	-
Hàng hóa	106.191.726.615	(1.709.929.696)	716.476.679.078	(70.380.422.640)
Thành phẩm	201.415.377.265	(2.664.744.712)	171.641.624.995	(5.231.362.060)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.577.106.190	-	250.287.832.135	-
Hàng mua đang đi đường	121.942.255.766	-	121.545.457.016	-
Công cụ, dụng cụ	37.327.191.882	-	70.237.572.370	-
Hàng gửi bán	60.896.763.723	-	126.828.572.343	-
Hàng tồn kho bất động sản				
Hạ tầng các khu công nghiệp	13.508.761.275	-	9.758.761.281	-
TỔNG CỘNG	1.017.162.035.056	(4.374.674.408)	2.230.567.765.262	(75.611.784.700)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	75.611.784.700	3.438.355.243
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	1.375.956.062	73.434.492.753
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(72.613.066.354)	(1.261.063.296)
Số cuối năm	4.374.674.408	75.611.784.700

Một số hàng tồn kho với giá trị khoảng 315,6 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	1.450.598.596.428	2.748.949.695.379	338.284.081.420	21.871.174.371	19.461.000.000	38.456.458.063	4.617.621.005.661
Mua trong năm	142.387.273	37.622.765.493	19.244.353.096	745.914.137	2.552.880.000	733.268.182	61.041.568.181
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.984.704.550	10.017.353.816	-	-	-	-	22.002.058.366
Phân loại từ thuế tài chính	-	92.485.591.673	-	-	-	-	92.485.591.673
Tăng từ mua công ty con	19.886.245.572	78.503.165.245	-	-	-	-	98.389.410.817
Thanh lý, nhượng bán	-	(15.071.045.426)	(15.175.191.251)	(69.550.000)	-	(1.782.933.156)	(32.098.719.833)
Thay đổi khác	1.238.074.171	2.922.602.665	240.761.296	28.089.020	-	-	3.696.258.970
Số cuối năm	1.483.850.007.994	2.955.430.128.845	342.594.004.561	22.575.627.528	22.013.880.000	36.673.524.907	4.863.137.173.835
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	53.454.321.233	463.079.848.187	58.939.058.234	6.488.281.100	2.466.500.000	5.125.258.842	589.553.267.596
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	297.024.938.674	1.363.849.467.342	199.365.514.960	13.613.050.900	9.371.667.700	21.967.994.651	1.905.192.634.227
Khấu hao trong năm	63.527.038.647	251.091.594.453	34.202.296.428	2.891.619.513	1.224.655.471	3.547.391.148	356.484.595.660
Thanh lý, nhượng bán	-	(13.597.013.496)	(11.124.900.562)	(49.051.596)	-	(1.261.881.886)	(26.032.847.540)
Phân loại từ thuế tài chính	-	37.266.372.177	-	-	-	-	37.266.372.177
Khác	135.744.114	1.655.826.872	79.365.183	17.532.235	-	(80.201.205)	1.808.267.199
Số cuối năm	360.687.721.435	1.640.266.247.348	222.522.276.009	16.473.151.052	10.596.323.171	24.173.302.708	2.274.719.021.723
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	1.153.573.657.754	1.385.100.228.037	138.918.566.460	8.258.123.471	10.089.332.300	16.488.463.412	2.712.428.371.434
Số cuối năm	1.123.162.286.559	1.315.163.881.497	120.071.728.552	6.102.476.476	11.417.556.829	12.500.222.199	2.588.418.152.112

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại khoảng 2.007,3 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị sản xuất	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	157.090.121.655	900.000.000	157.990.121.655
Thuê trong năm	13.990.898.148	-	13.990.898.148
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	(117.500.000)	-	(117.500.000)
Phân loại sang TSCĐ hữu hình	(92.485.591.673)	-	(92.485.591.673)
Số cuối năm	78.477.928.130	900.000.000	79.377.928.130
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	34.657.535.948	108.616.667	34.766.152.615
Khấu hao trong năm	13.157.162.320	90.000.000	13.247.162.320
Phân loại sang TSCĐ hữu hình	(37.267.214.471)	-	(37.267.214.471)
Số cuối năm	10.547.483.797	198.616.667	10.746.100.464
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	122.432.585.707	791.383.333	123.223.969.040
Số cuối năm	67.930.444.333	701.383.333	68.631.827.666

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	95.735.115.761	16.328.840.291	2.593.217.753	114.657.173.805
Mua trong năm	-	898.160.852	-	898.160.852
Tặng do mua công ty con	37.160.088.652	-	35.638.297.749	72.798.386.401
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất	1.698.203.177	-	1.761.537.630	3.459.740.807
Số cuối năm	134.593.407.590	17.227.001.143	39.993.053.256	191.813.461.989
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	21.074.738.883	6.575.221.499	46.339.019	27.696.299.401
Hao mòn trong năm	2.857.844.184	2.457.797.706	1.252.349.760	6.567.991.650
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất	-	-	199.673.591	199.673.591
Số cuối năm	23.932.583.067	9.033.019.205	1.498.362.370	34.463.964.642
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	74.660.376.878	9.753.618.792	2.546.878.734	86.960.874.404
Số cuối năm	110.660.824.523	8.193.981.938	38.494.690.886	157.349.497.347

Một số tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại khoảng 70,1 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	493.376.993.986	81.654.273.258	2.851.715.129	20.934.565.772	598.817.548.145
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	852.789.638.772	1.490.491.123	-	-	854.280.129.895
Phân loại lại	2.851.715.129	2.474.962.387	(2.851.715.129)	733.268.182	3.208.230.569
Số cuối năm	1.349.018.347.887	85.619.726.768	-	21.667.833.954	1.456.305.908.609
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	63.617.191.861	29.198.507.034	1.653.952.196	8.165.836.295	102.635.487.386
Khấu hao trong năm	33.190.808.342	10.768.183.339	-	2.624.554.392	46.583.546.073
Phân loại lại	1.653.952.196	338.271.992	(1.653.952.196)	80.201.205	418.473.197
Số cuối năm	98.461.952.399	40.304.962.365	-	10.870.591.892	149.637.506.656
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	429.759.802.125	52.455.766.224	1.197.762.933	12.768.729.477	496.182.060.759
Số cuối năm	1.250.556.395.488	45.314.764.403	-	10.797.242.062	1.306.668.401.953

(*) Chủ yếu là giá trị bất động sản đầu tư thuộc Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex 1 đã được nghiệm thu và hoàn thành trong năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Một số bất động sản đầu tư với giá trị còn lại khoảng 181,4 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy sản xuất chất dẻo phân hủy sinh học PBAT (i)	115.948.571.103	111.196.782.535
Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex 1 (ii)	83.291.425.410	609.949.587.500
Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex (iii)	75.341.521.353	76.457.555.635
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	23.872.785.463	24.392.748.906
TỔNG CỘNG	298.454.303.329	821.996.674.576

(i) Bao gồm chi phí lập hồ sơ thiết kế tổng thể dự án, thiết kế bản quyền công nghệ, chi phí khấu hao tài sản cố định và các chi phí khác liên quan của dự án nhà máy PBAT;

(ii) Bao gồm chi phí xây dựng hạ tầng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu được vốn hóa và các chi phí khác liên quan của Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex 1;

(iii) Bao gồm chi phí đấu giá quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà xưởng, chi phí mua sắm máy móc, thiết bị và các chi phí khác liên quan một số lô đất và tài sản gắn liền trên đất phục vụ mục đích cho thuê hoạt động thuộc Dự án Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát.

Một số khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị là 74,4 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

17. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 15,1 tỷ VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 16,8 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan trực tiếp đến các khoản vay để đầu tư xây dựng cơ bản dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex, Khu Công nghiệp An Phát Complex 1.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
		Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Công ty Nhựa Bao bì Vinh (**)	18.1	96.231.993.460	-	57.493.018.000	-	64.026.315.500
Công ty Cổ phần Giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt ("Công ty Nam Việt")		53.515.560.383	-	(*)		(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát ("Công ty Suất ăn An Phát")		46.685.632.808	-	(*)		(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise")		28.478.189.987	-	(*)		(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông ("Công ty An Đông")		6.600.000.000	-	(*)		(*)
Công ty Cổ phần ANCOP ("Công ty ANCOP")		980.000.000	-	(*)		(*)
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	18.2	-	-		30.000.000.000	(*)
TỔNG CỘNG		232.491.376.638	-		253.423.698.876	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đang trong quá trình thu thập các dữ liệu cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư và trái phiếu này.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán giao dịch: VBC) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch tại các ngày cuối kỳ kế toán trên sàn chứng khoán HNX. Các khoản đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó Tập đoàn không trích lập dự phòng.

18.1. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Hoạt động chính
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	17,48	34,84	18,39	34,84	Sản xuất, mua bán bao bì và các sản phẩm nhựa khác
Công ty ANCOP	22,62	49		49	Cung cấp, phân phối nước cho khu công nghiệp
Công ty Sunrise	23,80		15,86	48	Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
Công ty An Đông	49		5,38	30	Kinh doanh xăng, dầu
Công ty Suất ăn An Phát		46,13	-	-	Dịch vụ ăn uống
Công ty Nam Việt	18,46		-	-	Xuất bản phần mềm

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Số đầu năm	Đầu tư thêm trong năm	Phân chia lãi từ các công ty liên kết, liên doanh sau ngày mua	Cổ tức được chia	Công ty liên kết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	Giảm khoản đầu tư (*)	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND	
								Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên kết									
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	96.028.120.591	-	9.703.053.864	(4.703.974.200)	(4.795.206.795)	-	96.231.993.460		
Công ty Ancop	980.000.000	-	-	-	-	-	980.000.000		
Công ty Sunrise	24.323.098.833	-	4.155.091.154	-	-	-	28.478.189.987		
Công ty An Đông	6.600.000.000	-	-	-	-	-	6.600.000.000		
Công ty Suất ăn An Phát	41.100.000.000	15.000.000.000	2.285.632.808	-	-	(11.700.000.000)	46.685.632.808		
Công ty Nam Việt	54.392.479.452	-	152.080.931	(1.029.000.000)	-	-	53.515.560.383		
TỔNG CỘNG	223.423.698.876	15.000.000.000	16.295.858.757	(5.732.974.200)	(4.795.206.795)	(11.700.000.000)	232.491.376.638		

(*) Trong tháng 11 năm 2023, Công ty An Tín, công ty con của Công ty, đã chuyển nhượng cổ phần với giá trị 11,7 tỷ VND, tương ứng với 7,8% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Suất ăn An Phát cho các đối tác.

18.2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.511.977.665	17.327.157.991
Chi phí bảo hộ lao động	2.409.201.294	7.470.570.301
Chi phí trả trước khác	8.465.818.727	10.806.115.394
TỔNG CỘNG	30.386.997.686	35.603.843.686
Dài hạn		
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	794.337.872.762	398.224.730.496
Tiền thuê đất trả trước	44.337.964.472	19.040.065.960
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	39.907.570.781	35.985.993.477
Chi phí hoa hồng	37.867.091.974	-
Chi phí nâng cấp văn phòng	6.234.657.686	5.660.202.319
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.194.646.172	22.095.703.192
TỔNG CỘNG	939.879.803.847	481.006.695.444

(*) Đây là quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty An Phát Complex 1, Công ty An Cường và Công ty An Trung được cấp bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào năm 2022 trong thời hạn 50 năm.

Một số quyền sử dụng đất với giá trị sổ sách khoảng 250,2 tỷ VND đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Phát Xanh	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Nhựa Hà Nội	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Ankor	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty APA	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty An Vinh	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	201.839.250.846	396.134.554.624	-	13.197.669.510	8.031.966.204	619.203.441.184
Tăng trong năm	-	-	20.580.681.020	-	-	20.580.681.020
Giảm tỷ lệ sở hữu ở công ty con	(3.864.710.376)	(33.462.808.871)	-	-	-	(37.327.519.247)
Số cuối năm	197.974.540.470	362.671.745.753	20.580.681.020	13.197.669.510	8.031.966.204	602.456.602.957
Phân bổ lũy kế:						
Số đầu năm	114.106.144.362	144.436.459.116	-	2.309.592.161	2.007.991.551	262.860.187.190
Phân bổ trong năm	19.013.157.089	36.400.225.530	1.029.034.050	1.319.766.951	803.196.620	58.565.380.240
Số cuối năm	133.119.301.451	180.836.684.646	1.029.034.050	3.629.359.112	2.811.188.171	321.425.567.430
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	87.733.106.484	251.698.095.508	-	10.888.077.349	6.023.974.653	356.343.253.994
Số cuối năm	64.855.239.019	181.835.061.107	19.551.646.970	9.568.310.398	5.220.778.033	281.031.035.527

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

21.1 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ	Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn		
Công ty Gulf Polymers Distribution	117.515.953.764	51.876.557.926
Công ty Ivict Pte.Ltd	-	126.872.443.256
Các đối tượng khác	488.847.637.622	703.086.078.864
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	13.105.927.524	35.754.850.458
TỔNG CỘNG	619.469.518.910	917.589.930.504

21.2 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	984.741.970	1.143.374.810
Trả trước tiền mua sản phẩm nhựa và bao bì	138.421.178.123	197.738.423.909
TỔNG CỘNG	139.405.920.093	198.881.798.719
Trong đó:		
Trả trước từ các bên khác	136.971.680.987	198.881.798.719
Trả trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	2.434.239.106	-

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.321.766.381	220.942.265.600	(222.819.518.311)	2.444.513.670
Thuế xuất nhập khẩu	-	9.905.021.708	(9.756.340.324)	148.681.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.554.539.141	94.717.064.749	(98.238.508.575)	21.033.095.315
Thuế thu nhập cá nhân	1.754.765.889	10.151.811.979	(10.905.540.315)	1.001.037.553
Thuế, phí khác	59.456.240	77.511.932.257	(73.363.716.002)	4.207.672.495
TỔNG CỘNG	30.690.527.651	413.228.096.293	(415.083.623.527)	28.835.000.417

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí xây dựng trích trước	77.766.835.507	5.018.340.575
Chi phí phải trả khác	59.044.445.928	3.824.032.638
Chi phí lãi vay phải trả	26.839.359.667	27.635.303.506
TỔNG CỘNG	163.650.641.102	36.477.676.719
Trong đó:		
Chi phí phải trả từ các bên khác	163.650.641.102	36.477.676.719
Chi phí phải trả từ các bên liên quan	-	-

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê bất động sản, nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác nhận trước (*)	116.182.822.055	97.767.880.924
TỔNG CỘNG	116.182.822.055	97.767.880.924
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê bất động sản, nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác nhận trước (*)	1.498.211.375.163	156.621.596.529
Doanh thu khác	-	748.168.652
TỔNG CỘNG	1.498.211.375.163	157.369.765.181

25. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhận đặt cọc thuê đất, hạ tầng và nhà xưởng trong khu công nghiệp An Phát Complex 1	139.474.509.266	189.296.022.886
Phải trả liên quan đến thư tín dụng trả chậm - L/C (*)	12.833.754.060	34.947.126.575
Cổ tức phải trả	172.686.443	1.007.126.209
Các khoản phải trả khác	8.393.744.538	12.533.198.186
TỔNG CỘNG	160.874.694.307	237.783.473.856
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác	160.874.694.307	236.805.377.590
Phải trả khác ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 37)	-	978.096.266
Dài hạn		
Nhận đặt cọc thuê nhà xưởng và cơ sở hạ tầng	8.828.368.337	14.269.031.241
TỔNG CỘNG	8.828.368.337	14.269.031.241
Trong đó:		
Phải trả dài hạn khác	8.828.368.337	14.269.031.241
Phải trả dài hạn khác cho bên liên quan	-	-

(*) Đây là khoản thư tín dụng được mở tại một ngân hàng thương mại có thời hạn thanh toán muộn nhất trong tháng 1 năm 2024 với mức phí 7,16%/năm đến 7,4%/năm (31 tháng 12 năm 2022: 5,5%/năm đến 5,8%/năm).

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND	
					Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)
Ngắn hạn					Giảm	
Vay ngân hàng	26.1	2.149.521.579.828	7.680.642.929.762	(7.514.805.535.777)		2.315.358.973.813
Vay đối tượng khác	26.3	18.940.264.815	185.905.182.988	(202.673.756.279)		2.171.691.524
Vay dài hạn đến hạn trả	26.2	239.261.152.861	207.197.382.940	(215.864.843.873)		230.593.691.928
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	26.4	165.133.333.320	789.885.249.166	(166.000.000.000)		789.018.582.486
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	26.5	25.480.021.372	24.912.210.469	(33.872.151.553)		16.520.080.288
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 35)	37	2.000.000.000	12.773.584.906	(12.000.000.000)		2.773.584.906
TỔNG CỘNG		2.600.336.352.196	8.901.316.540.231	(8.145.216.287.482)		3.356.436.604.945
Dài hạn						
Vay ngân hàng	26.2	765.966.901.258	15.666.813.394	(500.867.792.953)		280.765.921.699
Vay đối tượng khác		-	45.462.000.000	(45.462.000.000)		-
Vay bên liên quan		-	17.800.000.000	(17.800.000.000)		-
Trái phiếu phát hành	26.4	1.086.465.344.830	272.770.376.995	(1.196.744.538.430)		162.491.183.395
Nợ thuê tài chính	26.5	30.848.142.515	12.745.900.296	(27.135.279.809)		16.458.763.002
TỔNG CỘNG		1.883.280.388.603	364.445.090.685	(1.788.009.611.192)		459.715.868.096

26.1 CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	1.758.908.048.516		Thời hạn vay theo từng kế ước, từ 2 đến 8 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn vào tháng 11 năm 2024	2,6% - 10,5%	(*)
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	294.467.439.951	12.063.947 USD	Thời hạn vay theo từng kế ước, tối đa 6 tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn vào tháng 6 năm 2024	3,4% - 6,73%	(*)
	253.552.843.004	10.382.999 USD	Thời hạn vay theo từng kế ước vay, tối đa 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay đáo hạn vào tháng 6 năm 2024	4,17% - 4,9%	Tin chấp
Các khoản vay ngân hàng bằng KRW	8.430.642.336	267.601 KRW	Thời hạn vay theo từng kế ước. Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay đáo hạn vào tháng 6 năm 2024	4,2% - 5,0%	Tin chấp

TỔNG CỘNG 2.315.358.973.807

(*) Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thể chấp bằng:

- Một số hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, tiền kỳ quỹ tại các ngân hàng thương mại; tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ phương án cấp tín dụng của các ngân hàng thương mại, bao gồm vốn vay, LC do các ngân hàng thương mại phát hành, nghĩa vụ được các ngân hàng thương mại bảo lãnh;
- Hàng tồn kho luân chuyển tại các nhà máy và quyền đòi nợ/quyền phát sinh (bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, trả trước cho người bán và phải thu về cho vay) từ hợp đồng thương mại;
- Một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; một số phương tiện vận tải; máy móc thiết bị; nhà cửa vật kiến trúc, bất động sản và một số tài sản khác;
- Một số hợp đồng bảo lãnh từ bên thứ ba;
- Tài sản là cổ phiếu của một số công ty con sở hữu bởi Tập đoàn, một số cổ phiếu của Công ty và công ty con nắm giữ bởi bên thứ ba; và
- Tất cả tài sản của Công ty APA bao gồm và không giới hạn khoản phải thu, hàng tồn kho và các tài sản vô hình.

26.2 CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG DÀI HẠN

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (KRW)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/ năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	487.063.026.646		Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 5 năm. Lãi vay trả hàng tháng hoặc mỗi 6 tháng. Gốc vay đáo hạn từ tháng 6 năm 2024 đến tháng 7 năm 2028.	6,15% - 13,9%
Các khoản vay ngân hàng bằng KRW	24.296.586.981	966.000.000	Gốc vay và lãi vay đáo hạn lần cuối vào ngày 31 tháng 8 năm 2033. Gốc và lãi vay trả hàng tháng.	5,9% - 6,15%
TỔNG CỘNG	511.359.613.67			
Trong đó:				
Vay dài hạn	280.765.921.699			
Vay dài hạn đến hạn trả	230.593.691.928			

Các khoản vay này có tài sản đảm bảo được thể chấp bằng:

- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và một số tài sản khác;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và một số bất động sản; và
- Một số hợp đồng bảo lãnh từ bên thứ ba.

26.3 VAY TỪ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Số dư vay các đối tượng khác ngắn hạn cuối năm bao gồm:

- Khoản vay có giá trị 2.171.691.524 VND từ Công ty Vietpoint Capital, LLC không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn vào tháng 6 năm 2024 với lãi suất 10%/năm.

26.4 TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Trái chủ	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers	20.000.000.000	Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm. Thanh toán lãi 6 tháng 1 lần.	7,5%	Tài sản đảm bảo là một số cổ phần của Công ty sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	120.000.000.000	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm	8%	Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng cầm cố cổ phần liên quan. Cụ thể: Công ty và một số cổ đông khác của Công ty Nhựa An Phát Xanh đã cầm cố cổ phần đang lưu hành tại Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phần đang lưu hành tại Công ty An Tiến và Công ty Nhựa Hà Nội cho các bên nhận đảm bảo
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	150.000.000.000			
Ngân hàng Deagu - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	100.000.000.000	Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 4 năm 2024. Lãi trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành 9%/năm trong 2 năm đầu	11,67% (áp dụng cho năm 2023)	Tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty được sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp, một số cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu của Công ty Nhựa Hà Nội sở hữu bởi Công ty Phát Xanh sở hữu bởi Công ty
Ngân hàng Keo Hana - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	100.000.000.000			
Asam Vietnam Multi-strategy Hedge Fund 3	2.000.000.000	Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào tháng 9 năm 2025. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành vào ngày 15 tháng 3 và 15 tháng 9 hàng năm	11%	Tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh sở hữu bởi Công ty
Công ty TNHH chứng khoán Shinhan Việt Nam	50.000.000.000			
Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam	100.000.000.000	Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào tháng 9 năm 2025. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành vào ngày 15 tháng 3 và 15 tháng 9 hàng năm	11%	Tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh sở hữu bởi Công ty
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	150.000.000.000			
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	80.000.000.000	Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào tháng 9 năm 2025. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành vào ngày 15 tháng 3 và 15 tháng 9 hàng năm	11%	Tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh sở hữu bởi Công ty
Công ty TNHH chứng khoán JB Việt Nam	55.000.000.000			
Asam Vietnam Multi-strategy Hedge Fund 3	30.000.000.000	Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào tháng 9 năm 2025. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành vào ngày 15 tháng 3 và 15 tháng 9 hàng năm	11%	Tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh sở hữu bởi Công ty
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(5.490.234.119)			
TỔNG CỘNG	951.509.765.881			
Trong đó:				
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	789.018.582.486			
Trái phiếu phát hành dài hạn	162.491.183.395			

26.5 NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Tập đoàn hiện đang thuế máy móc, thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Chi tiết nợ thuế tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Khoản mục	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản nợ thuế tài chính	32.978.843.290	Kỳ hạn vay từ 24 - 84 tháng, gốc và lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng cùng hạn vào tháng 12 năm 2026. Gốc vay và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng.	7,6% - 10,3%
Trong đó:			
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.520.080.288		
Nợ dài hạn	16.458.763.002		

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính
Nợ thuế tài chính ngắn hạn				
Từ 1 năm trở xuống	19.273.427.003	2.753.346.715	16.520.080.288	30.281.108.266
Nợ thuế tài chính dài hạn				
Trên 1-5 năm	18.287.514.446	1.828.751.444	16.458.763.002	33.886.958.839
TỔNG CỘNG	37.560.941.449	4.582.098.159	32.978.843.290	64.168.067.105
				7.839.903.218
				56.328.163.887

Đơn vị tính: VND

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp thất nghiệp	4.198.200.509	-
TỔNG CỘNG	4.198.200.509	-

28. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	35.799.283.703	23.597.866.207
Trích quỹ trong năm (*)	19.342.765.871	69.894.234.528
Sử dụng trong năm	(39.261.037.638)	(57.692.817.032)
Số cuối năm	15.881.011.936	35.799.283.703

(*) Trích quỹ trong năm bao gồm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 29.1

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

29.1. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND	Tổng cộng			
										Số đầu năm	Tăng vốn trong năm	Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát
	2.024.223.220.000	657.000.439.100	70.780.511.902	(5.136.280.855)	15.338.409.392	94.372.433.447	3.086.358.239.171		5.942.936.972.157			
	487.768.260.000	(487.768.260.000)	-	-	-	-	-		-			
	-	-	-	-	-	-	766.395.284.242		766.395.284.242			
	-	-	-	-	-	(19.476.217.687)	76.886.337.666		57.410.119.979			
	-	-	-	-	-	(31.029.520.941)	(38.864.713.587)		(69.894.234.528)			
	-	-	9.237.355.981	-	-	(15.042.220.688)	-		(5.804.864.707)			
	-	-	-	-	-	47.940.416.700	(501.738.931.100)		(453.798.514.400)			
	-	-	-	11.743.045.770	-	-	9.951.726.432		21.694.772.202			
	-	-	-	-	-	-	(100.000.000)		(100.000.000)			
	-	-	-	-	-	(3.344.584.379)	785.216.278		(2.559.368.101)			
	2.511.991.480.000	169.232.179.100	80.017.867.883	6.606.764.915	15.338.409.392	73.420.306.452	3.399.673.159.102		6.256.280.166.844			
	-	-	-	-	-	(5.067.612.235)	3.037.308.971		(2.030.303.264)			
	2.024.223.220.000	657.000.439.100	70.780.511.902	(5.136.280.855)	15.338.409.392	94.372.433.447	3.086.358.239.171		5.942.936.972.157			

Đơn vị tính: VND		Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay									
Số đầu năm		2.511.991.480.000	169.232.179.100	80.017.867.883	6.606.764.915	15.338.409.392	73.420.306.452	3.399.673.159.102	6.256.280.166.844
Giảm do mua lại cổ phiếu ưu đãi (i)		(73.148.800.000)	(140.727.360.920)	-	-	-	-	-	(213.876.160.920)
Lợi nhuận trong năm		-	-	-	-	-	34.653.893.039	184.628.985.336	219.282.878.375
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)		-	-	-	-	-	(9.892.891.533)	(9.449.874.338)	(19.342.765.871)
Chia cổ tức		-	-	-	-	-	(503.696.493)	(9.177.589.000)	(9.681.285.493)
Tăng/giảm tỷ lệ lợi ích trong các công ty con hiện hữu không mất quyền kiểm soát (iii)		-	-	-	-	-	(267.892.464.034)	(225.384.856.595)	(493.277.320.629)
Mua công ty con mới		-	-	-	-	-	-	(20.257.035.843)	(20.257.035.843)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất		-	-	-	4.928.831.861	-	-	8.165.694.931	13.094.526.792
Giảm khác		-	-	-	-	-	(830.862.040)	(3.964.344.755)	(4.795.206.795)
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát bởi công ty con		2.438.842.680.000	28.504.818.180	80.017.867.883	11.535.596.776	15.338.409.392	(171.045.714.609)	3.324.234.138.838	5.727.427.796.460
Giảm khác		-	-	-	-	-	(5.067.612.235)	3.037.308.971	(2.030.303.264)
Số cuối năm		2.438.842.680.000	28.504.818.180	80.017.867.883	11.535.596.776	15.338.409.392	(171.045.714.609)	3.324.234.138.838	5.727.427.796.460

(i) Theo Nghị quyết số 291102/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 121201/2022/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2022, Hội đồng quản trị thông qua phương án mua lại cổ phần ưu đãi cổ tức, hoàn lại và có thể chuyển đổi năm 2018 ("Cổ phiếu ưu đãi"), Tập đoàn đã hoàn tất mua lại 7.314.880 cổ phiếu ưu đãi với giá mua 29.239 VND/cổ phiếu trong tháng 3 năm 2023. Sau giao dịch này, vốn cổ phần đã phát hành của Tập đoàn giảm 73.1 tỷ VND.

(ii) Các công ty con đã thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của các công ty con trong năm.

(iii) Các giao dịch thay đổi tỷ lệ lợi ích trong các công ty con hiện hữu không dẫn đến mất quyền kiểm soát chủ yếu bao gồm:

- Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã chuyển nhượng 8.400.000 cổ phần Công ty PBAT, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 28,38% với tổng giá phí 117,6 tỷ VND. Theo đó, Công ty Nhựa An Phát Xanh nhận chuyển nhượng 5.300.000 cổ phần, công ty Nhựa Hà Nội nhận chuyển nhượng 3.100.000 cổ phần. Sau giao dịch này, Công ty không còn sở hữu trực tiếp cổ phần trong Công ty PBAT.
- Trong tháng 6 năm 2023, Công ty đã bán 10.000.000 cổ phần Công ty Nhựa An Phát Xanh thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 2,62% với tổng giá phí là 116,1 tỷ VND (Thuyết minh số 4).
- Trong tháng 6 năm 2023, Công ty Nhựa Hà Nội đã nhận chuyển nhượng 1.610.000 cổ phần Công ty PBAT, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 5,44%. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty Nhựa Hà Nội trong Công ty PBAT là 39,02%.
- Trong tháng 6 năm 2023, Công ty An Tiến đã nhận chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần Công ty PBAT, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 7,69%. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty An Tiến trong Công ty PBAT là 33,85%.
- Trong tháng 11 năm 2023, Công ty đã bán 5.000.000 cổ phần Công ty Nhựa Hà Nội thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 6,86% với tổng giá phí là 104,1 tỷ VND.
- Trong tháng 11 năm 2023, Công ty An Phát Complex và Công ty Nhựa An Phát Xanh đã nhận chuyển nhượng tổng cộng 18.375.000 cổ phần Công ty An Phát Complex 1, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp lần lượt là 25% và 24%. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty An Phát Complex và Công ty Nhựa An Phát Xanh trong Công ty An Phát Complex 1 là 76% và 24% (Thuyết minh số 4).

30. DOANH THU

30.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	14.530.290.338.324	17.354.978.265.243
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	7.685.737.550.770	9.845.863.712.215
Doanh thu bán thành phẩm	6.572.130.386.047	7.112.750.560.418
Doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	131.884.093.287	106.429.283.558
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp ghi nhận 1 lần (*)	-	78.093.971.010
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.907.479.685	211.102.892.412
Doanh thu hoạt động khác	630.828.535	737.845.630
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.354.251.448)	(28.363.692.619)
Doanh thu thuần	14.521.936.086.876	17.326.614.572.624
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	14.487.430.743.718	17.217.082.828.767
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 37)	34.505.343.158	109.531.743.857

(*) Trong các năm trước, Tập đoàn ghi nhận doanh thu một lần đối với các hợp đồng cho thuê tài sản dài hạn mà Tập đoàn thuê đất từ Nhà nước theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê, có nhận trước tiền thuê của nhiều kỳ, và có thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản đó, theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3.18. Nếu doanh thu từ việc cho thuê này được ghi nhận theo phương pháp phân bổ theo thời gian cho thuê, ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận gộp của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay		Năm trước	
	Trường hợp doanh thu được ghi nhận một lần	Trường hợp doanh thu được phân bổ trong thời hạn thuê	Trường hợp doanh thu được ghi nhận một lần	Trường hợp doanh thu được phân bổ trong thời hạn thuê
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.521.936.086.876	14.523.715.499.080	17.326.614.572.624	17.250.520.895.174
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(13.095.883.733.741)	(13.097.373.844.185)	(15.808.814.454.827)	(15.786.673.659.090)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.426.052.353.135	1.426.341.654.895	1.517.800.117.797	1.463.847.236.084

30.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	190.644.102.478	136.333.279.965
Lãi chênh lệch tỷ giá	79.829.905.238	138.923.308.040
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	16.701.150.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.556.100.000	398.699.878
TỔNG CỘNG	272.030.107.716	292.356.437.883

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.421.456.335.104	9.819.079.298.202
Giá vốn thành phẩm đã bán	5.516.243.491.811	5.772.739.048.145
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	96.059.935.555	148.812.136.932
Giá vốn bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	61.484.367.639	66.990.106.746
Giá vốn hoạt động khác	639.603.632	1.193.864.802
TỔNG CỘNG	13.095.883.733.741	15.808.814.454.827

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	299.819.925.236	290.475.921.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.989.734.711	80.236.177.270
Chi phí tài chính khác	4.251.719.544	8.693.977.850
TỔNG CỘNG	333.061.379.491	379.406.076.463

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	540.417.416.536	786.090.207.693
Chi phí nhân công	34.041.123.864	32.226.780.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.920.828.293	15.001.558.096
Chi phí khác	12.659.676.197	16.382.484.190
TỔNG CỘNG	600.039.044.890	849.701.030.270
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	183.034.922.130	164.726.355.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	134.892.873.491	117.894.668.360
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 20)	58.565.380.238	58.453.077.093
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	19.019.386.110	9.586.122.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.068.047.506	31.616.161.311
Chi phí khác	45.426.272.898	45.055.598.900
TỔNG CỘNG	476.006.882.373	427.331.983.950

(*) Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu ("các Công ty EY") phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm toàn bộ phí kiểm toán riêng và hợp nhất của Tập đoàn mà Công ty Ernst & Young thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Phí kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Tập đoàn	3.110.356.214	2.961.150.273
TỔNG CỘNG	3.110.356.214	2.961.150.273

34. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	21.488.604.852	12.113.473.390
Thu nhập khác do hủy hợp đồng	9.524.078.884	1.586.165.272
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.804.189.976	2.319.030.497
Thu nhập khác	7.160.335.992	8.208.277.621
Chi phí khác	11.741.682.279	14.257.951.971
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	434.860.018	4.347.419.703
Chi phí khác	11.306.822.261	9.910.532.268
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC	9.746.922.573	(2.144.478.581)

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	3.912.745.987.704	4.260.586.810.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.241.106.260.113	1.827.397.785.903
Chi phí nhân công	860.002.709.287	821.226.446.395
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định, phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ chi phí thuê đất trả trước dài hạn	489.582.892.895	477.662.915.343
Chi phí khác	85.848.502.220	234.260.948.448
TỔNG CỘNG	6.589.286.352.219	7.621.134.906.919

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ những trường hợp sau đây:

- Thuế TNDN áp dụng cho Công ty An Phát Complex là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động chuyển nhượng đất của Dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp An Phát Complex của Công ty. Theo đó, thu nhập chuyển nhượng đất từ Dự án này có thuế suất thuế TNDN hàng năm đến năm 2026 là 5%, năm 2027 là 10% và trong các năm tiếp theo sau đó là 20% do Công ty An Phát Complex được kế thừa các ưu đãi thuế từ nhận chuyển nhượng dự án cũ. Thuế suất thuế TNDN trong năm cho hoạt động này là 5%;
- Đối với Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃ mở rộng và bột đá CaCO₃ của Công ty An Tiến, theo công văn số 2093/CT-TTHTNNT của Cục thuế tỉnh Yên Bái ngày 20 tháng 6 năm 2019, Công ty An Tiến được miễn thuế TNDN trong 2 năm (từ năm 2018 đến năm 2019) và được giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2023) với phần thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng. Thuế suất thuế TNDN trong năm cho hoạt động này là 10%;
- Công ty An Thành Singapore chịu thuế suất 17% theo Luật thuế TNDN của Singapore; và công ty này được miễn 75% thuế đối với 10.000 đô la Singapore thu nhập chịu thuế đầu tiên và miễn 50% thuế đối với 190.000 đô la Singapore thu nhập chịu thuế tiếp theo;
- Công ty APA và Công ty AFC chịu thuế suất 21% theo Luật thuế TNDN của Hoa Kỳ;
- Công ty Ankor chịu thuế lũy tiến theo thu nhập, cụ thể thuế suất phổ thông 9% đối với thu nhập dưới 200 triệu KRW; 19% đối với thu nhập từ 200 triệu đến 20 tỷ KRW; 21% đối với thu nhập từ 20 tỷ đến 300 tỷ KRW và 24% đối với thu nhập trên 300 tỷ KRW theo Luật thuế TNDN của Hàn Quốc.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

36.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	101.939.382.276	104.428.932.798
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	683.074.820
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(6.204.325.224)	(5.362.388.729)
TỔNG CỘNG	95.735.057.052	99.749.618.889

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	315.017.935.427	157.159.738.868
Thuế TNDN theo các thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con	62.212.043.018	28.720.783.999
Thuế suất thuế TNDN 20%	73.145.256.921	50.906.988.083
Thuế suất thuế TNDN 21%	(13.934.116.099)	(23.917.477.403)
Thuế suất thuế TNDN 17%	2.255.767.864	1.163.924.994
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10%	833.396.499	167.603.611
Thuế suất thuế TNDN 9%	(96.299.806)	-
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 5%	8.037.639	399.744.714
Các khoản điều chỉnh:		
Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế	22.866.571.161	63.299.953.084
Điều chỉnh lãi phát sinh trên báo cáo hợp nhất từ các giao dịch chuyển nhượng vốn	3.243.209.148	14.481.154.657
Phân bổ lợi thế thương mại	11.713.076.045	11.690.615.419
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.666.341.679	4.879.768.158
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132	13.589.881.633	3.744.891.158
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	1.159.959.886
Điều chỉnh khác	(4.116.354.731)	2.269.575.629
Lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	(3.259.171.751)	(1.117.350.490)
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(13.839.296.495)	(4.573.760.127)
Điều chỉnh cho các khoản dự phòng đầu tư vào công ty con và liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất	(341.242.655)	(24.805.972.484)
Chi phí thuế TNDN	95.735.057.052	99.749.618.889

36.2 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

36.3 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI CHƯA ĐƯỢC GHI NHẬN

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được như sau:

Công ty và các công ty ở Việt Nam có các khoản lỗ lũy kế là khoảng 489,5 tỷ VND có sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó theo quy định của pháp luật Việt Nam; và

Các công ty ở nước ngoài có các khoản lỗ lũy kế là khoảng 313,5 tỷ VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong một khoảng thời gian nhất định trong tương lai, tùy theo luật thuế của các nước sở tại.

Các khoản lỗ tính thuế nêu trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngoại trừ khoản lỗ tính thuế với giá trị 26,2 tỷ VND của Công ty An Phát Complex 1, Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế của Công ty và các công ty con còn lại do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Chi phí lãi vay chưa được khấu trừ

Phần chi phí lãi vay chưa được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại Nghị định này. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay chưa được trừ này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm này.

36.4 THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch tạm thời liên quan lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	9.274.956.698	9.345.756.141	70.799.443	2.907.458.011
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	1.316.838.535	1.258.758.702	(58.079.833)	1.258.758.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	799.356.573	1.196.172.016	396.815.443	1.196.172.016
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	5.911.782.676	-	(5.911.782.676)	-
Các khoản khác	522.371.267	-	(522.371.267)	-
	17.825.305.749	11.800.686.859		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch từ việc đánh giá giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	12.438.709.938	-	(179.706.334)	-
	12.438.709.938	-	(179.706.334)	-
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(6.204.325.224)	5.362.388.729

37. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên có liên quan của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày tại mục (VII) trong Báo cáo tình hình quản trị số 3001/2024/BC-APH theo các quy định pháp luật và đã được công bố thông tin đại chúng ngày 30 tháng 1 năm 2024.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Mua hàng hóa, dịch vụ	Cho vay	Thu hồi gốc vay	Đi vay	Trả tiền vay	Nhận cổ tức
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	10.805.458.746	77.642.401.350	-	1.300.000.000	10.000.000.000	8.000.000.000	-
Công ty nhựa bao bì Vinh	Công ty	19.032.980.370	196.000.000	-	-	-	-	4.703.974.200
liên kết	19.032.980.370	1.290.878.104	71.274.140.057	3.500.000.000	14.500.000.000	19.800.000.000	19.800.000.000	-
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	1.290.878.104	71.274.140.057	3.500.000.000	14.500.000.000	19.800.000.000	19.800.000.000	-
Công ty Suốt đản An Phát	Công ty liên kết	3.376.025.938	32.909.355.022	-	-	-	-	-
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tạm ứng	Hoàn ứng					
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	53.815.935.092	51.374.539.665					
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt	15.192.444.000	18.168.068.719					

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Mua hàng hóa, dịch vụ	Cho vay	Thu hồi gốc vay	Đi vay	Trả tiền vay	Nhận cổ tức
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	40.701.405.098	224.095.935	3.657.040.000	-	-	-	-
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	30.262.744.908	35.310.470.334	29.200.000.000	78.350.000.000	-	-	-
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	10.417.795.057	94.528.751.322	26.000.000.000	24.700.000.000	-	-	3.360.000.000
Công ty Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết	27.584.461.120	2.220.318.200	-	-	-	-	4.703.974.200
Công ty Suốt đản An Phát	Công ty liên kết từ tháng 11 năm 2022	565.337.674	6.090.966.336	-	-	-	-	-
Ông Phạm Anh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	-	-	-	-	8.089.994.126	9.460.375.090	-
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	-	-	-	-	1.010.537.000	279.433.607	-
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	-	-	-	-	15.486.884.015	17.322.000.000	-
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Lãnh đạo chủ chốt	-	-	-	-	328.000.000	1.161.877.396	-
Bà Nguyễn Thị Tiên	Lãnh đạo chủ chốt	-	-	-	-	934.800.000	1.500.000.000	-
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt	-	-	-	-	12.060.857.000	277.134.678	-
Ông Nguyễn Lê Trung	Lãnh đạo chủ chốt	-	-	-	-	641.634.613	829.957.884	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản vay, cho vay, đầu tư, phải thu, phải trả đối với các bên liên quan của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền cho vay các bên liên quan (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Ankor	Công ty con (từ 30 tháng 6 năm 2023)	Phải thu bán hàng hóa	-	43.349.272.376
Công ty AnBio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu bán hàng hóa	3.781.799.955	9.571.604.539
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng hóa	1.406.603.567	3.575.467.256
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết từ tháng 12 năm 2022	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	3.223.500.000
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng hóa	792.842.364	87.450.000
Bên liên quan khác			85.184.154	115.846.452
			6.066.430.040	59.923.140.623

Phải thu dài hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)

Công ty Ankor Bioplastics	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu bán máy móc	-	50.167.619.216
			-	50.167.619.216

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)

Công ty Ankor	Công ty con (từ 30 tháng 6 năm 2023)	Trả trước tiền mua hàng hóa	-	17.587.245.188
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Trả trước tiền mua hàng	-	3.228.690.598
			-	20.815.935.786

Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)

Công ty Ankor	Công ty con (từ 30 tháng 6 năm 2023)	Cho vay	-	20.213.440.000
Công ty AnBio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay	-	10.600.000.000
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Cho vay	-	1.300.000.000
			-	32.113.440.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 9)				
Công ty Ankor	Công ty con (từ 30 tháng 6 năm 2023)	Phải thu về đặt cọc	-	927.062.349
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Phải thu từ lãi cho vay	76.351.265	823.685.547
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ lãi cho vay	211.464.364	688.725.055
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	11.271.900.082	14.247.524.801
Ông Phạm Hoàng Việt	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	-	9.153.538.058
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	2.730.236.319	3.985.238.392
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	201.509.035	812.994.639
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	479.095.283	71.101.986
Các bên liên quan khác		Phải thu khác	636.278.759	720.798.877
			15.606.835.107	31.430.669.704

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 21.1)

Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	4.531.619.011	23.830.046.400
Công ty AnBio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	5.694.537.353	8.673.728.102
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết từ tháng 12 năm 2022	Mua hàng hóa	2.879.771.160	2.443.212.680
Công ty Ankor			-	807.863.276
			13.105.927.524	35.754.850.458

Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 21.2)

Công ty AnBio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	2.434.239.106	-
			2.434.239.106	-
			2.434.239.106	-

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 25)

Công ty KB	Cổ đông	Cổ tức phải trả	-	818.096.266
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết từ tháng 12 năm 2022	Phải trả khác	-	160.000.000
			-	978.096.266

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 26)				
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	2.000.000.000	-
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	773.584.906	-
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
			2.773.584.906	2.000.000.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc tại Công ty trong năm:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023)	-	787.604.321
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023)	2.752.629.666	731.250.321
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực	2.753.283.000	801.278.523
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	-	189.732.489
TỔNG CỘNG		6.165.912.666	3.169.865.654

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Ban kiểm soát	132.000.000	132.000.000
	132.000.000	132.000.000

38. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ	34.656.019.109	(19.476.217.687)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác phục vụ ban điều hành (*)	-	(9.892.891.533)
Lợi tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	(503.696.493)	(5.804.864.707)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.152.322.616	(35.173.973.927)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	243.884.302	243.884.302
Ảnh hưởng suy giảm		-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	243.884.302	243.884.302
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	140	(144)
Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	140	(144)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về địa điểm theo địa điểm tài sản của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được tổ chức và quản lý theo địa điểm kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn cũng lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo thứ yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty cũng bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

Tập đoàn theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Tập đoàn trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Tập đoàn (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

39.1 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý (tính theo xuất xứ của hàng hóa) của Tập đoàn như sau:

	Đơn vị tính: VND					
	Việt Nam	Cộng hòa Singapore	Hợp chủng quốc Hoa Kỳ	Hàn Quốc	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	11.646.814.411.720	1.861.712.440.706	961.244.650.989	52.164.583.461	-	14.521.936.086.876
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	231.839.576.531	416.130.376.871	72.415.289.255	-	(720.385.242.657)	-
Tổng doanh thu	11.878.653.988.251	2.277.842.817.577	1.033.659.940.244	52.164.583.461	(720.385.242.657)	14.521.936.086.876
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Khấu hao, hao mòn và phần bổ chi phí thuê đất trả trước dài hạn	474.913.776.434	-	4.830.175.379	9.838.941.082	-	489.582.892.895
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	16.295.858.757	-	-	-	-	16.295.858.757
Thu nhập trước thuế theo bộ phận	400.554.357.698	16.113.154.755	(64.902.887.095)	(1.758.199.486)	-	350.006.425.872
Chi phí không phân bổ				(34.988.490.445)		(34.988.490.445)
Các thông tin bộ phận khác						
Đầu tư vào công ty liên kết	232.491.376.638	-	-	-	-	232.491.376.638
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	686.118.735.269	-	-	-	-	686.118.735.269
Tài sản bộ phận	6.328.309.801.808	149.522.461.868	179.510.806.357	174.645.943.974	-	6.831.989.014.007
Tài sản không phân bổ						5.540.486.958.622
Tổng tài sản						12.372.475.972.629
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	1.817.238.038.041	131.169.000.893	38.497.330.683	123.646.829.707	-	2.110.551.199.324
Tổng nợ phải trả không phân bổ						4.534.496.976.845
Tổng nợ phải trả						6.645.048.176.169

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Dưới đây là thông tin về doanh thu thuần của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa, bao bì và nhựa kỹ thuật cao	14.250.144.513.904
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	131.884.093.287
Cung cấp dịch vụ	139.907.479.685
TỔNG CỘNG	14.521.936.086.876

Dưới đây là thông tin về giá trị còn lại của tài sản của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm
Tài sản phân bổ theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh	6.831.989.014.007
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa, bao bì và nhựa kỹ thuật cao	5.146.463.631.823
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	1.659.075.657.678
Dịch vụ vận chuyển	26.449.724.506
Tài sản không phân bổ	5.540.486.958.622
TỔNG CỘNG	12.372.475.972.629

39.1 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý (tính theo xuất xứ của hàng hóa) của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

Doanh thu	Việt Nam	Cộng hòa Singapore	Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	13.124.155.721.418	2.894.129.987.336	1.308.328.863.870	-	17.326.614.572.624
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	2.565.798.987.733	940.923.331.485	26.670.419.667	(3.533.392.738.885)	-
Tổng doanh thu	15.689.954.709.151	3.835.053.318.821	1.334.999.283.537	(3.533.392.738.885)	17.326.614.572.624
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí thuê đất trả trước dài hạn	475.601.003.012	-	2.061.912.331	-	477.662.915.343
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	5.586.752.452	-	-	-	5.586.752.452
Thu nhập trước thuế theo bộ phận	354.905.464.245	13.481.277.787	(127.619.638.455)	-	240.767.103.577
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ	-	-	-	(83.607.364.709)	(83.607.364.709)
Các thông tin bộ phận khác					
Đầu tư vào công ty liên kết	223.423.698.876	-	-	-	223.423.698.876
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	280.804.348.237	-	632.915.712	-	281.437.263.949
Tài sản bộ phận	8.492.857.161.429	181.355.853.328	331.568.036.050	-	9.005.781.050.807
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	3.548.379.117.252
Tổng tài sản	1.506.194.920.697	118.598.498.480	81.804.401.984	-	1.706.597.821.161
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	-	-	-	-	4.591.282.180.054
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	6.297.880.001.215

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Dưới đây là thông tin về doanh thu thuần của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

	Năm trước
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì	16.930.988.425.644
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	184.523.254.568
Cung cấp dịch vụ	211.102.892.412
TỔNG CỘNG	17.326.614.572.624

Dưới đây là thông tin về giá trị còn lại của tài sản của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

	Năm trước
Tài sản phân bổ theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh	9.005.781.050.807
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì	7.222.439.851.484
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	1.678.461.829.585
Dịch vụ vận chuyển	104.879.369.738
Tài sản không phân bổ	3.548.379.117.252
TỔNG CỘNG	12.554.160.168.059

40. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất, nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	11.070.436.258	15.646.899.935
Từ 1 – 5 năm	15.275.130.269	22.299.292.777
Trên 5 năm	65.952.812.100	892.275.911.873
TỔNG CỘNG	92.298.378.627	930.222.104.585

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm (*)	Số đầu năm
Đến 1 năm	58.263.499.557	19.434.975.130
Từ 1 – 5 năm	166.801.864.393	92.345.385.059
Trên 5 năm	1.377.197.121.702	163.152.877.821
TỔNG CỘNG	1.602.262.485.652	274.933.238.010

(*) Bao gồm số tiền thuê đã nhận trước của các bất động sản đầu tư thuộc dự án An Phát Complex và Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex 1 (xem Thuyết minh số 24).

Cam kết bảo lãnh thanh toán

Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty An Cường đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm ván sàn với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty Nhựa An Phát Xanh đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Các khoản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản

Công ty và Công ty Nhựa An Phát Xanh cam kết liên đới bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho tất cả và bất kỳ nghĩa vụ nào của Công ty An Phát Complex phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hợp vốn, trong đó bên cho vay là Ngân hàng Industrial And Commercial Bank of China Limited – Chi nhánh Thành phố Hà Nội và Ngân hàng KEB HANA – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Cam kết liên quan đến xây dựng đầu tư

Tập đoàn đã ký kết hợp đồng liên quan đến việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp An Phát Complex 1. Tổng số tiền cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 ước tính là 155,1 tỷ VND.

Cam kết liên quan đến chi phí thuê đất

Vào tháng 10 năm 2022, Công ty APC1 – công ty con của Tập đoàn đã ký hợp đồng thuê đất lần 1 số 2504/HĐTD với Ủy Ban nhân dân tỉnh Hải Dương, tổng diện tích đất đi thuê là 1.752.493m² trong vòng 50 năm. Đồng thời, Công ty APC1 cũng nhận được quyết định số 10956/QĐ-CTHDU ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc miễn tiền thuê đất và công văn số 2641/XN-CTHDU ngày 23 tháng 2 năm 2023 về việc miễn trừ tiền bồi thường hỗ trợ vào tiền thuê đất của dự án Khu công nghiệp An Phát Complex 1. Theo đó, sau thời gian được miễn và miễn trừ tiền bồi thường hỗ trợ vào tiền thuê đất, Công ty APC1 có trách nhiệm trả tiền thuê đất từ tháng 4 năm 2052 cho tới hết tháng 2 năm 2071 đối với diện tích đất xây dựng nhà máy – kho tàng, đất trung tâm điều hành – dịch vụ thuộc địa bàn xã Quốc Tuấn, xã An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và từ tháng 5 năm 2059 cho tới hết tháng 2 năm 2071 đối với diện tích đất xây dựng nhà máy – kho tàng thuộc địa bàn xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

41. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	44.967.134,03	19.191.975,90
Euro (EUR)	31.111,31	10.729,03
Đồng bảng Anh (GBP)	74,17	92,65
Đô la Singapore (SGD)	36.417,69	15.954,02
Won Hàn Quốc (KRW)	216.294.765	-
Đồng Yên Nhật (JPY)	81.000,00	81.000,00
Dirham (DIR)	1.680,00	1.680,00
Đồng Rúp (RUB)	11.950	-

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Hồ Thị Hòe
Người lập kiêm Kế toán trưởng
Hải Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc



TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS (HOSE: APH)



Lô CN11+CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng,
Huyện Nam Sách, Hải Dương.



www.anphatholdings.vn

Thông tin liên hệ bộ phận Nhà đầu tư

Ông Nguyễn Trung Kiên

Giám đốc quan hệ nhà đầu tư



ir@anphatholdings.vn



+84 904 917 686